

BÁCH KHOA

SỐ 65 — NGÀY 15.9.1959

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Vấn-đề phát-triển kinh-tế.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Ôc thăm-mỹ và cái đẹp.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Viện - trạ kỹ - thuật: huyền-thuật Tây-phương ?
PHẠM-HOÀNG	Thắc mắc.
ĐOÀN-THÊM	24 giờ của chúng ta.
NGUYỄN-THIỆU-LẬU	Một chiến-công của Phạm-Hữu-Tâm.
NGUYỄN-TIẾN-CHIỂU	Tìm hiểu nguồn gốc Quan-họ Bắc-ninh.
NGUYỄN-PHỦ	Bản về con đường của « Từ-Thức ».
TRIỀU-ĐẬU	{ Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-quốc.
PHẠM-CÔNG-THIỆN	
THANH-THUYỀN	" Biện-chứng giải-thoát trong Phật-giáo " của Nguyễn-Văn-Trung.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	Tiểu-thuyết, truyện ngắn và tân truyện.
Cô PHƯƠNG-THẢO	Điểm sách : Di Mơ.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Tôi đóng phim lại Pháp.
NGUYỄN-NGU-Í	Đáng hay Ngọt (thơ).
LÊ-VĂN	Cảm nghĩ (truyện ngắn).
HUY-TRÂM	Tình thu (thơ).
THANH-AN	Duyên trăng (thơ).
NGUYỄN-ĐỨC-THU	Mưa đêm (thơ).
VŨ-QUỲNH-BANG	Một đêm trung thu (truyện ngắn).
BÌNH-CƯỜNG	Nhớ mùa thu cũ (thơ).
ĐÔNG-XUYỀN	Trăng thu (thơ).
VI-HUYỀN-ĐẮC	Khởi lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°

— Rượu Tàu " *Lao-Mạnh-Tiểu* "

— Rượu Tàu " *Tch-Tho-Tiểu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

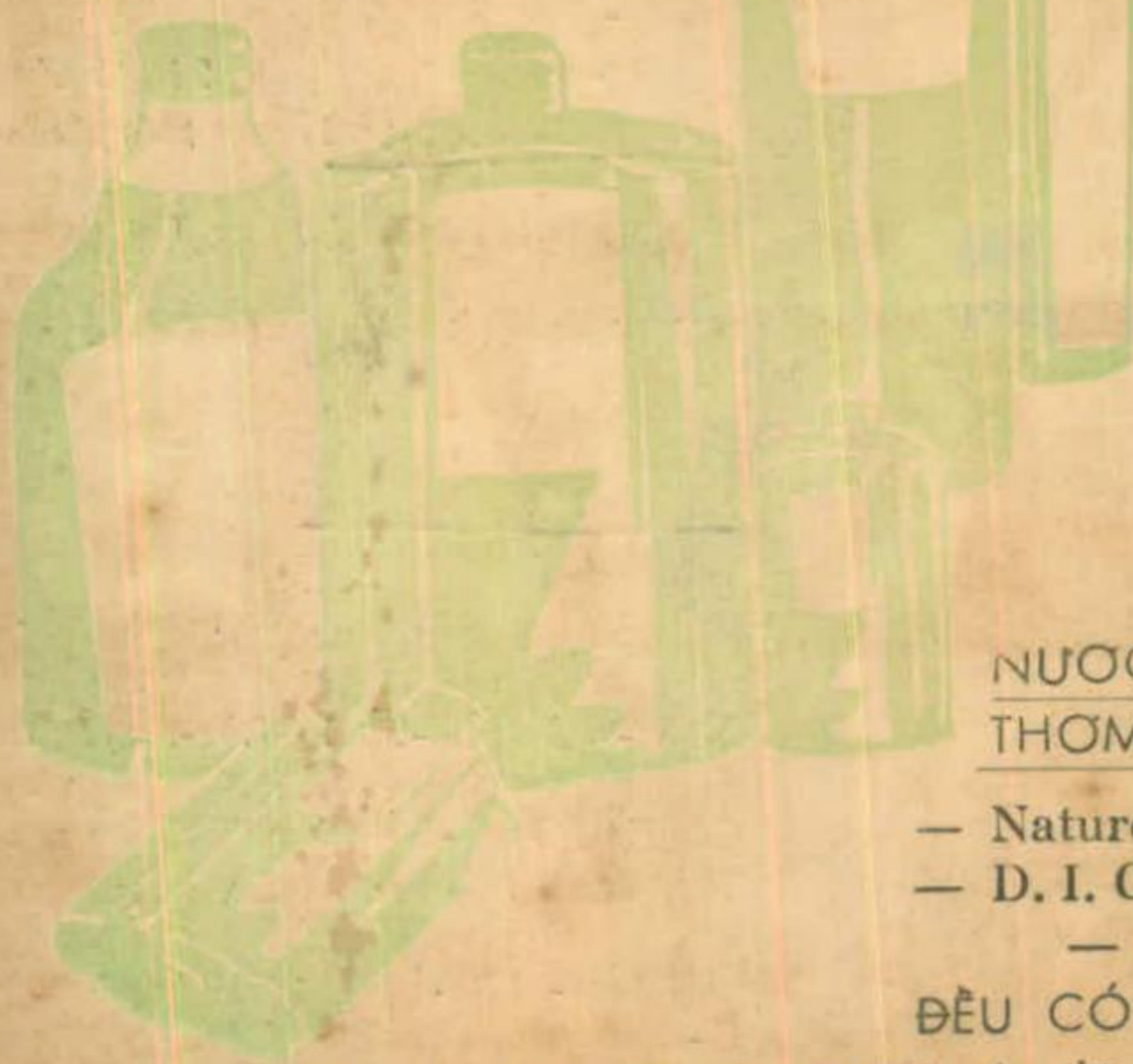
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NUỚC HOA và DAU
THƠM « **D.I.C.** » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHAP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHÂN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHÂN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

DU LỊCH NHA-TRANG... DU LỊCH NHA-TRANG...



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

XIN HIỂN QUÝ KHÁCH

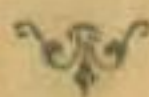
— *Chuyến bay đặc - biệt cuối tuần đi NHA - TRANG.*

Khởi hành tại Sài Gòn mỗi trưa **Thứ Bảy 13g. 30**

Ở Nha-trang trở về sáng sớm **Thứ Hai 06g. 45**

— *An nghỉ tại khách-sạn Hôtel Frégate hay Hôtel Nautique.*

— *Có những cuộc du-ngọan do VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG tại NHA-TRANG tổ-chức.*



XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 — 60 : 5 tập : 525 đ.



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



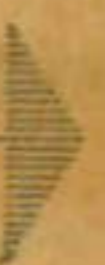
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CÓ **DẦU** TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA



Ngay những khi ta cầu nguyện, dầu cũng góp phần vào việc đó.

Hầu hết đèn nến là pho-sơ của dầu cũng như chất nhựa keo với các vật-dụng bằng nhựa vậy.

Hằng ngày dầu được dùng trong khắp lãnh thổ Việt-Nam... trong đồng quê... trong gia-đình... trong nhà sở... trong xí-nghiệp.

Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.



HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VÀ CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V..



BÁCH - KHOA

Số 65 — Ngày 15-9-1959

HUỖNH-VĂN-LANG
 NGUYỄN-HIẾN-LÊ
 HOÀNG-MINH-TUYNH
 PHẠM-HOÀNG
 ĐOÀN-THÊM
 NGUYỄN-THIỆU-LÂU
 NGUYỄN-TIẾN-CHIỂU
 NGUYỄN-PHỦ
 TRIỀU-ĐẦU, PHẠM-CÔNG-THIỆN
 THANH-THUYỀN
 BÌNH-NGUYÊN-LỘC
 Cô PHƯƠNG-THẢO
 TRẦN-NGUYỄN ANH-CA
 NGUYỄN-NGU-Í
 LÊ-VĂN
 HUY-TRÂM
 THANH-AN
 NGUYỄN-ĐỨC-THU
 VŨ-QUỲNH-BANG
 ĐINH-CƯỜNG
 ĐÔNG-XUYỀN
 VI-HUYỀN-ĐẮC

	Trang
Văn-đề phát-triển kinh-tế	3
Ôc thăm-mỹ và cái đẹp	11
Văn-đề viện-trợ kỹ-thuật phải chăng huyền-thuật Tây-phương ?	14
Thắc mắc	22
24 giờ của chúng ta.	23
Một chiến-công của Phạm-Hữu-Tâm.	32
Tìm hiểu nguồn gốc Quan-họ Bắc- ninh	36
Bản về con đường của Từ-Thửc	41
Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại- quốc	46
"Biện-chứng giải-thoát trong Phật- giáo" của Nguyễn-Văn-Trung.	55
Tiểu-thuyết, truyện ngắn và tân truyện	63
Điểm sách : Di Mơ	69
Tôi đóng phim tại Pháp	81
Đắng hay Ngọt (thơ).	85
Cảm nghĩ (truyện ngắn)	87
Tình thu (thơ)	90
Duyên trăng (thơ)	93
Mưa đêm (thơ)	95
Một đêm trung thu (truyện ngắn).	96
Nhớ mùa thu cũ (thơ)	101
Trăng thu (thơ).	103
Khói lửa kinh thành	104

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HUỖNH-VĂN-LANG : *Phương-diện hành-chánh của sự hoạch-định kinh-lẽ.*
- LÊ-LINH : *Vấn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam.*
- ĐOÀN-THÊM : *Trở lại vấn-đề tiến-bộ.*
- NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG : *Sự phân loại sách và các hệ-thống thư-viện trên thế-giới.*
- PHAN-VỌNG-HÚC : *Ông Nguyễn-Quý-Tân.*
- LÊ-NGỌC-TRỤ : *Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.*
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA : *Lịch-sử cây đàn mã-đầu hồ-cầm của Mông-cồ.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Hát chèo.*
- NGUYỄN : *Trong đồng hoang (truyện dịch).*
- VŨ-ANH-TUẤN : *Thôn-dã (truyện dịch).*
- VŨ-PHIẾN : *Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).*
- VŨ-HẠNH : *Người nữ tỳ (truyện ngắn).*
- TẦN-VŨ : *Đi trong đêm (truyện ngắn).*
- KIỀU-YIÊU : *Thần Ếch (dịch Liêu-Trai).*
- Bà NGUYỄN-THỊ-VINH; : *Ý-kiến về truyện ngắn.*
- LƯU-NGHI

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

VĂN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ ² ² ² (1)

(tiếp theo B. K. số 64)

PHẦN THỨ II

Những yếu-tố định-đoạt
sự phát-triển kinh-tế và những
chủ-trương phát-triển kinh-tế

HUỲNH-VĂN-LANG

I.— Những yếu-tố định-đoạt sự phát-triển kinh-tế

Ở trên tôi đã nói phát-triển kinh-tế là gì. Trong đoạn này tôi xin trình-bày những điều-kiện chung của sự phát-triển kinh-tế. Những điều-kiện này có khi là căn nguyên nhưng có khi chỉ là hiệu quả của sự phát-triển kinh-tế. Có những người cho những điều-kiện này hơn những điều-kiện kia tùy theo hoàn-cảnh nhận xét của họ.

Có những người thì cho yếu-tố chánh để phát-triển kinh-tế là tài-nguyên, nhưt là tài-nguyên thiên-nhiên. Phải chăng nước Đức, nước Anh phát-triển hơn nước Pháp vì hai nước kia có những tài-nguyên thiên-nhiên cần-thiết để cho hai nước đó mở mang hơn như than, sắt, kẽm. Thuyết này thanh-hành cho đến khoảng 1929 hay 1936. Nhưng ta thấy là nó không đúng hẳn, vì chất Uranium ở Congo, hay đồng sắt ở Rhodesia, cũng như sông Mêkông của Việt-Nam thì chả lợi gì cho kinh-tế các nước ấy bao giờ. Trái lại, một nước khác, không

hầm mỏ, không ruộng đất nhiều như Thụy-sĩ, lại được mở mang rất nhanh chóng.

Từ khi quyền sách của nhà kinh-tế học lỗi-lạc Keynes ra đời (quyền Théorie Générale) 1936 thì người ta lại chú-trọng đến vấn-đề đầu-tư và từ đó người ta cho rằng yếu-tố chánh để phát-triển là tư-bản. Và hiện giờ vẫn còn nhiều người tin-tưởng rằng tư-bản đủ để cho một nền kinh-tế kém mở mang được phát-triển ngay. Thuyết này sau rồi cũng bị lung lay và chưa hoàn-toàn được công nhận. Kể đó, các tài-liệu chánh thức của các tổ-chức quốc-tế lại công nhận rằng ngoài tư-bản ra, còn một yếu-tố có phần quan-hệ hơn nữa, là khả-năng kinh-doanh và điều-khiển của dân bản-xứ. Ngoài ra, có những nhà khảo-cứu cho rằng, không phải những sự đầu-tư vào dụng-cụ trang-bị tư-bản mới là yếu-tố quan-trọng, mà chính những sự đầu-tư vào giáo-dục những người sản-xuất và sự áp-dụng những kỹ-thuật tối tân mới là yếu-tố căn-bản của sự phát-triển kinh-tế. Hơn

(1) Thuyết-trình của Ô. Huỳnh-Văn-Lang, chủ-nhiệm tạp-chí Bách-Khoa đọc tại Trại hè sinh-viên (Đà-lạt) ngày 11-8-1959).

tiện, mà các nước, nhất là các nước kém mở mang, lại không có đủ, cho nên làm được cái gì thì cứ làm cái ấy, đừng mất thì giờ chờ đợi, suy-tính, sửa chữa.

2.— Về tình-trạng kém mở-mang có người quan-niệm tương-tự như tình-trạng quân-bình, nhưng quân-bình ở cấp rất thấp và bất-lợi. Cho nên muốn phát-triển kinh-tế thì làm sao phá cái vòng quân-bình được, và tốt hơn là phá vòng đó ở bất cứ một chỗ nào, rồi từ đó tiến lên; các cơ-cấu kinh-tế liên-quan chặt chẽ với nhau, nên như vậy tất cái này sẽ kéo cái kia đề cùng tiến lên một mực. Người đại-diện cho lý-thuyết sau này là Dr Hirshman, trong quyển *The Strategy of Economic Development*, cùng với những người theo thuyết tự-do nói trên, và những người bừa-bãi.

Theo thiên-ý của tôi thì chủ-trương sau này không phải là không có lý. Nhưng nếu đem hai lý lẽ chánh của họ ra phân-tách và kiểm-điểm thì thấy :

1) Lý lẽ thứ nhất không đứng vững mấy, vì chúng ta nhận thấy các nước chủ-trương phát-triển điều-hòa, hoạch-định kinh-tế, lại tiến rất nhanh, trong khi những nước thiếu một kế-hoạch hay thiếu tổ-chức kinh-tế, thì thường lẩn-quẩn trong cái vòng nghèo túng và rối loạn. Nếu có phát-triển được nhanh chóng chẳng nữa thì cũng chỉ có kết-quả trong một hạn ngắn được thôi, còn trong hạn dài thì sẽ bị lũng-cung, thiếu cái này, hụt cái kia, dư thừa cái nọ, đề rồi chung-quí sự phát-triển vẫn phải chậm lại.

2) Nếu đem lý lẽ thứ hai mà áp-dụng trên các nước hậu-tiến thì càng thấy khó hơn nữa. Vì ở các nước hậu-tiến có nhiều điều-kiện như sự bất-động cần-lao, thị trường không tổ-chức, hạ-tầng cơ-sở thiếu sót, cho nên nếu phát-triển được hướng nào thì nó sẽ đi theo luôn hướng ấy chứ không gây được sự phát-triển qua hướng khác nữa; ví dụ nếu chỉ phát-triển canh-nông thì không thể vì phát-triển canh-nông mà có thể lôi kéo kỹ-nghệ được (*investissement induit*). Bởi vậy có khi áp-dụng chủ-trương sau, sẽ làm một tình-trạng đã nguy-ngập rồi, lại càng thêm nguy ngập hơn nữa. Nhất là tình-trạng các nước kém mở mang thực ra không phải là tình-trạng quân-bình ở cấp thấp mà chính là tình-trạng mất quân-bình, cho nên nếu không chủ-trương một sự phát-triển điều-hòa, thì có khi chỉ càng làm cho mất quân-bình thêm thôi.

Tóm lại theo thiên-ý của tôi thì muốn phát-triển kinh-tế, phải phát-triển điều-hòa, mà phương-tiện thực-hiện phát-triển điều-hòa là một kế-hoạch cụ-thể. Bởi vậy mục-tiêu chánh của một kế-hoạch cũng chỉ là :

1.— Thêm tài-nguyên cho quốc-gia về phẩm cũng như về lượng.

2.— Sử-dụng tài-nguyên quốc-gia một cách hiệu-nghiệm hơn.

3.— Sửa đổi hoàn-cảnh văn-hóa, xã-hội thuận-tiện cho một cuộc phát-triển mau lẹ.

Và đó cũng là những vai-tuồng quan-hệ nhứt của chánh-phủ.



PHẦN THỨ III

KẾT - LUẬN

Chánh-phủ muốn làm tròn vai tuồng của mình nhằm về việc phát-triển kinh-tế thì ngoài nhiệm-vụ hằng ngày của chánh-phủ là các việc thu-thuế, chi-tiêu, an-ninh như mọi quốc-gia khác, chánh-phủ còn phải giữ những vai trò phức-tạp hơn nhằm ba mục tiêu vừa nói trên.

1.— Gia-tăng lượng hay phẩm các tài-nguyên quốc-gia như mở mang ruộng đất mới, tìm kiếm khai-thác hầm mỏ thêm ; gia-tăng vốn liếng, tập-trung vốn liếng, đặt hạ-tầng cơ-sở kinh-tế ; tổ-chức cần-lao, huấn-luyện cần-lao cho hiệu-nghiem hơn.

2.— Sử-dụng các tài-nguyên hiện có, hay có thể có được, một cách hiệu-nghiem hơn : trồng tía đất đai cho hợp lý, sử-dụng nhơn-tài phải chỗ, phải nơi, không những không phung-phí tư-bản tài-chính quốc-gia mà còn phải dùng vào việc đầu-tư hợp-lý.

3.— Tạo ra hoàn-cảnh văn-hóa chánh-trị xã-hội cho thuận-tiện. Điều sau này có khi là khó-khăn nhứt, nhưng có khi lại là quan-hệ nhứt. Một ít ví dụ cụ thể : nếu muốn cho người ngoại-quốc đầu-tư, mà luật lệ thương-mại, luật lệ hối-đoái vẫn chặt-chẽ, các cơ-quan vẫn làm khó dễ thì khó lòng mà lôi kéo được vốn ngoại-quốc. Đó là chưa nói đến hoàn-cảnh chánh-trị an-ninh. Làm sao mà tư-bản dám đầu-tư khi tình-trạng chiến-chinh hay quân-sự vẫn còn khàn-trương ?

Chánh-phủ không có thể làm tròn các vai-tuồng kể trên đây một cách hiệu-nghiem nếu không có một kế-hoạch, đề quan-niệm các vai tuồng ấy trong sự liên-dới của nó, đề hoạch-định những động-tác và đề theo dõi cho đến nơi đến chốn mà sửa chữa khi cần v. v...

Nói đến kế-hoạch tất nhiều người sẽ cho là có nhiều nước không làm được, vì thiếu tài-liệu thống-kê, thiếu người v.v... Nhưng đó là nói đến một kế-hoạch hoàn-bị thì đã mấy nước có đủ điều-kiện mà quan-niệm, thành-lập hay thực-hiện. Nhưng từ một kế-hoạch hoàn-bị đến tình-trạng bừa-bãi còn bao nhiêu trình-độ kế-hoạch khác nữa. Có những kế-hoạch tổng-quát và chi-tiết như kế-hoạch của Nga, của Trung-Hoa, nhưng cũng có những kế-hoạch ít tổng-quát và chi-tiết hơn của Ấn-độ, Pháp, Ý, Miến-điện, Tích-lan... Ngoài kế-hoạch ít ra cũng còn có nhiều loại chương-trình, gồm nhiều mục-tiêu, nhiều động-tác liên-hệ với nhau.

Cho nên điều-kiện trước nhất đề phát-triển kinh-tế là một kế-hoạch hay ít ra là một chương-trình mà trong đó các yếu-tố, các cơ-sở, các động-tác phải hòa-hợp nhau. Điều-kiện kế đó là chánh-phủ phải hoạt-dộng dưới hình-thức nào. Động-tác của chánh-phủ trong việc phát-triển kinh-tế có hai hình-thức chánh :

I.— hoặc khởi đầu mãnh-liệt và hoạt-dộng kinh-doanh như ở Nhật, sau 1870, ở Đức ở Nga sau đại-chiến thứ nhứt.

2.— hoặc chỉ chạy theo hay điều-khiển một cách gián-tiếp như ở Anh, ở Mỹ...

Phần đông học-giả ngày nay đều công-nhận rằng ở các nước nghèo, động-tác của chánh-quyền cần phải mãnh-liệt hơn đề gia-tốc mức phát-triển kinh-tế, vì chỉ có chánh-phủ mới đủ sức, đủ điều-kiện phá nổi cái vòng lần-quần nghèo nàn của kinh-tế quốc-gia thôi. Và sự phát-triển ngày nay không hồn-nhiên như ở thế kỷ 19 nữa, vì đã xuất hiện bao nhiêu ràng buộc như tờ-rót, đế-quốc kinh-tế, luật-lệ hối-đoái, giao thông thương-mại, khối này khối nọ...

Bởi vậy :

— a) Chánh - phủ phải tổ - chức thị-trường bằng cách lập khuôn khổ luật-lệ, tổ-chức hành-chánh...

— b) Chánh-phủ phải kinh-doanh trong những ngành mà tư-nhân không làm, vì không có lời hay vì quá nguy-hiêm.

— c) Chánh-phủ còn phải kinh-doanh trong các ngành mà tư-nhân có thể làm được nhưng kết-quả không được mỹ-mãn.

— d) Chánh-phủ phải điều-khiển, can-thiệp để cho sự phát-triển được điều-hòa.

Tóm lại có hai chủ-trương về vai trò của chánh-phủ :

1. — Chủ-trương thứ nhứt tin rằng trở ngại để phát-triển kinh-tế quá nặng nề và tràn trề, không sao chế-ngự được, trừ phi chánh-phủ tự ý trực-tiếp cố-gắng kỹ-nghệ hóa và tức khắc chánh-phủ phải đảm nhận việc thiết-lập chương-trình hay kế-hoạch hợp-lý, nhận lãnh những phần lớn hoạt-động có tính cách kinh-doanh và cố tạo tư-bản một tỷ lệ thật cao. Người ta thường nói đến một kế-hoạch đầy đủ để phát-triển. Kế-hoạch ấy phải gồm ít ra bốn phần chánh sau đây :

— a) Những mục-tiêu sản-xuất đề gia-tăng về lượng những sản-phẩm mình cần hay muốn có.

— b) Một ngân-sách tư-bản gồm các việc đầu-tư công.

— c) Ngân-sách đầu-tư nhân-bản, gồm các sự đầu-tư vào nhân-dân, như giáo-dục, huấn-luyện cần-lao, y-tế...

— d) Những biện-pháp điều-hòa các hoạt-động của tư-nhân, của những tổ-chức, của những cơ-sở kinh-tế, để điều-khiển, hướng-dẫn các hoạt-động ấy thế nào, hầu thực-hiện cho kỳ được các mục-tiêu của kế-hoạch.

2.— Chủ-trương thứ hai ngược lại chủ-trương trên là thiên về chủ-nghĩa tự-do, ít quan-tâm đến vấn-đề tự ý kỹ-nghệ hóa, giới-hạn sự hoạch-định kinh-tế, dựa trên guồng máy thị-trường và cố-gắng tư-nhân, và giải-quyết các vấn-đề phát-triển kinh-tế từng giai-đoạn một. Nhóm này có thể gọi được là nhóm tuân-tự, chống với nhóm trên là nhóm mạnh.

Theo nhóm mạnh thì sự phát-triển chỉ có thể thành-công là khi nó khởi sự đúng lúc, thật nhanh và thật rộng lớn trong cả kinh-tế. Đối với họ, thì chủ-trương tuân tự tiến, chỉ là chủ-trương chủ bại và thật là nguy-hiêm, vì chính sự chậm chạp đó sẽ đưa tới sự đầu hàng trước những trở ngại. Quá-trình phát-triển kinh-tế không thể tự nảy nở và tự tích-lũy được, trừ phi chương-trình phát-triển hàm-xúc được những sự thay đổi to lớn : nếu cần chạy thì phải chạy với một tốc độ tối-thiểu. Bởi vậy, theo thuyết này thì chương-trình phát-triển kinh-tế phải có một tầm rộng lớn tối-thiểu nào đó, mới mong giảm bớt được những

sự gián đoạn, những sự cứng rắn của kinh-tế, mới tránh được những sự phung phí do mức sản-xuất nhỏ hẹp, mới có ảnh-hưởng trên những giá-trị xã-hội và mới loại trừ được những lực-lượng xuất hiện bất-ngờ làm đình trệ sự phát-triển vừa khởi-sự (chẳng hạn sự gia tăng dân số). Về vấn-đề tích-lũy tư-bản thì sự phát-triển kinh-tế đòi hỏi một sự đầu-tư tư-bản to lớn. Sự đầu-tư này phải làm từng số-lượng lớn, chớ không phải đầu-tư biên-tế tùy ý nhiều người rời rạc. Sự đầu-tư to lớn này có thể làm được, nếu các nước tiền-tiến chịu giúp đỡ rộng rãi và cộng-tác chặt-chẽ với các nước kém mở mang. Còn về viện-trợ kỹ-thuật thì không phải là viện-trợ bừa bãi, nhưng viện-trợ ít quá thì cũng không đủ làm được cái gì nên trò. Nói đến các trở ngại về văn-hóa xã-hội thì chỉ có những sự thay đổi kinh-tế to lớn mới đủ sức làm lay chuyển và giảm bớt các trở ngại ấy được.

Thuyết tuần-tự không chủ-trương chánh-phủ trực-tiếp can-thiệp đề kỹ-nghệ hóa kinh-tế, nhưng các chương-trình phát-triển lại phải chú trọng vào việc cải-thiện nông-nghiệp, tổ-chức các dịch-vụ xã-hội, thiết-lập hạ-tầng cơ-sở kinh-tế và những kỹ-nghệ nhẹ rải rác nhiều nơi. Lý lẽ chánh của những chương-trình khiêm-tốn này là : Lãnh-vực nông-nghiệp là lãnh-vực chánh và lãnh-vực đó thì quá nghèo nàn nhưng lại dồi-dào khả-năng gia-tăng sản-xuất, vừa nhanh, vừa nhiều. Hơn nữa, chính lãnh-vực nông-nghiệp lại chặt chẽ liên đới với thị-trường quốc-tế. Còn về những dự-án xã-hội nhỏ như trường học, nhà thương,... thì đầu-tư ít, nhưng kết quả lại nhiều, vì giảm bớt được sự cơ-cực của con người. Còn những dự-án to lớn hơn về hạ-tầng cơ-

sở, thì nên đề chánh-phủ làm, vì lẽ tư-nhân không ai chịu bỏ vốn vào đó. Nhưng những kỹ-nghệ nặng thì không được chủ-trương trên chú-ý đến vì nhiều lý lẽ : vì thị-trường không thích-hợp, thiếu tư-bản, ít khả-năng kỹ-thuật, thiếu chuyên-môn hành-chánh, kinh-doanh. Nhiều xứ lại thiếu tài-nguyên đề kỹ-nghệ hóa và có nhiều nước có thể kỹ-nghệ hóa nhưng kết-cuộc lại thiếu nguyên-liệu. Cho nên kỹ-nghệ nhẹ, từ tiêu công-nghệ bành-trướng ra, là đáng khuyến-khích nhất...

Những lý lẽ chánh của chủ-trương trên là hy-vọng kỹ-nghệ hóa sẽ được quy-kết với những sự đầu-tư trong các ngành kinh-tế khác, hơn là bởi sự tự ý cố-gắng của Chánh-phủ.

Theo thiên-ý của tôi, thì chủ-trương nào cũng có lý. Nhưng có lẽ một chủ-trương dung-hòa hai chủ-trương trên là đúng hơn cả. Vì như ở các nước Nam Mỹ thì thiên về chủ-trương thứ hai. Như ở Tích-lan thì theo kế-hoạch 6 năm (1951-1957) chỉ có 6% tổng số đầu-tư của chánh-phủ là dành cho các kỹ-nghệ, đề quyền ưu-tiên cho các kỹ-nghệ dùng nguyên-liệu bản-xứ mà có thể thêm được năng-xuất cho lãnh-vực nông-nghiệp. Ở Ấn-độ thì theo kế-hoạch thứ nhất (1951-1956) chỉ có 8% đầu-tư của chánh-phủ là dùng vào kỹ-nghệ, phân nửa số ấy đầu-tư vào kỹ-nghệ nặng : sắt và thép. Kế-hoạch thứ hai lại dành đến 25% tổng số đầu-tư của chánh-phủ vào kỹ-nghệ nặng và hầm mỏ. Pakistan dành 20% đầu-tư vào kỹ-nghệ (kế-hoạch 1951 — 1957). Các xứ ở Phi-châu lại xem lãnh-vực kỹ-nghệ là lãnh-vực đề dành riêng cho tư-nhân. Nhưng trái lại ở Nhật trước chiến-tranh thứ hai và một ít

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

nước Á-Đông thì chánh-phủ lại tự mình đảm-nhiệm việc kỹ-ngệ hóa.

Tóm lại, chúng tôi thiết nghĩ :

— Cần phải phát-triển kinh-tế và phải phát-triển điều-hòa ; nhưng không phải chủ-trương phát-triển điều-hòa nào cũng đòi hỏi cho kỳ được một kế-hoạch tinh-vi và hoàn-bị, vì từ kế-hoạch sang qua chương-trình đến tình-trạng đưng đâu làm đó, có nhiều trình-độ kế-hoạch, chương-trình.

— Cần dự trù nếu không phải là một kế-hoạch, thì ít ra cũng là một chương-trình tối-thiểu, nhưng rõ-ràng, để làm khuôn-khổ cho sự phát-triển kinh-tế, để điều-hòa, phù-hợp các động-tác kinh-tế, tránh được sự phung phí thời giờ, và chạm bất lợi.

— Chánh-phủ phải có một cơ quan chuyên-môn phù-hợp đề quan-niệm, thành-lập và theo dõi sự thực-hành kế-hoạch hay chương-trình ấy.

— Người dân phải hưởng-ứng chánh-sách phát-triển kinh-tế và hết lòng cộng-tác trong khi thực-hiện chánh-sách đó... Nếu người dân đứng ngoài thì dầu có chánh sách gì hay đến đâu, cơ-quan điều hành giỏi đến đâu thì công việc cũng không thể tiến hành được, chưa nói gì đến tiến nhanh nữa.

Đó cũng là kết-luận của bài này.

HUỲNH-VĂN-LANG

Danh ngôn, danh lý

TÔN TRỌNG NHÂN PHẨM

- ★ Người trên không bao giờ nên quên người dưới cũng là người như mình. Bên cạnh công việc, họ còn có những quyền-lợi, những băn-khoăn, những tình-cảm của con người. Nếu người trên là kẻ hiểu biết, tất phải lưu-tâm đến toàn-thể bản-vị con người của họ.
- ★ Vấn-đề xã-hội trước hết là vấn-đề tôn-trọng con người. (Léon Harmel)
- ★ Nghĩa-vụ cốt-thiết của người trên, khi điều-khiển người dưới, là phải nhìn nhận giá-trị con người của họ, xử đối với họ theo giá-trị của con người có lý-trí và tự-do.
- ★ Mỗi người là một ngôi vị, nên có quyền tự-chủ, không thuộc của ai, và không ai có quyền sử-dụng như một món đồ.

ÓC THẨM-MỸ VÀ CÁI ĐẸP

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Sainte - Beuve, một phê - bình gia trứ danh của Pháp, bạn thân của Victor Hugo, nói : « Tôi biết nhiều người có óc phán-đoán rất đúng mà lại thiếu óc thẩm-mỹ biểu hiệu một cái gì tinh-vi nhất, thuộc về bản-năng nhất trong cái tể-nhị mơ hồ nhất của các cơ-quan của chúng ta ».

Lời đó rất đúng : chung quanh chúng ta thiếu gì người xét-đoán việc đời rất tinh mà chẳng hiểu nổi cái đẹp của một cảnh-vật. Nhưng viết câu trên, Sainte-Beuve chỉ đứng trong phạm-vi văn-chương, và riêng trong phạm-vi này, ông cũng có lý. Mới đầu, đọc ông, tôi tưởng là ông muốn lập dị, không biết thẩm-mỹ thì làm sao phán-đoán cho đúng được ; nhưng nghĩ lại và xét những sách giảng-văn hiện-thời, tôi thấy nhiều tác-giả phân-tích khéo, chê khen hợp-lý, nhưng không biết lựa những bài hay, hoặc chỉ biết thưởng vài vẻ đẹp của văn thơ, mà không biết thưởng những vẻ đẹp khác. Bao các nhà đó là thiếu óc thẩm-mỹ thì có lẽ không đúng hẳn, nhưng quả thực là rất ít người có óc thẩm-mỹ này nở đến một độ cao, đủ nhận được muôn nghìn vẻ đẹp của văn thơ. Ngay những văn-hào, thi-hào nhiều khi còn không cảm nổi được cái đẹp trong văn thơ của người khác và cả của chính họ

nữa, nói chi là hạng tầm thường như chúng ta.

Là vì phán-đoán thuộc về trí, thẩm-mỹ thuộc về tình. Muốn thưởng-thức một bài văn, ta đọc nó chậm chậm một hai lần xem có cảm thấy cái hay của nó không đã ; khi cảm rồi ta mới tìm hiểu nó hay ở chỗ nào. Ta dùng tim của ta trước rồi sau mới dùng trí. Nếu lòng ta không cảm thì càng phân-tích lại càng không hiểu được gì cả. Văn-học khác khoa-học ở chỗ đó ; và óc thẩm-mỹ khác óc phán đoán cũng ở chỗ đó : một đằng là sự ưa thích của lòng, một đằng là sự sáng-suốt của óc, một đằng cần nhiều cảm thụ tinh, một đằng cần nhiều luận-lý tinh.

Nói vậy không phải là óc thẩm-mỹ và óc phán-đoán tương-phản nhau mà ta không bao giờ dùng lý-trí để hiểu được cái đẹp đâu. Vẫn có nhiều cái đẹp có thể giảng được và ai cũng thấy nó hợp-lý ; chỉ một số rất tể-nhị mới có những lý-lẽ riêng của nó mà lý-trí không phân-tích nổi, và muốn nhận thức được, ta phải luyện mỹ-cảm bằng cách sống thật nhiều và đọc nhiều tác-phẩm bất hủ của mọi xứ và mọi thời. Không có nhiều kinh-nghiệm, không có một sức học rộng và sâu thì không thể thành một Sainte-Beuve, một Thánh Thán được.



Vì óc thẩm-mỹ thuộc về tình-cảm hơn là lý-trí, nên những qui-tắc về nghệ-thuật viết văn không bao giờ có cái giá-trị tuyệt đối như những định-lý về toán-học mà quan-niệm về cái đẹp thay đổi tùy nhiều yếu-tố.

Nó thay đổi tùy dân-tộc. Văn-chương biểu hiệu tình-cảm cùng tư-tưởng của loài người mà tình-cảm cùng tư-tưởng của mỗi dân-tộc chịu biết bao ảnh-hưởng, từ huyết-thống đến thời tiết, địa-chất kinh-tế..., cho nên mỗi dân-tộc có một quan-niệm riêng về cái đẹp.

Trước khi tiếp xúc với văn-minh Âu-Mỹ, óc thẩm-mỹ của người phương Đông chúng ta khác hẳn của người phương Tây. Trong chương *Tổng kết* của bộ *Đại-cương Văn-học sử Trung-quốc*, chúng tôi đã có dịp phân-tích vài chỗ khác nhau đó. Đại-ý như sau: « Người Trung-hoa — và nói chung là hết thảy những dân-tộc chịu ảnh-hưởng văn-minh Trung-hoa như Việt-nam, Triều-tiên, Nhật-bản... — cho rằng nghệ-thuật chân-chính phải có tính-cách bóng bẩy, hàm-súc, ý tại ngôn ngoai, cho nên danh tác của họ thường là những tiểu phẩm, những bài tứ tuyệt mà mỗi chữ có giá-trị « ngàn vàng ».

« Văn thơ Trung-quốc ít khi là một dòng sông cuộn-cuộn, một cánh đồng mênh-mông mà thường là những giọt sương lóng-lánh, những đóa hoa ngậm hương. Đọc những bài tứ tuyệt, ta có cảm-tưởng ngấm cây trâm chạm con phượng hoặc chiếc khăn thêu con bướm của các nàng cung-phi.

« Trái lại, văn-thơ Âu-Mỹ lời ý dồi-dào, chi-tiết tỉ-mỉ, màu sắc rực-rỡ, tình-cảm nồng-nhiệt. Tả lòng tương-tư chẳng

hạn, Lamartine viết ba trang giấy đặc (bài *Le lac*), Victor Hugo viết tới một trăm hai mươi câu (bài *Tristesse d'Olympio*), còn Trương-Cửu-Linh chỉ thu lại trong mười chữ :

Tư quân như nguyệt mãn,
Dạ dạ giảm quang huy.
(Nhớ chàng như mảnh trăng đầy,
Đêm đêm vành sáng hao gầy đêm đêm)

Ngô-Tất-Tố.

hoặc nhiều lắm thì như Lý-Bạch, hạ tới tám câu trong bài *Trường tương-tư*.

Một đặc sắc nữa là do tính-cách đơn âm và đa thanh của Hoa-ngữ mà văn Trung-hoa có thể biến ngẫu và quan-niệm về cái đẹp của họ cũng khác: họ rất chú-trọng đến phép đối và đến nhạc trong văn, một thứ nhạc đặc-biệt cứ lên bổng rồi lại xuống trầm mà nhiều người Âu cho là chỉ có một điệu, là ru ngủ, là giả tạo.

Những câu như :

Thiên cao địa quỳnh : giác vũ-trụ di
vô cùng,

Húng tận bi lai : thức doanh hư chi
hữu số.

(Trời cao đất rộng : thấy vũ-trụ là vô
cùng,

Buồn lại vui đi : biết đây vui là có số).

hoặc :

Quan san nan viết, thủy bi thất lộ chi
nhân,

Bình thủy tương phùng, tận thị tha
hương chi khách.

(Quan san khó vượt, người lỡ bước ai
thương ?

Bèo nước gặp nhau, khách tha hương
hết thấy).

của Vương-Bột được sắp vào hàng thượng phẩm của Trung-quốc, mà nào có gọi được chút rung động gì trong tâm-hồn những người chỉ có tâm học ? Muốn hưởng được cái thú rung đùi ngâm-ngã những câu đó, phải tốn công học chữ Hán trong vài ba năm, không phải học để biết mà để cho tâm-hồn hòa với tâm-hồn của cò-nhân trong cái không khí của cò-nhân, chỉ có vậy mới cảm văn-thơ của cò-nhân.



Ngay ở Âu-châu, óc thẩm-mỹ của người Anh cũng có chỗ không giống người Pháp. Chẳng hạn về tiểu-thuyết, văn-sĩ Pháp cố giữ tính-cách nhất-trí cho truyện : mỗi chi-tiết phải giúp độc-giả hiểu thêm tính tình nhân-vật hoặc dắt độc-giả tiến tới gần đoạn kết một chút, phải như những tia sáng chiếu qua một tấm kính rồi tụ cả lại ở một điểm, điểm ấy là kết cục của truyện, hoặc tư-tưởng, luận-đề mà tác-giả muốn trình bày.

Người Anh không theo quan-niệm ấy : tiểu-thuyết của họ thường rườm-rà, có vẻ vớ-vẩn như một con đường mòn uốn khúc qua những cánh đồng, những bãi cỏ để tới một đích mơ hồ, hoặc chẳng tới một đích nào cả mà bỗng dừng ngừng lại ở bên một bờ sông. Người không quen với lối ấy có thể chê họ là không biết dựng cốt truyện. Xét vậy là lầm. Sao họ lại không biết ? Nhưng cách xây dựng của họ như vậy. Họ « muốn cốt truyện phải phức tạp vì đời sống không bình dị, xuôi theo một chiều, mà rắc-rối, có muôn mặt ; và một nghệ phẩm càng diễn được sự phức tạp ấy bao nhiêu thì càng có giá-trị bấy nhiêu ». (Forster).

Kịch của họ cũng thế. So-sánh Shakespeare với Racine, Corneille, ta thấy hai

nhà sau viết cò-diễn, theo đúng luật tam duy nhất : duy nhất về thời-gian, duy nhất về không-gian và duy nhất về động-tác ; còn Shakespeare bất chấp luật đó, bất chấp cả sự duy nhất về động-tác, vì ông không cho động-tác mà cho cuộc sống của nhân-vật là quan-trọng, và cuộc sống đó ông muốn cho nó có một vẻ như bừa bãi, không tính-toán, sắp đặt trước.

Đoàn-Phú-Tứ nhận xét rất đúng khi ông viết :

«... Động - tác theo quan - niệm kịch Racine được coi là yếu-tố chính. Động-tác là cứu-cánh mà nhân-vật chỉ là phương tiện. Các nhân-vật phải quay-quần xung quanh động-tác, không thể đi lệch ra ngoài được. Quan-niệm này rất thích-hợp với dân-tộc Pháp, một dân-tộc ưa sáng sủa, ưa lý-luận(...) Kịch Pháp giống như một vườn hoa Pháp, phải có đường lối rõ-ràng, cành nào thừa phải cắt xén đi, phải làm thỏa-mãn lý-trí rất duy - lý của người Pháp (...)

« Khu vườn Anh khác với khu vườn Pháp như thế nào thì kịch của Shakespeare khác với kịch Racine thế ấy. (...) Trong Racine không một nhân-vật nào không dính vào động-tác. Trong Shakespeare trái lại, có nhiều nhân-vật không dính vào động-tác nhưng nó giúp cho nhân-vật chính phong-phú thêm.

« Ở Shakespeare có những câu chuyện vu-vơ mà tư-tưởng Pháp không công-nhận được. Vì vậy động - tác không hiện lên những đường nét rõ - ràng để làm trọng tâm cho vở-kịch. Trọng tâm của nó là nhân-vật. Nó là cả cuộc sống (...) Dem so-sánh hai thứ kịch đó với âm-nhạc, ta có thể nói : kịch Racine là một thứ giai - điệu, kịch Shakespeare là một bản hợp-tấu. »

(Còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Viện-trợ kỹ-thuật phải chăng là một huyền-thuật Tây-phương ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

« Ai cũng biết có « lấy » mới gọi là « lấy », nhưng không biết cách « cho » cũng là « lấy ». » (Hàn-đàm truyện)

TRẢI bao thế-kỷ, Tây-phương đã triển dương ra ngoài vị-trí xứ sở họ, như đi vào những đại-lục bao la, có những nhân số không đáng đếm xia gì về mặt kinh-tế, xã-hội cũng như văn-hóa. Không chút nề nang, họ khuynh-đảo mọi nếp sống và mọi định-chế của người bản-thờ. Nhất là tại Phi-châu, họ đã coi rẻ kỹ-thuật văn-hóa hoặc kiến-trúc của người dân ở đây, cùng đem những quan-niệm của họ về xã-hội và những nền tảng tinh-thần trong nền văn-minh của họ mà cưỡng-hóa nữa.

Thế rồi, bỗng nhiên, các vị chúa tể ấy « bùng con mắt giậy » và chợt thấy rằng các dân-tộc xưa nay họ vẫn yên-trí là không văn-hóa ấy, thật ra không thật là không văn-hóa ; đó chỉ là những dân-tộc thiếu sự mở mang và họ chỉ chờ một sức kích-thích ở bên ngoài vào là có thể phát-huy đầy đủ và mãnh-liệt được.

Cái ý-niệm viện-trợ kỹ-thuật, mà người Tây-phương ngày nay đang có ý khoa-trương, phải chăng, đối với họ, chỉ là một con đường thoát cho sự va chạm giữa các

nền văn-minh hiện đang khuynh loát lẫn nhau, hoặc chỉ là một phương-thuật huyền-hoặc, Tây-phương muốn đưa ra để lừa gạt họ.

Người Phi-châu và người Á-châu không thể không tự đặt câu hỏi ấy, nhất là họ đã bị Tây-phương sử-dụng quá nhiều huyền-thuật đối với họ : ít nữa họ cũng có quyền hoài nghi thiện-chí của Tây-phương lần này.

Ngày nay, trước những phát-minh của các nhà nhân-chủng học và trước những tuyên-bố của các dân-tộc khác màu da, nhiều nước Tây-phương khó lòng còn giữ vững được bá quyền về phương-diện văn-hóa, cũng như về phương-diện chính-trị ; và trước sự thoái lui nhường bước cho các nước lớn mạnh hơn, nhiều nước Tây-phương cảm thấy cần phải duyệt lại ý-thức hệ bấy lâu đã tự hào một cách hơi quá đáng. Bây giờ không còn phải là lúc nói đến những chuyện như « đồng-hóa nhân-đạo », « sách lược khoan-hồng », « sứ-mệnh văn-hóa » nữa. Vấn-đề giúp đỡ các

nước kém mở mang đột nhiên trở thành văn-đề sinh tử, văn-đề then chốt, văn-đề căn-bản cho sự hợp-tác giữa Tây-phương và các nước bên ngoài.

Ý-thức được tầm quan-trọng của văn-đề bất bình-dẳng giữa các dân-tộc và các quốc-gia trước cuộc sống như vậy, Tây-phương thật đã đạt tới một điểm vịnh-dự, tuy người ta vẫn có thể hơi ngạc nhiên thấy Tây-phương trong hoàn-cảnh sung-túc của họ, đã phải mất một thời-gian khá lâu mới nhận ra được cảnh huống lâm than của các xứ sở chậm tiến, bị thiệt thòi về tài phạn rất nhiều.

Các xứ sở này, thật ra, cũng không hề thấy hồ thẹn khi hay Tây-phương nhận chân được sự chậm trễ của mình về phương diện kỹ-thuật hay vật-chất, mà chắc họ cũng không ác cảm gì; một khi thấy rõ khả-năng tri-thức và tự-do thiên phú của họ không bị người ta phủ-nhận hay chà đạp, họ sẽ nức lòng ra sức tham-gia mọi công cuộc trong thế-giới mà trước đây đã được xây-dựng thiếu sự cộng-tác của họ.

✱

Tuy nhiên, có điều ta thấy cần tự hỏi, là thế-giới liệu có đồng ý với nhau về ý-niệm « mở mang » không? Chính đây là điểm rất phức-tạp đã gây nên nhiều mâu-thuân và xung-đột. Thật ra, không phải bởi tại Âu-châu hay Mỹ-châu thiếu sự thành thật hay tinh thần bất vụ lợi, khi họ lập tiêu chuẩn cho sự phán đoán của họ về định nghĩa « mở mang », mà chính bởi họ đã chủ-quan nhận-định các tiêu-chuẩn ấy theo trình-độ và theo sự tính toán, đo lường đặc-biệt của họ. Thí dụ, từ xưa, đối với một nước tân tiến, họ vẫn quen xếp

đặt thứ bậc người trong xã-hội tùy theo chỉ số lương bổng, thì nay, trên bình-diện dân-tộc và quốc-gia, họ cũng theo một cách xếp đặt máy móc như vậy: dân số một nước tân-tiến phải hấp-thụ nhiệt lượng mỗi ngày được bao nhiêu; lợi-tức hằng năm phải thu-hoạch được ngần nào; hệ số kỹ-nghệ hóa phải ra sao; rồi xem tới số xuất sinh, số xuất tử, v. v... Thu nhặt tất cả các con số ấy lại, đặt trên một cái máy tính, quay đi mấy vòng, là lập tức thòi ra một tấm phiếu có ghi rõ đẳng cấp, thứ bậc của một quốc-gia trong mức thang của các quốc-gia trong toàn cầu.

Cố-nhiên, các nước chậm tiến không thể chấp nhận sự liệt hạng mình trong thế-giới một cách mau lẹ và dễ-dãi như vậy. Sự thiếu mở mang của họ, họ nhìn dưới khía cạnh khác và do đấy, phương-thức phải dùng để nâng đỡ họ, họ cũng thấy phải là những phương-thức khác. Trong khi Tây-phương căn-cứ vào những con số hợp thành về vật-chất để qui-định tính-chất thiếu mở mang của Phi-châu chẳng hạn, thì Phi-châu lại chú-trọng vào những yếu-tố khác, những yếu-tố tâm-lý, xã-hội, chính-trị hay tinh-thần. Vị thị-trưởng đầu tiên của một thủ-đô lớn lao kia tại Phi-châu đã từng ngỏ lời: « Thành-phố chúng tôi thiếu một rạp hát ». Sự thiếu rạp hát, đối với ông thị-trưởng da đen này là một văn-đề quan-trọng, ông coi nó quan-trọng, nếu không hơn, thì ngang với các văn-đề cấp-bách khác trong toàn bộ cuộc đời mới thành-phố ông quản-trị. Ta đừng tưởng chỉ có mình ông muốn như thế, đa-số cử-tri đã bầu ông lên ghế thị-trưởng cũng quan-niệm như ông, và họ cho rằng không phải chỉ bánh mì, nhà ở đối với họ là

cần-thiết ; âm-nhạc, khiêu-vũ, đối với họ, cũng là những thức ăn không thể thiếu được.— Sự kiện trên, đối với nhiều người chúng ta, có vẻ dị kỳ, khó tin, song sự thực quả đúng như vậy, và chúng tôi nêu thí-dụ hơi « quá-khích » này là có ý nhấn mạnh về điểm sau đây, là ngay trong một quan-niệm hầu như đã được mọi người đồng ý, công nhận, vẫn còn có thể xảy ra những ngộ nhận, hiểu lầm, rất đáng lo ngại.

Do đấy, chúng ta có thể suy luận ra dễ hiểu nỗi khổ tâm, thất vọng của những dân-tộc đã từng bị đô-hộ, và khi thoát khỏi ách đô-hộ thì nhận thấy kẻ tới thay thế và viện-trợ cho mình những phương-tiện kỹ-thuật mới cũng bắt đầu phạm những sai lầm nghiêm-trọng như chính-quốc trước, nhất là khi thấy kẻ ấy đề-nghị với họ — là những nước kém mở mang — một cuộc sống nhất luật-hóa và chế-tạo sẵn, cùng cho như vậy là đạt tới hạnh-phúc rồi.

Phải chăng đó chính là điều mà Cha Lebret, một nhà chuyên khảo-cứu về các nước chậm tiến, đã nêu lên khi ngài nói về cách thức áp-dụng trong công cuộc viện-trợ các nước cần được giúp đỡ. Đề đối-phó với nạn-nhân mãn, người ta đề-nghị hạn-chế sinh-đẻ, để giải-quyết vấn-đề cùng-cổ độc-lập, người ta đề-nghị viện-trợ song phương ; để tôn-trọng nguyện-vọng bình-dẳng của các nguyên thuộc quốc, họ đề-nghị sử-dụng kim tiền ; để đáp ứng ý-chí vươn lên của các quốc-gia mới, người ta đề-nghị tăng-cường sản-xuất và kỹ-thuật.

« Có điều kẻ viện-trợ cần phải nghĩ tới và không nên lãng quên là họ chớ nên đề sự kiện thiếu mở mang của các nước chậm tiến trở nên cái bình-phong đề tạo lập

một chế-độ thực-dân mới. Nếu họ không tránh được điều đó thì viện-trợ kỹ-thuật, không chóng thì chầy, sẽ trở thành một thứ khí-giới chống lại họ, dù viện-trợ của họ có được thi-hành với danh nghĩa nào, và dù có do các cơ-quan quốc-tế phụ-trách nữa cũng vậy ». (Lời Bác-sĩ L. P. Aujoulat, nguyên Tổng-trưởng Pháp-quốc).

Ý nghĩ trên có thể làm nhiều người phật lòng, song dù sao, cũng có điều nên tự hỏi là trong những lãnh-địa bao-la thuộc Phi-châu hay Á-châu, sự thiếu mở mang đã chắc thật là một hiện-tượng cụ-thể, đau đớn, khốc liệt cho đám dân-chúng ở đó đề đến nỗi người ta có thể đối xử với họ bằng bất cứ cách nào ? Nhiều khi, người ta đã chỉ vì không biết dè chừng, thận-trọng trong ý nghĩ hay trong lời nói mà đề-bột phát những đồ vỡ, những tai-hại thật bẽ-bàng. Chỉ nguyên một ý-niệm trái thì, nói ra một cách xác-xược như coi sự thiếu mở mang là thiếu văn-hóa, thiếu văn-minh, đã đủ cho người nhận viện-trợ ném trả viện-trợ một cách quyết-liệt. Và như vậy thì còn biết lấy gì làm căn-cứ, làm nền tảng đáng tin cậy để cho người ta kỳ vọng vào cuộc viện-trợ nữa, chẳng lẽ lại phải phát-minh ra một vài danh-từ ma-thuật nào để thay thế một vài danh-từ đã bị phá giá từ lâu hay sao ?

Trong một cuốn sách mới xuất-bản gần đây dưới nhan đề : « Chủ-nghĩa xã-hội bị phản-bội », ông Ăng-đơ-rê Phi-lip (André Philip) đã định-nghĩa cái ông gọi là « văn - đề căn-bản » như sau : « Vận-mệnh hoàn-cầu rút cuộc sẽ tùy thuộc vào số ngàn rưỡi triệu người (trong Thế-giới Đệ-tam) theo huyễn tượng của Liên-xô

hay đứng vào hàng ngũ các nước dân-chủ ». Thoạt nghe, ý-kiến của ông Ăng-đơ-rê Phi-lip có vẻ như có lý lắm. Tuy nhiên, ý-kiến ấy như lần có ý ngầm bảo rằng các nước trong Thế-giới Đệ-tam chỉ có thể ở trong địa-vị của những kẻ bị lôi cuốn, bị hấp thu, bị kéo đi sau, chứ không thể nào đóng nổi vai chủ-động, góp phần một cách bình-đẳng với các nước khác được. Chắc ý-kiến đó sẽ gây ra những va chạm đối với các dân-tộc có màu da khác màu da trắng, vì xâm-phạm đến lòng tự-ái của họ.

Các dân-tộc ấy phải có quyền nhận xét và phán đoán cái lý-tưởng người khác mang đến cho họ và chính do đấy mà có người Phi-châu đã từng đặt câu hỏi rằng : « Không lẽ Phi-châu lại bị dồn ép đến nỗi phải chối bỏ nền văn-minh tuy có chậm trễ nhưng rất nhân-đạo của mình để chỉ có thể lựa lấy một trong hai thể-thức sinh-hoạt man dã mà thôi ! ». Câu nói có lẽ quá đáng, vì có ý ám chỉ hai nước Nga, Mỹ. Song sự căm phẫn của người thổt ra nó, tưởng không có gì là khó hiểu.

« Ở bên này cũng như ở bên kia, cái người ta muốn đề nghị với các dân-tộc kém mở mang không phải chỉ là cải-thiện điều-kiện sinh-hoạt vật-chất, mà còn là dùng cách viện-trợ kinh-tế, lý-tài hay kỹ-thuật, để bắt phải chấp-thuận một lý-tưởng văn-minh. Ở bên này cũng như ở bên kia, chúng ta đứng trước một lý-tưởng mà chúng ta rất có quyền hoài nghi tính-chất toàn-thiện toàn-nhĩ của nó, vì một bên thì lý-tưởng cương-quyết phải là duy-vật, còn một bên thì lý-tưởng thực-tế chính là duy-vật. Cái thảm trạng của các dân-tộc chậm tiến trong thế-giới Đệ-tam không phải

nguyên ở chỗ bị bắt buộc phải chọn lấy một trong hai khối, mà tệ hại hơn nữa là chỉ có thể mua sự tiến-bộ vật-chất của mình do từ bên ngoài vào, bằng cách hy-sinh tinh-thần đặc-thù của mình đi. » (Bác sĩ Aujoulat).

Chính do đấy mà trước mắt những đám dân chúng này, mọi cuộc viện-trợ bị coi như một huyền-thuật mới nữa, huyền-thuật phát sinh ra bởi những mâu-thuẫn trong thế-giới hiện đại, hơn là do một yếu-tố qui-nhất các dân-tộc lại thành một khối cộng-đồng huynh-đệ



Trong khi đó thì Tây-phương đều tỏ vẻ lo ngại và càng nhận thấy rõ cái cảnh tượng kẻ no trước kẻ đói kẻ thom trước kẻ rách, thật là phũ-phàng, tàn-nhân. Nhưng liệu rồi người ta có tìm ra được một phương-thức nào mới, khả dĩ thật thi nổi một cuộc chung sống giữa các đại-lực tân-tiến và các đại-lực khác không ?

Năm 1951, phúc-trình của Liên-Hiệp-Quốc về các nước chậm tiến có đề-nghị một phương-thức mới, với ý-niệm rất tiến bộ và trác-tuyệt, là ý-niệm làm sao thiết-lập được sự điều-hòa, cộng thông giữa kẻ nhận và kẻ cho, với hình ảnh một cuộc sang máu giữa một người có máu để cho và một người thiếu máu cần phải tiếp.

Hình ảnh tuy có đẹp mà vẫn là hình ảnh song phương giữa một người cho và một người nhận và, do đấy, vẫn làm cho người nhận có cảm giác chịu ơn người cho một cách không vinh-dự.

Khi vị phó tổng-thống Hiệp-chúng-quốc, ông Richard Nixon, qua thăm Phi-châu, ông cũng đã nhận thấy rõ vẻ e dè, nghi hoặc của người Phi-châu đối với lối viện-

trợ trực-tiếp. Mặc dù có chậm trễ và thiếu thốn chẳng nữa, viện-trợ qua nẻo đường Liên-Hiệp-Quốc vẫn là lối viện-trợ mà các nước chậm tiến ưa chuộng hơn cả.

Đó là vì kẻ nhận viện-trợ từ Liên-Hiệp-Quốc thường không lấy làm tủi nhục và chắc chắn tránh được sự người ta có thể xâm-phạm đến chủ-quyền của mình, dưới hình-thức một chủ-nghĩa đế-quốc trá hình. Ngay cả trong những nước cần sự viện-trợ nhất, vì không có viện-trợ thì không cất đầu lên nổi, người ta cũng không hề lấy làm vinh-dự khi phải chìa tay ra nhận viện-trợ dù của một nước bạn, và người ta càng không muốn trở nên một con cò kinh-tế hay quân-sự của bất luận ai nữa.

Đó chính là chỗ hay làm nảy sinh ra sự hiểu lầm nghiêm trọng về quan-niệm viện-trợ. Khi các nước chậm tiến nhắc nhở cho các nước tân-tiến biết nghĩa-vụ phải giúp đỡ họ theo nghĩa liên-đới trong hoàn-vũ với nhau, thì họ cũng nhắc nhở luôn cho các nước này biết họ vẫn có quyền được có sáng kiến riêng và được tự-do định-đoạt vận-mệnh riêng của mình. Tóm tắt và rõ ràng hơn thì mọi người đều coi cái ý-niệm « viện - trợ » không nên đề nó tồn tại mãi, và nên thay thế bằng một ý - niệm khác khoáng đạt hơn và cao thượng hơn, như ý-niệm « hợp tác » chẳng hạn.

Sự hợp tác ấy, Tây-phương có thể đảm đương nổi không ? Ít là trên lý-thuyết, như Âu-châu, đại quan mà xét, hiện đang ở trong một vị trí hết sức thuận lợi, bởi lẽ ngày nay không ai còn coi Âu-châu là những nước đi chinh-phục nữa, cuộc điều khiển hoàn-vũ, sau hội-nghị Bandoeng, đã không còn ở trong tay người da trắng nữa, và dù chưa biết sau này thời thế sẽ chuyển biến ra sao, sự hiền-nhiên vẫn là quyền-uy

của người da trắng đã chấm dứt hẳn rồi ; nhờ đấy các nước Âu-châu hiện nay có thể đối thoại với các đại lực khác mà không sợ gây sự hiềm-nghĩ, miễn là đối thoại trên lập trường bình-đẳng và tôn trọng lẫn nhau ; và đang khi tiến tới chỗ kết liễu cuộc phá đồ chế-độ thuộc-địa, Âu-châu tưởng nên góp phần cụ thể vào việc giúp đỡ cho các nước chậm tiến vươn lên, các nước mà xưa nay họ vẫn gọi một cách « oan uổng » là các nước « vô sản ».

Nói chung đối với Tây-phương, đó chính là một sứ mệnh mới, sứ mệnh thiêng-liêng và thật khẩn cấp. Tây-phương liệu có chịu đảm-đương một cách đầy đủ không ? và đảm-đương trong những điều kiện nào ?

Lý ưng thì câu hỏi đó nên đặt cho các nước chậm tiến cần được viện-trợ hơn là cho người Tây-phương. Song, thật ra, cứ như tình-trạng hiện nay, nếu đem câu hỏi ấy đặt cho các nước chậm tiến, ta có thể chắc-chắn về bi-quan sẽ phát-lộ trên gương mặt hầu hết mọi người, như ta thường nhận xét thấy từ ít lâu nay, trong các cuộc hội-đàm luận thảo về viện-trợ có người Phi-châu hay Á-châu tham-dự, không ai là người thuộc các nước này mà không thốt lên những lời ta-thán, oán hận.

« Người ta kêu trách kẻ viện-trợ đã dụng tâm muốn dung-hòa thống-trị với hợp-tác, sau tấm bình-phong che đậy của những phương-thức đầy vẻ cao-thượng và bất vụ lợi. Sự kém mở mang của họ được trình bày như một chiếc « bánh ga-tô » mới, dọn ra để thỏa lòng tham lam của các cường quốc tư-bản, hay như một miếng mồi ngon chìa ra cho một vài con

điều hâu giả dạng viện-trợ kỹ-thuật để chụp lấy dễ dàng... » (Bác-sĩ Aujoulat)

« Không ai chối cãi sự hy-sinh của các công-dân Mỹ hay Pháp đã đóng thuế để giúp cho các nước chậm tiến được mở mang, song người ta không tự hỏi mở mang trang-bị như thế để làm gì ? và mở mang trang-bị cho ai ? Hoặc người ta cũng có thể nghĩ hiện kim đầu-tư phải chăng chỉ là những ống thuốc chích ma-túy phân-tán đi khắp hoàn-cầu để mê hoặc thiên-hạ ; hoặc người ta cũng có thể cho rằng đó chỉ là một cách kết-tụ tư-bản làm lợi cho một số nước nào. Người ta cho rằng, đối với chủ-nghĩa tư-bản — qua chế-độ thực-dân hay ở ngoài chế-độ thực-dân — điều cần cho họ vẫn chỉ là bám giữ lấy những cái còn có thể bám giữ được, lợi-dụng những cái còn có thể lợi-dụng được, và chỉ rút lui khi ở trong thế bắt buộc mà thôi ». (Bác-sĩ Aujoulat).

Những cảnh - cáo trên đây, dù có quá thiên về tình cảm chăng nữa, có lẽ cũng có điều đáng cho Tây-phương suy nghĩ. Sự thật, không phải không còn có nhiều người Tây - phương vẫn coi cuộc viện-trợ các nước chậm tiến chỉ có nghĩa lý rút ra được ở đó những lợi lộc tức khắc (lợi lộc cá-nhân, đoàn-thể hay quốc-gia). Lập-trường của hạng người này, ta có thể hiểu được. Song nếu chủ-trương của họ như vậy thì tưởng không nên lấy làm lạ khi người xô-viết đem tinh-thần bất vụ lợi ra đối chiếu với tinh-thần bất vụ lợi của họ, dù tinh-thần bất vụ lợi của người xô-viết chỉ ở trong vòng khoa-trương để tuyên-truyền.

Tại các nước Tây-phương vẫn giữ được thuộc-địa, ta còn thấy có những người cổ hướng cuộc viện-trợ theo chiều chủ-nghĩa

thực-dân, hay một thứ chủ-nghĩa thực-dân kéo dài, đồng thời ta cũng thấy có những người cồ-động sự thoái-triệt vô điều kiện, nghĩa là mặc thây một cách vô trách-nhiệm. Hạng người trên thì cho thế-giới xây-dựng trên nền-tảng tài-lợi, thì sự tranh-dấu để tìm kiếm tài-lợi là sự thuận-lý và cần phải làm ; còn hạng người dưới thì cho, đối với dân-tộc đã giải-phóng được ách thực-dân, người ta không nên làm ơn gì cho một đám người vô ơn nữa. Đối với lý-luận của hạng người trên chúng ta miễn bàn; đối với lập-luận của hạng người dưới, chúng ta có thể tự hỏi : « Khi một dân-tộc nổi lên đòi quyền tự-do của họ, có thể gọi là một dân-tộc vô ơn không ? Và nếu họ có vô ơn chăng nữa thì liệu sự làm ơn với tính-cách của một kẻ có uy-quyền muốn ban ơn liệu có đáng cho người ta biết ơn không ? Vô ơn, nhiều khi đối với những người kém vế, có thể trở thành phương-tiện để giải-phóng lấy mình » (Bác-sĩ Aujoulat). Tưởng đó cũng là một điều dễ hiểu vậy.

Các người này tưởng nên biết rằng không phải khi một vài hình-thức hiện-diện tại các quốc-gia họ mới trao lại chủ-quyền bị phế bỏ, là đồng thời nghĩa-vụ của họ cũng chấm dứt.

Các người theo Ki-tô-giáo vẫn thường nghe Giáo-hội lên tiếng tố cáo sự coi tài lợi làm mục-tiêu duy nhất trong hoạt-động sản-xuất và trong tương quan giữa người với người. Họ chỉ có việc nói rộng ý-niệm vốn vẫn quen thuộc với họ xưa nay, là ý-niệm công ích, công lợi trên bình diện toàn-cầu và siêu quốc-gia. Nếu cần phải có một bảo-đảm cho sự tìm dôi công ích, công lợi thật, thì sao bảo - đảm ấy lại không có thể là chính Liên-hiệp-quốc ?

Đó chính là ý-kiến ông Raymond Scheyven khi ông nhận việc một cơ quan viện-trợ cho các nước chậm tiến, yêu cầu *phân phối lại lợi-tức thế-giới* theo cách-thức tổ-chức *an-ninh xã-hội* đặt trên cơ-sở các quốc-gia.

Sự phân chia thế-giới ra làm hai khối độc-lập nhau đã cản trở lớn lao việc thực-hiện hoài bão tốt đẹp ấy. Tuy nhiên, có điều đáng cho ta ghi nhớ là đối với một người như ông Nerhu chẳng hạn, không hề có « Thế-giới Đệ-tam » nào phải ở dưới thế lực của hai khối và bị hai khối chi phối cả ; chỉ có, một bên là các nước chậm tiến về phương-diện kỹ-thuật, và một bên là sự tập hợp của những kẻ cùng suy-tôn một thần-minh mới là « cơ khí » thôi.

Nếu Tây-phương nhất định giữ thế cô lập và không chịu tìm gặp các nước khác ở bên ngoài mình để cùng xây-dựng lại thế-giới thì chính họ là kẻ làm cho các nước này trôi mọt thành Thế-giới Đệ-tam ngày kia có thể xâm hại họ, trong khi hiện giờ họ mới chỉ là những nước thành-tâm muốn khởi-xương, đề-nghị một nghĩa liên-đới mới mà thôi.

Chúng ta có thể hy-vọng trong cuộc hợp-tác kỹ-thuật, cao-thượng và lợi-ích hơn là những cuộc viện-trợ tài-chính hay kinh-tế, do từ trên ban xuống, sẽ làm cho Tây-phương duyệt lại một vài phương-diện vị kỷ trong chủ-nghĩa tự-do kinh-tế của họ.

Hiện nay không còn phải là lúc chỉ nghĩ nguyên đến những chuyện như khai-thác tài-nguyên, phát-triển kinh-tế, hay nâng cao mức sống nữa. Việc cần phải

thật thì bây giờ chính là giúp đỡ các phương-tiện tiến phát cho các đoàn-thể sống động, nóng lòng và đa nghi, đang muốn được người ta hiểu biết mình.

Họ muốn có kỹ-thuật, nhưng kỹ-thuật ấy phải ăn nhập với truyền-thống của họ, truyền-thống thường khi không thích-hợp với những con tính lạnh lùng của Tây-phương. Chớ tưởng với những hứa hẹn tấn vật-phần này tấn vật-phần khác, số sản-xuất này số sản-xuất khác, tiện-nghị này tiện-nghị khác, là có thể thỏa-mãn được họ. Nhất là chớ có tưởng rằng để cho họ sử-dụng tư-bản, cơ-khí, chuyên-viên, là sẽ đáng được cho họ biết ơn. Cái họ quan-tâm là cách dùng máy móc hơn là máy móc ; cái họ lo ngại là không chế ngự được kỹ-thuật hơn là thấy kỹ-thuật tràn ngập đất nước mình.

Đã có một thời phương thuốc chữa bệnh chậm tiến được biểu-thị trong phương trình sau đây : một bên là tiền bạc, tài-năng và kỹ-thuật ; một bên là nguyên-liệu, nhân - công và huyết hân — Một lược đồ như vậy, không những không thể thừa nhận được từ lâu, mà thật ra nó cũng không đem lại được giải-pháp kiến hiệu nào. Hình-thức đặc sác nhất của viện-trợ là nhường bước cho sự hợp-tác chân-thành, đặt mục-tiêu chính là giúp đỡ các nước chậm tiến tự đảm đương lấy cuộc mở mang xứ sở mình.

Nếu được như vậy thì việc cần không hẳn là phải phái người đến với họ, việc cần là giúp đỡ họ tự huấn-luyện lấy người của họ, cán bộ của họ và xử-dụng lấy. Người ta không ép buộc họ phải nhận lấy kỹ-thuật, mà sửa soạn cho họ tự tay đón lấy kỹ-thuật và chế-ngự được kỹ-thuật.

Đối với các nước chậm tiến, nếu sự viện-trợ không đáp-ứng lại những nguyện-vọng chính xác của họ thì không thể nào có sự mở mang điều-hòa. Biết bao công cuộc đã thực-hiện tại các nước đó không đem lại một thành quả nào và vẫn còn là một cái gì rất xa lạ với họ ! Thiết-lập bao nhiêu chương-trình cũng vô-ích, nếu sự áp-dụng chương-trình không thích-hợp hoặc phương hại đến những cơ-cấu cổ-truyền của họ. Cải-tiến bao nhiêu định-chế cũng vô-ích, nếu sự thành-lập định-chế mới chưa được dân-chúng chấp nhận với một tinh-thần hiểu biết sâu rộng.

Do đấy, ta có thể có một ý-niệm về thái-độ cụ-thể của các người mà Tây-phương phải đến hợp-tác về kỹ-thuật với các nước chậm tiến phải thế nào ! Chúng tôi xin nhường lời cho Bác-sĩ Aujoulat xác-định thái-độ ấy và cũng xin mượn lời Bác-sĩ để kết thúc bài này :

« Người Tây-phương — là chuyên-viên hay trợ-thủ — chỉ nên coi mình như một người cộng-sự thành-thật và cởi-mở, thấy rõ từ trước những giới hạn và thiếu sót của kỹ-thuật mình.

« Người ấy không có tham vọng mang lại một phương-thức nhiệm mầu,

và hiểu rõ sự khó khăn khi phải tìm ra những ưu-điểm của một dân-tộc còn xa lạ với mình, cùng phải tránh những va chạm khó tránh, khi phải tiếp-xúc với những nền văn - minh mình chưa thấu hiểu. Người ấy còn phải ngờ trước những mối oán cừu, hiểm nghi, chứa chất từ hàng bao thế-kỷ, đối với một Tây-phương vẫn bị mang tiếng là ưa thống-trị và vụ lợi quá đáng. Người ấy cũng phải biết rằng không thể có hợp-tác, nếu không có trao đổi, và các bạn hợp-tác ở Phi-châu hay Đông-phương rồi ra cũng có thể góp phần giúp cho kinh-nghiệm của người ấy ngày càng phong-phú thêm.

Bởi vậy điều cần thiết không phải là thay thế họ, mà là sinh-hoạt với họ, giúp đỡ, khuyến khích nhưng cũng tôn trọng và mền chuộng những nỗi khó khăn và những mối hoan - hỷ trong một cuộc xông pha phi-thường mà rất phấn khởi, vì mục-tiêu chính của cuộc xông pha là giúp cho loài người tiến phát. » (1)

HOÀNG-MINH-TUYNH

(1) Tài-liệu của Bác-sĩ L. P. Aujoulat, nguyên Tổng trưởng Pháp-quốc, chúng tôi dùng làm căn-cứ bài này, đăng trong *Revue de l'Action populaire*, số tháng Sáu 1959).

✧ Phải lo công việc trước đã, điều đó rất phải. Song ở đời không phải chỉ có công việc mà thôi. Làm cho nhân-loại được sung sướng mà đến nỗi phải hành hạ kẻ phục-vụ nhân-loại, thì phỏng có ích-lợi gì ?

✧ Kỷ-luật là phương-tiện, không phải là mục-dích. Kỷ-luật có mềm dẻo thì mới cải-tiến được. Kỷ-luật phải thi-hành làm sao để cho mỗi người có thể đảm đương lấy trách-nhiệm của mình. Khi hành-động, có biết tại sao mình hành-động mới là cách hành-động của con người.

thác mắC

TIẾN

Chúng ta ai cũng biết cần phải tiến, vì không tiến là thoái, và thoái là sửa-s soạn đi tới diệt-vong.

Có người bảo : muốn tiến, chưa đủ, điều cần là phải biết tiến ; không biết tiến có thể là thoái, mà thoái rất nguy-hiểm, vì không biết mình thoái.

Song, thế nào là biết tiến ? Và phải căn-cứ vào những tiêu-chuẩn nào để tin chắc là mình biết tiến ?

Chúng ta bàn-khoàn và tự hỏi :

— Biết tiến, phải chăng là tiến sao cho đúng, cho thích-hợp với bản-chất, với tài-kỹ, với hoàn-cảnh đặc-biệt của mình và chỉ mình mới có. Tốt lành, hay-ho, đẹp-đẽ của người vi-lất đã là tốt lành, hay-ho, đẹp-đẽ cho mình ; trước khi du-nhập, ta cần xem-xét từ gốc đến ngọn và nhớ đó chỉ là những thứ du-nhập, nên chỉ có thể tô-điểm được cho mình chứ không thay thế được của mình.

— Biết tiến, phải chăng là tiến sao cho thật, cho tương-xứng với sở-đắc, với khí-cốt, với giá-trị chân-xác của mình và mình đã nắm chắc được. Sở-đắc, khí-cốt, giá-trị của người, trước khi phán-đoán, để thu-dung hay từ-khước, ta cần thấu-triệt cho rõ sự-lý và nên nhớ rằng những nhận-định chủ-quan, hồ-đồ, không những có thể tỏ ta bất-công hay vô-lý với người, mà còn có thể phương-hại lớn lao đến tiền-đồ, vận-mệnh của mình.

— Biết tiến, phải chăng còn là tiến sao cho vững, cho trung-kiến với động-lực, với khả-năng, với trình-độ của một dân-tộc hằng muốn vươn lên và thấy cần phải vươn lên. Động-lực, khả-năng, trình-độ của người, muốn vượt lên trên, ta cần bền-chí mà ngoi lên lần, không trễ-tràng cũng không hấp-tấp, và không nên quên rằng nếu « La-Mã không thể xây trong một ngày », thì mỗi ngày đều đã góp phần vào cuộc hoàn-thành La-Mã.

Tóm lại, biết tiến phải chăng là tiến sao cho đúng với đặc-tính của mình, thật với chân-tướng của mình, vững với sứ-mệnh của mình, tiến với ý-chí của một dân-tộc tự-chủ muốn thiết-thật góp phần cải-tiến nhân-loại một cách kiên-trì ?



« Thời gian »
(minh họa của Phạm-Tăng)

Hai mươi bốn giờ của chúng ta

ĐOÀN - THÊM

BÌNH còn nhớ khi ở lớp nhất Tiểu-học, đã phải làm bài luận Pháp-văn với đầu đề : anh làm gì trong một ngày thì kể ra.

Bình đã yên trí rằng văn mình cũng chẳng kém của mấy ông tác-giả sách tập đọc, hơn nữa, Bình cũng biết nói dối khéo : nào là tập thể-dục mỗi ngày khi ngủ dậy, mặc dầu được lay đánh thức mà còn ấm-ừ hay ngáp dài trên giường ; — nào là ăn buổi trưa, cơm chỉ có rau dưa mà ăn rất ngon miệng, tuy mỗi khi thiếu thịt thì Bình uề-oải ; — buổi tối, Bình học bài, làm bài chăm chỉ cạnh Ba đọc báo và Má ngồi khâu giữa gian phòng ấm cúng, khi ở

bên ngoài gió bắc mưa phùn : hình như bốn mùa đều rét mướt ..

Rồi Bình đã được điểm 8/20 với lời phê : cũng thông, nhưng cần nghĩ kỹ hơn nữa. Thất vọng, Bình bực mình lắm bầm : việc chi to lớn thì mới đáng cho nất óc, chớ chuyện ăn chuyện ngủ thì bắt nghĩ nữa ích gì ?

Cho nên Bình đã chẳng chịu nghe lời thầy. Mà càng lớn tuổi, Bình càng phải học về những vấn-đề quan-trọng hơn ; khi ra đời làm việc, tâm não lại mắc mứu vào công-cuộc mưu-sinh cho vợ con, cho cả cha mẹ già và hai em nhỏ mà Bình phải giúp đỡ.

Bình sống cảnh thường thường bậc chung của một giáo-viên tiểu-học, trong một căn nhà ba phòng nhỏ với một cửa hàng tạp-hóa, cùng gia-đình 10 người già trẻ. Tiền lương của Bình, với huê-lợi cửa hàng của Mẹ, nếu chẳng cho phép xa xỉ, cũng vừa đủ cho mọi người no ấm. Hai cụ hiền, mấy em ngoan, vợ dễ tính, không có sự xung đột xich mích : như vậy, bà con ai cũng tưởng rằng gia-cảnh yên vui.

Song Cụ ông hay buồn thiu, Cụ bà vẫn thờ dài, phàn nàn bị vất vả, nhiều lúc nhăn nhó bức rộc. Vợ Bình tuy mới 27, vốn người óng ả, mà đã xờ xề luộm thuộm, ít nói ít cười. Mấy đứa trẻ, em và con Bình, cũng khép nép e dè, không dám đùa nghịch. Trong nhà hay có không khí tẻ ngắt, nặng nề, hoặc bối rối.

Vì sao vậy ? Bình bất-đắc-dĩ phải chú ý tìm cho ra nguyên-do, mong thoát khỏi một tình-trạng có thể làm tiêu tan sinh-thú. Mà nào có chuyện chi đáng quan-tâm cho lắm ? Song nếu chẳng phải vì có gì to tát, tất vì những sự nhỏ vặt. Nên 15 năm sau khi làm hỏng bài luận, Bình đành tuân lời thầy khi trước mà suy nghĩ kỹ hơn về sách sống hàng ngày của mọi người thân và của chính mình.



Cụ ông, 62 tuổi, người bán cự bán tăn, tuy đã vào tiểu thương-giới mấy chục năm rồi, vẫn sống một cuộc đời nhàn-tàn tương-tự như của ông Ấm ông Đồ thời xưa, chắc vì may mắn được Cụ bà đảm đang tháo vát.

Vì khó ngủ nên Cụ thường dậy trưa ; các con đi làm đi học rồi, Cụ còn ngồi khoan tròn trên sập, trước ấm trà độc-ấm pha đặc, và mãi quá chín giờ mới xong

mấy việc không thể tránh : lấy vừng và thay nước cho đôi chén bạch-yến, tưới từng giọt mấy chậu hồng chậu lan... Rồi Cụ lại nằm dài, đầu quay vào phía nhà trong, để phòng trông có người hỏi mua hàng thì lau kính, tìm dép, lê gót ra bán, sau đó lại vào nằm ; được cái là cửa tiệm không đến nỗi đông khách, Cụ đỡ bị quấy nhiễu, và được thưởng thức tờ nhật-báo cho tới hết trang tư, kể cả những quảng-cáo.

Chẳng mấy chốc đã tới bữa rượu : Cụ nhắm trước từ 11 giờ, đôi ba chén nhỏ xiu, chờ con cháu về cùng ăn cơm thì vừa. Rồi Cụ lại ngả lưng nghỉ trưa, đến chừng 15 giờ tỉnh giấc nhậm trà như buổi mai. Không còn báo đọc thì Cụ hút thuốc nhìn người qua lại trên đường, hoặc tiếp mấy ông bạn già lại chơi nói chuyện nắng mưa, hay là tài-bàn sông, chỉ đứng dạy bán hàng rồi lại vào « phống » hay « ù lèo ». Năm thì mười họa Cụ mới ra khỏi nhà, đi ăn giỗ, hoặc lên chùa bàn góp vào việc dịch mấy quyền kinh. Đến bữa cơm chiều, Cụ uống rượu nhiều hơn cho dễ ngủ, hỏi han con cháu dăm ba câu, rồi đi nằm.



Song Cụ ông thanh thản bao nhiêu, thì Cụ bà bận rộn bấy nhiêu. Từ lúc tỉnh sương, khi ngựa xe thồ-mộ đầu tiên lộp cộp qua nhà ra chợ, Cụ bà đã trở dậy đem nước pha trà cho Cụ ông. Rồi tiếng Cụ và tiếng đồ đạc do Cụ khua động, thay đồng-hồ báo thức mà khiến mọi người tỉnh giấc. Cụ gọi vú già Lu mở cửa tiệm, quét dọn, lau chùi, kê lại bàn ghế, vơi nước vào nhà tắm, khuôn vác hàng hóa ra quầy... Hướng lên phòng gác xép, Cụ réo trống không : nửa ngày rồi mà chưa thấy ai lo bánh lo

cháo cho trẻ nó đi học. Nghe câu ám-chỉ lạnh lạnh như vậy, vợ Bình còn can-đảm nào đề hồn bướm mơ tiên nữa ?

Cụ quần quật suốt ngày, vừa bán hàng, vừa chạy ra chạy vô cửa bếp đốc thúc sai bảo già Lu, đến nỗi Cụ ông phải kêu : « Thì bà mày cứ mặc con dâu nó trông nom có được không ? » — « Ổi chào, các mợ ấy dềnh đoảng lắm, vắng mắt mình thì rồi trên chín dưới khê hết cả... » Vú già Lu, tuy hết sức nhanh, cũng khó lòng theo kịp lệnh Cụ : chưa xong việc hầu ăn sáng, Cụ đã giục đi chợ, vừa trở về Cụ nhắc mau đi giặt, đương thái thịt Cụ bảo ra đếm hộ mấy trăm bánh xà-bông của hăng buôn vừa gửi bán... Đến bữa, Cụ thường ăn sau rốt, vì còn mãi xếp lại đồng hàng hay tính sò ; nhiều khi Cụ vừa ăn vừa truy vợ Bình xem còn những món hàng gì xuất nhập mà quên chưa biên. Buổi trưa, Cụ chẳng khi nào nghỉ, lại còn mừng rằng được lúc mọi người nghỉ yên thì lấy bàn tính ra lách cách. Buổi tối, khi đóng cửa hàng rồi, Cụ còn đi lục soát xem già Lu có đồ vớ suy suyển gì không, rồi lại kiểm hàng, gọi con dâu tính nốt sò, 21, 22 giờ còn ngồi thừ người nghĩ, không biết hôm trước tiêu gì mất bốn mươi sáu đồng ; chưa nhớ ra, Cụ đã vội hỏi vợ Bình liệu ngày kia giỗ tổ thì làm mấy mâm cỗ cho vừa, hoặc những áo cũ của Bình đã chữa lại cho em chưa v.v... Thày bói Giáp vẫn bảo số Cụ có Đà-la Địa-kiếp thủ mệnh nên thân nhân tâm bất nhân, và Cụ thường giải thích như vậy đề bà con hiểu vì sao Cụ không có thời giờ đi đánh tổ tôm hay coi hát tuồng...



Xưa nay, vì kính cần, Bình không dám can thiệp đến cách sống của hai Cụ. Nhưng

Bình thấy công việc của vợ chồng Bình dự tính cũng thường bị sáo trộn hoặc cản trở : Tại sao vợ Bình đề hàng tuần chưa sửa lại giúp đôi tay áo sơ-mi quá dài ? Vì Mẹ nhớ rá việc gì thì lại gọi sai làm việc ấy. Muốn đi coi điện-ảnh 15 giờ chủ-nhật, Cụ bà bảo còn bao nhiêu cuộn giấy bóng chưa kịp xếp, hãy xong đi đã, lúc nào đi chơi chẳng được ? Vợ Bình bỏ việc tính sò đề pha sửa cho con : rõ khéo phiền, cứ phải đứng giờ mới cho ăn, đề trẻ nó quen nết, chậm một tí là khóc vang. Cụ bà còn trách : cả bố con ông cháu nhà nó đều kèn càng, người thì ăn uống ba trống canh chưa xong, người thì cứ bảy giờ tối mới chịu ăn, thật là rầy rà, ăn cho nó xong đi.

Ăn cho nó xong, ngủ cho nó xong, làm cho nó xong, cũng như bác Sáu bảo lấy vợ cho nó xong : còn gì tỏ rõ hơn tính tình giản dị chất-phác và chuyên-cần của Cụ bà ? Khốn thay, Bình lại thấy đứng trước một quan-niệm rất kỳ, theo đó hình như sự sống chỉ có tánh-cách ép buộc, với bao nhiêu hoạt-động vạn bất-đắc-dĩ phải làm cho qua quít gọi là... Nhưng đề rồi đi tới đâu ? Mọi sự đều tạm bợ, mọi việc đều vội vàng hấp tấp, gặp đâu hay đó, tiện gì làm ấy, không cần phương-pháp qui-cử gì đề đạt kết-quả nào vĩnh-viễn hoàn-mỹ.

Ngược lại, là : bao giờ chẳng được ? Có chi quan-trọng khần-cấp ? Người quân-tử phải bình tâm tĩnh trí cho hồn thư thái, Cụ ông vẫn bảo ông nội dạy như thế. Bình cũng thấy ở vài trường-hợp khó khăn, nhờ đức-tính luyện được từ lâu, Cụ đã thản-nhiên, tự-chủ ; hơn nữa, sự thông dong của Cụ hình như bù lại sự vội vã của Cụ bà đề gia-đình yên ổn hơn.

Tuy-nhiên, tính khoan-thai của Cụ ông khiến Cụ ít hoạt-động, khi tính hấp tấp của

Cụ bà đưa tới sự rối rít lung tung. Các cụ thiếu ý-niệm rõ rệt về thời giờ, một người đề quá phí, ít cảm thấy ngắn dài lâu chóng; một người lại quá tham, muốn thực hiện trong chót lát và cùng một lúc nhiều công việc khác nhau. Nói một cách khác, các cụ không tưởng-tượng được sự cần-thiết của thời-khắc-biêu.

Các cụ vẫn có đồng-hồ. Đồng-hồ kiểu Đức khá đẹp, lồng vào khung kính bày trên tủ chè giữa hai lọ hoa đồng rất cân đối; thôi phải rồi, các cụ coi nó không phải là một dụng-cụ có ích như Bình coi chiếc Wyler đeo tay, nhưng là một thứ đồ trang-hoàng; chứng-cớ, là trên bức ảnh hai Cụ chụp hồi mới cưới, nó đã được bày trên chiếc bàn tròn phủ khăn thêu, cạnh hộp trầu khảm, cô dâu chú rể áo gấm xoe tay ngồi hai bên... Vì thế, ngày nay nó chạy hay đứng, chỉ có Bình đề ý và mở lồng vặn dây; nhiều bận, đôi kim chỉ 8 giờ khi đã 15, mà Cụ bà vẫn lảng-xăng dọn dẹp, Cụ ông vẫn xếp gối nhậm trà: có sao đâu?

Không sao đối với hai Cụ, nhưng rất phiền cho Bình nếu tới trường chậm, học trò sẽ phải chờ đợi, ông Đốc có thể khiển-trách. Cụ ông uống ba ly rượu từ 11 đến 12 giờ, nhưng Bình và các em các con ăn rồi còn phải đi nghỉ một lát, đúng 2 giờ lại phải vác xe ra đi... Có khi việc hôm nay nhiều ít nhanh chậm, tùy theo cả những việc sắp tới tuần sau: phải chấm xong tập bài luận thi cho học-sinh, buổi tối nay, thì tới chiều thứ bảy sắp tới mới có thể đi xi-nê, sáng chủ-nhật còn phải đi ăn cưới... Nghĩ lan-man như vậy, Bình tự hỏi: trái ngược hẳn với cha mẹ, mình theo đồng-hồ mà sống, nhưng mình lệ-thuộc đồng-hồ. Có

chắc là cách sống của mình đã hơn của cha mẹ chưa, và về phương-diện gì?



Làm việc gì cũng có giờ: đó là thói quen mà Bình đã có từ thuở mới cắp sách đi học, rồi thành một qui-tắc căn-bản cho nghệ-nghiep và đời sống trong gia-đình, không thể vi-phạm, được lảng lạng theo như một tính tự-nhiên, nên chẳng hề chú ý nữa.

Đôi kim đồng-hồ chỉ-huy mọi hoạt-động, khiến Bình biết tiên-liệu, cân nhắc việc khẩn việc khoan, không để việc lớn bị việc nhỏ tràn ngập. Vì thế Bình tránh được sự rối-rít của mẹ, đỡ quên, không phân tán sức lực.

Sự tuần-tự trong thời-gian, cũng giúp Bình giữ thứ-tự trong không-gian. Muốn khỏi bực rọc lục lợi tìm lâu, Bình cố xếp sách vở quần áo và mọi thứ đồ dùng cho gọn ghẽ. Trái lại, tuy ưa ngăn nắp, vợ Bình bị lôi cuốn đương từ việc nọ độ sang việc kia, các hộp đựng ngồn ngang vì đương cho lên ngăn tủ, thì theo lệnh mẹ phải chạy vô bếp thôi thúc già Lu.

Nhờ chiếc Wyler, Bình đo lường được mức tiến thoái trong phạm-vi hoạt-động hàng ngày. Khi mới ra tập-sự, phải bốn giờ liền mới soạn xong bài sử-ký nhưng chưa một nhọc, nay chỉ cần có hai giờ mà đã sớm mỏi lưng: vì thế, Bình không dám nhận lời chấm giúp hộ một số bài của mấy bạn giáo-viên quá bận. Không có cách nào khác là căn-cứ vào bộ máy đo thời-gian đề tự liệu tìm phương-pháp thích-hợp với sức khỏe và năng-lực.

Sau hết, biết hạn-chế sự lâu dài của mỗi việc cho vừa phải, Bình mới dư được đôi chút thì giờ để nghỉ-ngơi, tĩnh dưỡng

hay giải-trí. Nghĩ tới đây, Bình thấy thương mẹ vô-cùng : cứ đầu tắt mặt tối suốt ngày, hôm nào, tháng nào, năm nào cũng vậy, thì khi mẹ qua đời, tổng kết lại được bao nhiêu lúc yên vui, 150 hay 200 giờ trong tất cả sáu bảy mươi năm ?

Tóm lại, cho mẹ không biết dùng thời giờ hàng ngày, nên chẳng hưởng được sự an-lạc mà hoàn-cảnh dành cho.

Song, giờ nào việc ấy như Bình, sao vẫn nhiều khi thấy chán ? Theo đồng hồ để điều hành sự sống, tuy là một qui-tắc cần-thiết hữu-ích, có lẽ cũng chưa đủ để tìm ra sinh-thú.

Dù sao, Bình cần giải-quyết vấn-đề giúp cha mẹ, rồi liệu cho mình sau.



Đối với hai Cụ, Bình tránh luận-thuyết vì khó dùng lời nói mà cãi những thói quen lâu năm, và Bình rất e ngại phật lòng người trên : trứng khôn hơn vịt hay sao, tuy trứng đã nở ra một ông giáo. Nên lựa chiều theo tính các Cụ, thử làm cái gì để lời cuốn lảng-lặng và dần dần thì hơn.

Cụ ông hay buồn thiu, ngoài mấy bữa rồi, rượu trà. Ai lại xúi Cụ học đọc sách cho vui ? Đến tuổi Cụ mới giục thì quá muộn ngay đến tập những trò chơi mới cũng còn khó. Khuyên Cụ giúp đỡ Cụ bà nhiều hơn, không khéo Cụ phẫn nộ : bòn phận vợ con là phải kính cần hầu hạ Cụ chứ ? Chớ có nêu gương người Âu Mỹ ấm con hay làm bếp cho vợ ; cũng chẳng khi nào Cụ bà lại để Cụ ông làm những việc đó : người đàn ông phương đông muốn giữ tư-cách không chăm chú đến việc nội-trợ và phải xa bếp nước, « quân-tử viễn bào trù ».

Rút cuộc, Bình đã nghĩ ra :

Có lần sắp đi làm, Bình chép miệng thờ dài : « Mẹ vất vả quá, đến ốm mất, đã hay quên mà chẳng chịu ghi chép, tính sổ làm thì buồn bực, giá con được nghỉ thì sẽ tính giúp, nhà con lại bận khâu vá. Hay là con đành thức khuya từ tối nay để tính toán hộ vậy... »

Cụ ông nghe tiếng, bỏ chén trà xuống, lặng nhìn Cụ bà đương nhắm đầu bút và nheo mắt trên quyển sổ.

Đến tối, khi ăn cơm xong Bình hỏi sổ, thì Cụ ông bảo : thầy đã tính cho rồi.

Bình dùng toàn những cách tương-tự để lưu ý Cụ ông về sự mệt mỏi vất vả của Cụ bà.

Cách đó ít lâu, Bình thấy Cụ ông ít nằm dài, đi lại cười nói nhiều hơn, lại đảm nhiệm nhiều công việc khác : lãnh hàng, giao hàng, thu tiền, giao thiệp với hãng buôn v.v... Rồi một hôm nhân đàm, Cụ bảo Bình : « Thầy nghĩ cũng thương mẹ, chăm làm quá từ xưa nên bảo nghỉ cũng chẳng được, chỉ có cách nhận lấy một số việc, làm hộ cho đỡ đi, và lại trong một nhà, chẳng thể nào người bận rộn tối mắt mà người khác vui vẻ được ».

Bình không trả lời, nhưng mừng thầm đã đạt phần nào kết-quả : Cụ ông chịu hoạt-dộng thì vui sống hơn, song còn Cụ bà nữa.

Cho tới nay, vì lễ phép, ở bữa ăn hay mỗi khi xum họp khác, Bình thường nhường lời cho các Cụ nói. Song hễ nói chuyện, thì Cụ Bà hay đưa ra những vấn-đề rối ren trong đầu óc : lỗ lãi, hàng chậm, giấy gói khan hiếm, thuế cao, giá đồ ăn cứ tăng hoài, v.v... thảo nào mà hay thờ dài và ăn sao cho ngon được ? Nên Bình không đợi các Cụ nói nữa, mỗi khi ngồi vào bàn, Bình

HAI MƯƠI BỐN GIỜ CỦA CHÚNG TA

khai mạc bằng một câu chuyện gì hài hước, hoặc dễ gợi tính tò mò ; tí như anh con nhà bác đi hỏi vợ đẹp mà cô ả khó tính đặt năm sáu điều kiện... Đã được khơi mào, thì câu chuyện đưa đi khá xa, vì mỗi người bàn tán thêm một câu, Cụ ông ngà ngà ba chén cũng mắc mưu và bông đùa : « bà mày trước cứ chê tôi mãi rồi cũng đến năm một... »

Lại có khi Cụ bà đương mài khuôn-vác xếp dọn, Bình thả lú trẻ xuống tấn-công, nghĩa là bá cồ, bá vai, trèo lên lưng, giăng co cột nhà, Cụ phải bỏ việc, gỡ các cháu nhỏ ra, mắng yêu, tuy vẫn làm, nhưng cười ha hả chớ không nhăn nhó nữa.

Hơn nữa, Bình mở rộng mặt trận, liên-minh ngấm-ngấm với ông Tư Ốc và Cụ Lang Thánh-Thọ-Đường là hai người quen thân, mà vô-tâm vui tính sang chơi, mời cha mẹ Bình đi chơi, nhưng hay nhằm lúc 8, 9 giờ tối, là lúc Cụ Bà sắp có thời giờ nằm lo hay tính quần, đề rủ đánh tài bàn, đi coi tuồng, đi lễ bái, hoặc nói toàn chuyện vui. Nếu vắng khách thì Bình đành tổ-chức lấy một trò gì : xúi các con nhỏ đòi Cụ bà kể chuyện cồ-tích cho tới lúc cụ mỏi và buồn ngủ ; hoặc mời ông bạn có tiếng là Trần-Đoàn thứ hai, đến xem sổ cho mọi người trong nhà, nhưng dặn kỹ phải nói khoác nói tốt, đề tiêu một hai giờ buổi tối và đưa lại chút hy-vọng vào ngày mai tươi sáng.

Bình tìm ra rất nhiều biện-pháp, và kết-quả sau vài tháng thí-nghiệm, cũng đã đáng kể ; tuy không khiến được cha mẹ sống theo đồng-hồ, trong một ngày, hai Cụ đã có những giờ phút nghỉ ngơi, bớt sự lo lắng bức rộc hại đến sự ăn ngủ và sức khỏe, nên không-khí gia-đình đã dễ

chịu hơn nhiều. Bình bảo vợ : ông Lão Lai 70 tuổi còn múa trống bỏi đề cho cha mẹ vui cười ; báo hiệu đâu phải chỉ có nuôi ăn ngày hai bữa ?



Tạm yên về phía cha mẹ, Bình mới nghĩ về mình, và soát lại thời-khắc-biêu hàng ngày

Trong 24 giờ, 9 giờ ngủ kể cả buổi trưa, 9 giờ làm việc kể cả buổi tối ở nhà. Chỉ còn có 6 giờ chia cho các hoạt-động khác : ăn uống 3 bữa (độ 1 giờ) tắm, rửa vài lần (1 giờ) đi, về bốn buổi và thay quần áo (1 giờ) làm việc linh-tinh như tiếp khách hút-tóc v. v... (từ 1/2 giờ đến 1 giờ). Còn lại được chừng 2 giờ đề tùy ý sử dụng : chơi với con, đọc sách báo, giải-trí mơ-mộng v. v...

Thời giờ như vậy đã được tính rất sát và căn-cứ vào nhu-cầu thiết-thực đề chia ra ba phần :

— Phần A : thời-gian sống về nghiệp, tùy xã-hội, tùy chánh-quyền, luật-lệ lao-động... nên không thể tự ý tăng giảm.

— Phần B : thời-gian dành cho thân-thể, cũng chỉ xê dịch được độ 30 phút hơn kém là cùng.

— Phần C : chừng hai giờ đề sống theo sở-thích.

Ngấm kỹ, Bình thấy tự-do và hạnh-phúc của con người, nhiều hay ít tùy cách xử-dụng 120 phút đó, thực là của mình và vợ con.

Chẳng ai cấm Bình hưởng. Vậy nếu Bình không vui sướng, phải chăng vì không biết dùng phần C ?

Cũng đúng : có khi nhàn rồi, vợ yên lặng khâu, mấy con thơ đứng bên cạnh,

đáng lẽ Bình chuyện trò với vợ hoặc đùa với con, thì lại nằm dài hút thuốc, nghĩ gần nghĩ xa, thắc mắc về đường tiến thủ, băn-khoăn tự hỏi cứ làm ăn thế này thì bao giờ có tiền dư để dành v. v... Ngày hôm nay Bình đã bỏ lỡ dịp hưởng thú gia-đình tuy không có sự gì ngăn cản, để lo về việc ngày mai, rồi ngày mai lại bận óc về việc tuần sau : đã như thế bao nhiêu năm rồi, và cứ như thế mãi cho đến ngày vĩnh biệt loài người hay sao ? Năm nay Bình 35 tuổi : nếu thọ trung-bình 60, cùng lắm chỉ thể hưởng được 18.000 giờ (bằng 750 ngày) thuộc phần C. Bình thường nghe nói : chúng ta sống về tương-lai nhưng nếu cứ lùi mãi, lùi mãi về sau, thì ngày mai chưa biết sẽ ra sao, chỉ có điều chắc-chắn là uổng phí mất hiện-tại.

Đã đành rằng phải cố-gắng để cuộc đời dễ chịu hơn, hoặc tránh những sự khó khăn về hậu-vận, nghĩa là trù-liệu cho đủ những phương-tiện hay điều-kiện cần-thiết để bảo-vệ hoặc tăng tiến hạnh-phúc của bản thân và gia-đình. Song như thế là mưu tính. đặt chương-trình kế-hoạch, làm việc. Nhưng nếu là việc, thì quả như lời Cụ ông đã dạy, nên dành riêng một lúc, ngoài giờ ăn giờ nghỉ. Và lại, nào có mấy khi suy-nghĩ, cân nhắc, phân-tích để tìm ra giải-pháp cho một vấn-đề rõ rệt ? Thường chỉ âm-u phảng-phất giữa vài ý-tưởng mơ hồ, cảm thấy sự khó-khăn hay nguy-hiểm để ngại-ngùng, bứt rứt, hay sợ hãi ; tóm lại, là lo suông, cho tới lúc đầu nhức ngực nặng thì thở dài một cái cho nhẹ bót : tuy trời vẫn xanh, hoa vẫn nở, và trên mặt người thân vẫn có nét tươi. Vậy nếu chẳng đến nỗi kêu gọi như Lamartine « mau lên, ta hưởng trần di » (hâtons-nous, jouissons) thì ít ra cũng tự

hỏi như Lý-Bạch « vì sao làm cho đời sống nhọc-nhân » (hồ vi lao kỳ sinh ?)

Nhưng muốn tránh nghĩ quẩn lo suông, phải có hoạt-động gì rõ rệt, chứ tự nhủ cũng không đủ. Bình mới nhất định trở lại môn quần vợt đã bỏ bằng từ lâu, để mỗi buổi chiều tiếp-tục trong 45 phút. Phần thời giờ còn dư, nghĩa là độ hơn 1 giờ, thì mỗi hôm dành cho một thứ giải trí khác nhau để khỏi chán : hoặc vui chơi với vợ con, hầu chuyện cha mẹ, thăm hay tiếp bạn ; hoặc đọc báo đọc sách, xem điện-ảnh, đi chơi...

Duy có một thứ việc đã khiến Bình lưỡng lự nhiều ngày, không biết nên chẳng thế nào ? Là tập « không-tưởng » để giải-phóng tâm-thần... Vấn-đề này đã được nhiều báo chí ngoại-quốc nêu lên, nhất là từ sau hồi Đại-chiến thứ II. Nhiều người Âu Mỹ hàng ngày bỏ ra 1/2 hoặc 1 giờ, nằm hay ngồi, cố giữ yên thân-thể và trí não, không động dậy nghĩ ngợi gì cả, với mục-đích di-dưỡng (relaxation) phỏng lối tĩnh-tọa định-thần của thầy tu Yogi bên Ấn-độ — Lại có những tác-giả đề-nghị : tập nằm dài, cho tâm trí lơ mơ theo vang bóng gió mây, để thấy nhẹ nhàng khoan-khoái mà hưởng cái thú đặc-biệt của sự lười (Alan Devoe — Eloge du farniente — L'art subtil de ne rien faire — Reader's Digest Juillet 1959).

Những phương-pháp đó, tuy cũng có ích, xét ra chỉ cần cho những người quen sống ồ ạt, giữa các đô-thị không-lỗ phương Tây, khi cuộc đời quá máy móc. Còn Bình và bà con tuy ở thành-phố, chưa phải chịu một hoàn-cảnh náo-nhiệt đến nỗi dễ sinh bệnh thần-kinh như ở Paris hay New-York. Trái lại, Bình thấy mình và các bạn

cần dành ra một ít thời giờ để trầm-tư mặc-tưởng, nghĩ kỹ về nhiều vấn-đề liên-quan đến cuộc nhân-sinh hiện-đại.

Hồi đi học, Bình chỉ mãi miết thuộc cho nhiều, ít khi suy luận, từ khi ra đời, quen thói lười nghĩ, lại bị việc sinh-nhai lôi cuốn, ngay trong sự hành nghề cũng thường thụ-động theo lẽ lối thủ-tục lâu đời, thạo rồi thì tiến hành gần như máy, ít khi phải bóp trán tìm tòi. Lúc đọc sách đọc báo, Bình vẫn hay phó mặc cho tâm trí thuận dòng cảm-giác hoặc tư-tưởng của các tác-giả, những người được mặc-nhiên coi như có nhiệm-vụ nghĩ hộ độc-giả. Huống chi đối với đời tư của Bình, nhất là những việc hàng ngày mà Bình vẫn khinh chẳng chịu cứu xét : như vậy chỉ lần quần trong cảnh được dẫu hay dó, chớ làm thế nào tiến hơn về mọi mặt, như dân nhiều nước văn-minh ?



Trở lại thời-khắc-biêu đã vạch, Bình nhận thấy : tuy phần C quan-trọng nhất về phương-diện sinh-thú cá-nhân, nếu phần A và phần B tẻ ngắt, thì cũng vẫn chán nản. Vậy có thể nào tìm thêm sự vui thích ở hai phần này không ?

Bình không thấy hào hứng vì hay coi những công việc liên-quan đến thân-thể hay nghề nghiệp như quá tầm-thường, hoặc có tánh cách ép buộc, nên chỉ muốn qua quít gọi là cho xong chuyện : cạo râu, uống nước, đi làm... Mỗi buổi sáng, Bình vội đến trường, ở trong lớp thì lăm lăm nhìn đồng hồ mong đến giờ tan, về nhà thì ăn vội đề còn đi nghỉ và trở lại với học trò. Cứ như vậy, công việc làm quá quen, không còn thấy ý-nghĩa gì nữa.

Nhưng có thực thế không ? Có lẽ cần phân biệt lại : thay bút-tắt, đi giày, còn có gì thích ? Song ngược lại, nhiều việc có thể làm cho khoaau khoái, chỉ vì Bình không chú trọng đề thưởng thức nên đã bỏ phí không tận hưởng được thú-vị. Về phương-diện này, Bình đành chịu Cự ông : theo Cự, uống trà mạn sen do Cự ướp lấy, nhiều bạn tay nâng chén miệng tranh luận huyền thiên, quên mất cả cái hương-vị đặc-biệt không có ở trà khác. Nhiều khi ta hút thuốc, vì thói quen mà châm hết điếu này đến điếu khác, chớ nào có thấy say sưa ? Phải ung dung chăm chú mới biết ngon lành khoái trá, chắc vì thế người Nhật mới đặt ra lễ nhậm trà, người Anh Mỹ mới có thói ngả mình trên ghế bành hút si-gà, lơ mơ theo khói bên cạnh ly rượu. Bình cũng đã thử : mỗi khi dùng cà-fê buổi sớm, Bình cố ngồi hẩn hoi, thông thả nhấp, bắt quá mất năm, mười phút, chớ không vội vàng uống một vài hớp rồi vác xe đi : quả là có thích hơn.

Nhưng đã biết tìm thú ở những việc vặt, sao không tìm ở việc quan-trọng là sự hành nghề của mình ? Sự dạy học chiếm mất $\frac{3}{5}$ thời giờ, lẽ nào không ảnh hưởng mạnh : có khi bực mình vì thái-độ học-trò, Bình về nhà ăn uống mất ngon ; trái lại khi thấy $\frac{4}{5}$ lớp thi đậu tiểu-học, thì suốt ngày hôm đó, Bình tươi cười, lúc đi ngủ còn hả hê... Cho nên, Bình cố tìm nhiều hơn ở nghề mình những khía cạnh tốt đẹp : tuy nặng nhọc, cũng có nhiều sự an ủi ; rất cò bồng hòng, ba trẻ ngoan thì ba mươi đứa hư, song nếu cuối năm được đa-số đỗ, Bình cũng cam lòng. Trong hàng ngàn trò mà Bình dạy dỗ, chắc rồi ra cũng có một

những câu hát bình-dân là những câu nômina mách-quế của lớp nghèo khổ trong xã-hội, không đáng để cho họ biết đến chứ chưa nói đến việc dùng nó để giải-trí hay sáng tạo ra nó nữa.

2 — Ước thuyết thứ hai cho rằng bắt đầu từ đời nhà Lý, Quan-họ được đặt ra để dân chúng hát về dịp cưới xin giữa hai họ nhà trai và nhà gái. Điệu hát này khó khăn, phải tập luyện lâu ngày mới thuần thục và có đặc-tính ở chỗ không có kèm một nhạc khí nào phụ họa ngoài tiếng hát. Tục hát này, là một điệu hát cổ xưa nhất từ khi lập quốc, ngày nay chỉ còn lưu truyền trong một số làng mạc ở Bắc-ninh mà thôi. (Lương-Đức-Thiệp — Xã-hội Việt-nam).

Thuyết này có lẽ đã dựa trên tục-lệ của làng Dương-ồ (Đổng-ca, Bắc-ninh) để giải-thích. Vì ở đây, trai gái chỉ hát Quan-họ trong dịp duy-nhất là những ngày cưới xin mà thôi. Hiện nay, tục-lệ hát Quan-họ khi ăn hỏi và khi cưới cũng vẫn còn được tổ-chức ở làng này.

3 — Theo lời một số các cụ già ở Lũng-giang, Nội-duệ (An-phong, Bắc-ninh) thì cho rằng Quan-họ phát-sinh từ khi vua nhà Lý chạy giặc qua Bắc-ninh, dân quê kéo nhau ra hát « dùm » cho quân giặc « họ » lại (có nghĩa là đứng lại), để nhà vua chạy.

Theo sử, ta thấy rằng có một lần vua Lý-Cao-Tông phải rời kinh-đô để chạy giặc (năm 1228) vì bị bọn bộ tướng của Bình-Gi là Quách-Bốc nổi loạn, đem quân về đánh phá Thăng-long. Nhưng lần đó, nhà vua đi dọc theo đường Sơn-tây để lên Phú-thọ chứ không xa giá qua Bắc-ninh để dân miền này có dịp hát dùm « họ »

cho bọn giặc đứng lại để khỏi đuổi nhà vua. Ngoài truyện nội loạn đó ra, không lần nào các vua nhà Lý phải rời khỏi kinh-đô nữa, trừ những khi khởi binh đi đánh Tống, phạt Chiêm là những lần tự ý cất quân đi chứ không có giặc nào đuổi theo cả. Hơn nữa tiếng « họ » trong truyện này dùng theo nghĩa một tiếng nói với trâu bò để bảo chúng đứng lại, đem gọi cho người, sợ rằng đó là điều vô đoán. Do đó, thuyết này có mấy điểm sai lạc nếu ta đem đối chiếu về lịch-sử và xét riêng về phương-diện ngôn-ngữ. Nhưng còn một nghi-vấn : Sao câu chuyện không thể xảy ra ở một triều đại nào khác ngoài triều Lý ?

4 — Lại theo lời truyền-tụng của dân làng Đình-bảng (Tứ-sơn, Bắc-ninh) thì hình như Quan-họ phát sinh vào thời kỳ nhà Trần đẩy nghiệp, kế tiếp nhà Lý (1225-1400). Nguyên do vì lòng mến tiếc của dân làng đối với triều Lý hãy còn quá sâu xa, (vua Thái-Tổ nhà Lý là Lý-Công-Uân sinh ra ở chùa Rạn, làng Đình-bảng). Nên sau khi nhà Trần làm truyện thoán đoạt ngôi vua, các hương chức trong làng liền tổ-chức ngày giỗ các vị vua nhà Lý hàng năm. Ngày lễ này rất linh-dinh và thường có nhiều dân làng miền phụ-cận tới dự. Nhân đó, các cụ liền tổ-chức hát dùm để cho cuộc lễ thêm phần long trọng. Nhưng vì hát dùm không được nghiêm-trang, nên sau đó, các cụ bèn đặt thêm những giọng mới và những luật-lệ riêng cho thích-hợp với cuộc đại lễ. Vì vậy, nên tục hát này gọi là hát Quan-họ.

Ước thuyết này được chứng-minh bằng tục-lệ giỗ vua hàng năm ở đền Lý-Bát-Đế, một ngôi đền rất lớn xây vào hồi đầu thế-kỷ thứ 12 ở tại làng Đình-bảng để thờ

các vị vua nhà Lý. Vào ngày giỗ vua, dân làng này và các làng lân-cận như Nội-Duệ. Trùng-quán, Phù-đồng, Lũng-giang... thường kéo nhau đến nơi đây thi hát Quan-họ để kết bạn, lấy giải. Nhưng ngôi đền cổ-kính này đã bị phá hủy hoàn-toàn, những tài-liệu, sách vở từ ngày xưa để ở trong đền cũng bị thiêu đốt hết cả trong thời-gian loạn-lạc vừa qua, nên tục-lệ giỗ vua có hát thi Quan-họ ở đây không còn nữa. Đây là một làng rất giàu có, nhiều trâu, lắm ruộng, nhiều người nhất ở tỉnh Bắc-ninh. Theo truyền-thống thì con gái làng này rất mực đảm đang, nhưng về mặt hoa-nguyệt lãng-lơ thì không kém gì con gái Lũng-giang, Cầu-lim. Đề ám-chỉ tính tình trai lơ của con gái Đình-bảng, người miền này đã có câu nói cửa miệng « Vật thú Đình-bảng thế ». Có lẽ đây cũng là một nguyên-nhân đã làm phát-sinh ra loại dân-ca trữ-tình kia chăng ?

5— Có thuyết cho rằng Quan họ ra đời cách đây 300 năm, thuở Trạng Bự vinh-quy về làng. Nhưng cũng có ý-kiến cho là quân ông Trạng Bự đi kéo gỗ trên ngàn về bị cạn trên sông Tiêu-tương « Hò hát kéo gỗ rồi sau cứ lưu-truyền mãi với tên Quan-họ », (Trần-Văn-Khê, Hát Quan-họ, tạp-chí Bách-Khoa số 43 ngày 15-10-58).

Suy ra, có lẽ thuyết này không thể đứng vững, vì cách đây lối 6, 700 năm, theo những lập-luận kia, ở nhiều nơi khác cũng đã từng có hát Quan-họ rồi. Như vậy, chắc là dân làng Bự mới biết hát Quan-họ cách đây độ chừng 300 năm, trong khi những làng khác như Nội-duệ, Dương-ồ... đã biết hát từ 3, 400 năm về trước. Hoặc giả là cách đây ba thế-kỷ,

Quan-họ cũng vẫn còn đang ở thời-kỳ phát-triển, chưa đến nỗi bị lu mờ như ngày nay.

6— Lại có ức thuyết cho rằng Quan-họ chỉ là một lối hát đúm, một lối hát tư tình của trai gái ngày xưa, được dân-chúng ở mấy tỉnh Bắc-Việt tồ-chức lại cho có quy-củ hơn. Quan-họ là một danh-từ chuyên-môn để chỉ lối hát đúm đặc-biệt của mấy miền. (Thanh-lãng Văn-chương bình-dân).

Thuyết này không nói rõ nguyên-nhân và thời-gian xuất-hiện, nhưng chỉ rõ rằng Quan-họ chính là một lối hát « đúm » biến thể, nguồn-gốc Quan-họ ở hát đúm mà ra. Hát đúm hình như có từ thời lập quốc ở xứ ta, nhưng đến thời-gian nào Quan-họ bắt đầu thành hình, do hoàn-cảnh nào ? Có thể là ở trong khoảng thời-gian từ thời lập-quốc đến đầu nhà Trần được không ? (Thời-kỳ phát-triển của văn-chương bình-dân), hay sau này mới có ?

Điều đó ra sao, chúng ta còn phải chờ sự nghiên-cứu kỹ-lưỡng của các nhà khảo-cứu sau này, nhưng hiện thời thì ta có thể tạm phỏng- đoán là Quan-họ cũng đã xuất-hiện từ lâu đời lắm trong xã-hội ta.

Chúng tôi xin tạm ngưng sau khi đã trình-bày những ý-kiến trên đây, vì ngoài ra, còn có rất nhiều truyền thuyết khác nữa nói về nguồn gốc Quan-họ, nhưng vì là những lập-luận không có liên-quan gì đến phong-tục, lịch-sử cả nên không thể căn-cứ vào đó để tìm hiểu Quan-họ được.

Và sau khi đã xem qua những ức-thuyết kể trên, chúng ta thấy rằng vấn- đề nguồn gốc Quan-họ đã được giải-thích bằng nhiều câu truyện khác nhau, tùy theo phong-

tục của từng làng, từng nơi đã phát-hiện ra ý-kiến đó. Tuy vậy, ngoại-trừ những điều vô-lý trong từng truyện, vì chưa có chứng cứ rõ ràng để ta chấp nhận, các thuyết còn có một vài điểm tương tự, gần như có thể dung-hòa với nhau. Riêng về những điểm này, chúng ta tạm thời công nhận để đi đến một quan-niệm chung về lai lịch Quan-họ như sau :

1— Về phương - diện thời-gian, tuy không chỉ rõ năm nào, nhưng phần nhiều các thuyết đều thừa nhận là Quan-họ phát sinh từ đời Lý (1010 — 1225). Hoặc trước, hoặc sau đời Lý chút ít, nhưng đại-đề thì ta có thể chọn thời-gian này làm cái mốc căn-bản để trả lời cho câu hỏi : Quan-họ xuất hiện từ bao giờ ?

2— Hầu hết các thuyết đều nhận rằng Quan-họ xuất-xứ từ những làng thuộc Bắc-ninh, nhất là mấy làng thuộc Tiên-du, An-phong, Từ-sơn. Những làng này đều ở rải rác hai bên quốc - lộ số 1, khoảng giữa đường Hà-nội đi Bắc-ninh. Như vậy ý-kiến « Quê-hương Quan-họ chắc-chắn là ở Bắc-ninh » của ông Trần-Văn-Khê có lẽ là đúng. (Xin xem : Hát Quan-họ, Trần-Văn-Khê trong Bách-Khoa số 43).

3— Về phương-diện nguyên-nhân đã phát-sinh ra Quan-họ thì các thuyết đều nhận rằng Quan-họ thoát thai từ hát dúm, hoặc có liên-quan gần xa đến hát dúm, hoặc hát dúm là một trong những nguyên - nhân đã cấu-tạo nên Quan-họ. Như ta đã biết, hát dúm cũng là một trong những loại hát đối hoa-tình rất phổ-biến ở thôn quê. Và cũng như hát trống quân, hát dúm chỉ chú-trọng đối lời giữa đôi bên chứ không bắt buộc phải có lẽ

luật phức-tạp và phải đối cả nhạc lẫn lời như Quan-họ. Hát dúm là sản-phẩm của những lớp quần - chúng bình-dị ở nông-thôn. Bởi vậy, ta có thể tạm dựa vào đó mà nói rằng Quan-họ là do những nghệ-sĩ bình-dân sáng-tạo, và dĩ-nhiên nó không thể là một nghệ-thuật được khai sinh bởi « hai họ nhà quan » ngày xưa được.

4— Do cảnh-trí thiên-nhiên của miền Bắc-ninh, một miền có núi Hồng-vân, có sông Tiêu-tương, có chùa Bách-môn, có chợ Dầu, có trai Cầu-vồng, có gái Nội-duệ. Với những cánh đồng mênh - mông chạy tít tắp đến tận chân trời. Với những lũy tre làng xanh biếc nằm cạnh ao hồ rải-rác khắp nơi. Với những đêm trăng lên đầy vẻ mơ màng, quyến-rũ. Với những buổi ban mai nắng ấm dịu dàng. Với tục-lệ, hội-hè, đình đám mở ra quanh năm trong những dịp nhàn rỗi của đời sống ở đồng nội là những cơ-hội thuận-tiện cho trai gái hội họp, gặp gỡ để rồi xa cách với bao nỗi-niềm luyến-tiếc, nhớ thương. Tất cả những cảnh-trí thiên-nhiên và những tập-quán xã-hội đó đã tạo miền này thành một mảnh đất phì-nhiều cho việc phát-triển đến âm-nhạc hoa-nguyệt trữ-tình.

5— Một điều cần-được chú ý nữa là : Dưới triều Lý, mọi hoạt-động về văn-hóa, xã-hội đều phát-triển đến tột-độ. Hiện nay, chúng ta cũng còn khá nhiều di-tích để chứng tỏ sự nổi danh trong quá vãng của nền văn-minh thời Lý. Song song với sự phát-triển về văn-học, âm-nhạc cũng bắt đầu khởi công xây - dựng cho nền móng riêng biệt của mình. Có nhạc-công đã sáng-tác ra nhạc khúc « Chiêm thành điệu », một điệu hát rung động lòng người đến nỗi người xưa đã phải hạ bút phê-bình : « Tiếng trong-trẻo, ai oán, thảm thương.

ngâm nghe phải khóc. » (Lê-Văn-Hưu — Đại Việt Sử-ký). Là một tầng lớp quan-trọng đã góp rất nhiều công sức để tạo lập nên một nền văn-minh rực rỡ như vậy, lẽ nào lớp quần chúng bình-dị đó không thể xây-dựng cho mình một nghệ-thuật riêng biệt để giải-trí trong thời-gian này hay sao ?

Tóm lại, dựa vào bối cảnh lịch-sử, xã-hội thì có lẽ nghệ-thuật Quan-họ đã manh nha từ thời-kỳ lập-quốc và bắt đầu thành hình vào hồi cuối thế-kỷ thứ 11 tại một số làng mạc thuộc tỉnh Bắc-ninh. Sáng-tạo ra nó, hẳn là những nghệ-sĩ bình-dân. Những người này làm ra câu hát, nói lên tiếng nói tình-cảm, tâm-lý của lớp người đương-thời, rồi những câu hát đó được truyền-bá, lưu lại qua cửa miệng của những người khác. Những lớp người sau này vừa chọn lọc, vừa truyền-tụng lại, vừa sáng-tác thêm ra, lâu dần do thời-gian và không-gian, người ta quên mất tên những tác-giả. Và bởi vậy, chúng biến thành một loại dân-ca còn được lưu-truyền đến ngày nay.

Nguồn-gốc của Quan họ, vì thế, rất quan-trọng trong lịch-sử âm-nhạc Việt-nam, rất đáng để cho ta quan-tâm tìm hiểu. Sự-nghiệp của Quan-họ, trong dĩ-vãng, chắc rằng đã có một thời-kỳ thịnh-đạt và tương-lai của nó, rồi đây cũng sẽ rất rực- rỡ. Bởi nó là công-lao của hàng bao-nhiều thế-hệ, là một mạch sống trong sức sống chung của dân-tộc ta kéo dài từ hàng mấy ngàn năm nay.

Nền nhạc Việt mới, muốn làm trọn sứ-mạng âm-nhạc của mình, muốn tránh khỏi cảnh bế-tắc trong tương-lai, phải chú-trọng tìm hiểu nó cũng như tất cả những loại

dân-ca khác. Duy-trì lấy chúng, phát-triển và nâng-cao cho đúng với địa-vị xứng-dáng của chúng trong lĩnh-vực Âm-nhạc. Phải biết mở lối để kiến-tạo một nền móng vững vàng cho quốc-nhạc trên những âm-diệu Việt-nam thuần-túy. Nếu chúng ta coi thường nó, bỏ qua những nhạc-diệu dân-tộc, chỉ biết ngụp lặn trong những nhạc khúc cồ-diễn của xã-hội Âu-châu trường-giả ; những âm-hưởng cũ-kỹ đã lỗi thời của nền cồ-nhạc lai Trung-hoa, Chiêm-thành mà ta thường mệnh-danh là nhạc dân-tộc của chúng ta ; những tiếng gào thét điên dại hay những âm-thanh ủy-mị, bạc-nhược của loại nhạc Jazz ma quái, thì chẳng mấy lúc mà chúng ta biến nền nhạc Việt hiện có thành một cái chợ hỗn-độn, chứa đựng toàn những sản-phẩm kỳ-quặc, những quái-thai lai-căng của thời-dại, để rồi dắt díu nhau đến chỗ phá-sản, tàn-lụi. Vô-tình, chúng ta đã tự thiêu-hủy cái nhạc ngữ quý-báu duy-nhất mà tiền-nhân đã để lại cho chúng ta.

Nhịp sống của dân-tộc đang đi lên bằng những bước lớn. Trong cuộc chung vai kiến-thiết, sứ-mạng của âm-nhạc không phải là nhỏ. Nhiệm-vụ của các nhạc-sĩ, do đó, cũng rất quan-trọng. Họ không có quyền thoái thác và rời bỏ trách-nhiệm. Dù muốn dù không, họ cũng phải cấp thời mở một lối đi đúng đắn cho quốc nhạc bằng cách khai thác, duy trì và phát-triển cái hồn nhạc Việt-nam đã được lưu truyền từ bao thế-kỷ. Nếu không, họ sẽ phải chịu trách-nhiệm với dân-tộc, với lịch-sử trong mai hậu.

Sài-gòn, Hè 59

NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

BÁCH KHOA LXV

CON ĐƯỜNG CỦA TỪ-THỨC

●————— NGUYỄN-PHÚ

GẦN đây, trong vài tiệm sách lớn nhất ở đô-thành người ta được gặp *Từ-Thức* của thi-sĩ Đoàn-Thêm hiện xuống cõi trần.

Đối diện với tác-phẩm, có lẽ cái cảm-giác ban đầu mà ai cũng dễ-dàng tìm thấy là sự bối ngỡ trước một cái gì có vẻ qui-mô, và sau đó là ít nhiều nghi-vấn. Không phải những chữ « *Tựa của Vũ-Văn-Mẫu* » hay « *Thái-Văn-Kiểm chú-thích* » đề ở ngoài bìa đã khiến người ta nghĩ-ngợi, chính những cái tên đồng nghĩa với sự đứng-dẫn này đã giúp cho người ta bớt nỗi phân-vân trước một tác-phẩm đột ngột hiện lên như một bằng chứng, như một thách-thức.

Thực ra, điều đã khiến người ta nghĩ ngợi là ba tiếng *kẻ tìm đường* khiêm tốn nằm dưới cái tên *Từ-Thức* in bằng những nét đậm đà.

Nói như thế là tôi muốn được đem cái tâm tư của con người thời-dại để lăm bàn văn-học chứ không có ý-định mượn áo phê-bình để phân-tích quá sớm một tác-phẩm vừa mới chào đời. Kể từ ngày *Vô-Phiến*

đưa về trần-ai một chàng *Từ-Thức bơ-vơ* thì sau đấy rải rác vẫn còn những *Từ-Thức* lục tục lên tiên. Nhiều người vin vào hiện-tượng ấy mà cho rằng cnộc đời chúng ta đang sống hiện còn những nỗi bất bình và con người của chế-độ tự-do có thể tự-do thoát ly để về nơi mộng-tưởng. Kề ra lý lẽ trên đây phải trái thế nào cũng chưa đáng lấy làm quan ngại. Từ khi có vị tiên trước nhất được hạ giới thả lên thượng tầng không-khí là cuộc đời bắt đầu đã thấy khó thở và lần lượt cõi tiên mỗi ngày càng một thêm đông — y như một trại tập-trung những người bất mãn — nên sách vở đã từng ghi lại lắm cơn xô xát trong chốn quần-tiên.

Nhưng vấn-đề của chúng ta ở đây không phải là bản-khoản về những tâm-hồn trẻ trung mỗi khi hờn dỗi lại vùng-vằng giã từ cuộc thế. Vấn-đề của chúng ta ngày nay là muốn gặp những con người lớn, những con người đã chịu quay về với cuộc đời, dù cho cuộc đời có giầy vò bao nhiêu vẫn bầu lấy nhân-sinh, không phải để kéo nốt một kiếp phiêu-lưu hạ giới, mà chính là tỏ ra sòng-phẳng đối

với món nợ lớn lao, đem cái phần nhỏ mọn của mình góp vào cho sự tồn-tại chung quanh, xoay-chuyển trong những điều-kiện có thể có những gì lệch-lạc, đòi hỏi một sự có mặt hợp-lý của mình ở giữa cuộc đời đang sẵn-sàng quay lưng lại chúng ta, một khi tấm lòng của chúng ta đã hết rung động vì nó.

Do đó, gặp được Từ-thức trở về, ta hoan-hỉ như chính gặp được hồn người trở lại với ta và hồn ta trở lại với người.



Đi vào tác-phẩm của thi-sĩ Đoàn-Thêm ta gặp một Từ-thức kẻ lớn, một Từ-thức đã trưởng-thành trong suy-nghiệm để dứt-khoát chọn lấy một con đường. Từ-thức ở đây không còn là kẻ vô-tư và phiêu-lưu ngày xưa, sống bằng mộng tưởng và cảm-giác, chập chờn giữa mặt đất liền và màn mây hư-ảo. Cùng với sự tiến-bộ của khoa-học, của triết-học và bao nhiêu ý-niệm về xã-hội, nhân-sinh, Từ-thức, cũng như bao nhiêu con người văn-minh và cần-trọng ngày nay đã dùng lý-luận để phân-tích cuộc đời, tìm ra lý-tưởng không phải bằng trực-giác mà bằng cả công trình tìm hiểu. Cho nên... mặc dù « *thông - minh càng thấy nổi lòng hoạt-nghỉ* » Từ-thức đã già từ rất chóng mảnh đất phân vân của Hume mà trở về với cái nhân-sinh quan-tích-cực của một Nguyễn-Công-Trứ lành-mạnh. Và cũng do đó Từ-Thức không còn là kẻ tìm đường. Bởi vì Từ-Thức đã tìm thấy con đường.

Con đường của Từ-Thức trước hết là con đường của một trí-thức. Vốn đã được sách vở nâng hồng lên khỏi cuộc đời,

người trí-thức chấp chới trên khoảng không trung, quay mặt xuống thấy toàn bằng phẳng, tầm thường và ngàng đầu lên là bao la, rợn ngợp. Càng đi vào cuộc đời người trí-thức càng mang nhiều hoài nghi, trừ sự hoài nghi cái tư-tưởng hoài nghi của mình. Và sự sống vốn không phải làm bằng chờ đợi, cho nên sự hoài-nghi tiêu-cực đã hủy diệt bao nhiêu cuộc đời, làm tan chìm trong cõi hư vô bao nhiêu là số kiếp hư vô...

Từ-Thức của Đoàn-quân không lấy trí-thức để làm cứu-cánh cho đời mình. Như hầu hết những con người trí-thức Việt-nam đã giữ vững truyền thống tư-tưởng của dân-tộc mà Nho giáo là nếp sống tình-thần căn-bản, con người trí-thức ở đây luôn giữ vững niềm tin ở một quy luật thiên-nhiên là lẽ thiên-mệnh và yên lòng với một chân-lý thiết-thực :

Biết sao cho thuận lẽ trời

Tìm đường chưa chắc suốt đời đã xong

Nhưng xuất phát từ một quan-niệm cơ sở khá đơn-giản như vậy mà đem trả lại cho cuộc đời một Từ-Thức không phải là chuyện dễ-dàng. Tất cả những diễn biến của tâm hồn để đi đến hành-dộng kết-thúc, phải trải qua bao nhiêu giai-đoạn mà sự can thiệp của ngoại cảnh — yếu-tố xã-hội, yếu-tố đạo-lý — đóng góp một phần rất lớn. Hơn nữa Từ-Thức ngày nay không còn là Từ-Thức ngày xưa mà tâm tư chưa hề bị khuấy động bởi những luồng tư-tưởng phức-tạp có đủ ma-lực quyến-rũ, từ nhiều phương trời đưa lại. Do đó Từ-Thức không thể di-dộng dưới sự chi-phối của mỗi tình-cảm đơn-thuần là sự phẫn-thế hoặc nổi hoài-hương. Một khó khăn khác nữa không kém quan-trọng là hiện nay vẫn

còn khá đông Từ-Thức khẳng khẳng ôm lấy vầng nguyệt Dao-Trì. Họ hoặc là lớp người đứng tuổi sa vào « tiên-giới » y như một kẻ mang giày, trong tích truyện xưa, lỡ dẫm vào đồng bùn nên phải lết bừa đi mãi, hoặc là những lớp trẻ trung vốn chỉ thấy mình là đẹp, như chàng Narcisse ở trong thần-thoại Tây-phương, say mê chiêm ngưỡng sắc đẹp của vẻ mặt mình phản-chiếu dưới hồ và chờ đáy hồ sâu thăm biển thành lỗ huyết thiên-thu.

Họ còn là những người mà tiện-nghĩ của đời sống thượng-tầng đã chi-phối tâm-não, gạt hẳn ra khỏi bản-thể họ những gì là quê-hương, là đồng-bào, là giống nòi, là dân-tộc. Đó là những kẻ tìm thấy cái vui của kẻ được học đòi làm tiên và quên đi cái nhục của con người vong-bản. Trước những sự kiện ấy, một chuyển khứ-hồi lịch-sử của Từ-Thức muốn được xuôi thuận chẳng phải dễ gì. Tác-giả đã phải cố-gắng trên hai phương-diện, nội dung cũng như hình-thức, bằng những nỗ-lực khác thường.

Về nội-dung, thực ra cái yếu-tố căn-bản quyết-định cho Từ-Thức chọn đường đã có sẵn ở trong bản thân của chàng rồi. Yếu-tố ấy nằm trong bản-chất lý-trí của một kiểu người thông-minh, đi vào cuộc đời với thái-độ tìm hiểu như một nhà khoa-học và mặc dù thoát khỏi phạm trù vẫn còn đủ tỉnh-táo để phê-phán thiên-tiên ; qua những văn thơ điêu-luyện.

Lửa thiêng vừa nhạt ánh hồng

Sau cơn tàn phá nổi lòng hoài-nghĩ :

Gắng công tu-luyện phép kỳ.

Càng linh-diệu lắm, càng bi-đát nhiều ta thấy rõ rệt cái phong thái thung-dung sáng suốt của con người đạo-đức Đông-

phương đứng trước sự phát-triển khoa-học đang đe-dọa một cuộc chiến-tranh tận diệt.

Và cái bản-chất lý-trí ấy xuất phát từ một trình - độ kiến - thức dồi-dào về một quan - niệm vũ-trụ và nhân sinh tiến bộ. Kề từ buổi đầu sáng-thể :

Tịch-nhiên vũ-trụ mông-lung

Mây mây khói khói muôn trùng hỗn mang...

Đến lúc âm-dương tương khắc, sinh hóa muôn loài :

Không-gian thoáng bóng vãng lai

Thời-gian trôi tiết ngắn dài xuân-thu

Con người cũng tuần-tự phát-triển từ tình trạng thú tính đến tốt độ của văn-minh, dứt bỏ lẽ ác tìm về một lẽ chân-thiện bao quát, đánh dấu cho một chu-kỳ tiến-hóa đã được thực-hiện ở trong xã - hội con người.

Đoàn-quân đã có công đem lại cho cuộc đời một Từ-thức cũng như đã góp phần củng cố cho các quan-niệm nhân-sinh hiện tại của lớp người trí - thức đã tìm ra ý - nghĩa sự sống dựa trên kiến - thức và suy - nghiệm sâu xa. Đoàn-quân đã mạnh dạn giã - từ một cuộc sống không làm bằng giá - trị cần lao, tượng - trưng là cảnh tiên - giới, mà con người bị huyễn-hoặc trong những thú vui vật-chất đã quên đi trách-nhiệm con người. Hai tiếng trách-nhiệm, đó là linh-hồn tác-phẩm, đó là vấn-đề của tác-phẩm. Hai tiếng trách-nhiệm vốn là lẽ sống cao quý nhất của con người, từ lâu đã bị xem như một xa-xi-phàm, một ám-ảnh hãi-hùng, một trang-sức quá thời. Đặt lại vấn-đề ấy, Đoàn-quân đã nói lên tiếng nói của con người trí-thức dân-tộc, đúng hơn, con người trí-thức thời-dại đã tìm ra cứu-

CON ĐƯỜNG CỦA TỪ-THỨC

cánh hết sức lớn lao nhưng vô-cùng giản-dị của nhân-sinh.

Đề thực-hiện một nội-dung phong-phú như thế, thi-sĩ họ Đoàn đã xây-dựng nên một tác-phẩm công-phu. Từ lâu ở trên văn-dân chưa có một thi-phẩm nào có một tính cách qui-mô như thế. Cái truyền-thống Đoạn-Trường Tân-Thanh, Lục-Vân-Tiên tưởng đã dập vùi bống lại bùng lên. Sau một thời-gian khá dài mà tất cả nhà thơ đều thấy tim phôi mình yếu-ớt không đủ đề làm nên một công trình trường thiên và dành bằng lòng với những mẫu bài vụn vặt, thì Đoàn-quân đã quyết đem cái kiên-nhẫn chân-thành để xây-dựng thi-nghiệp. Cái lực-lượng phong-phú của tác-phẩm xưa nay vẫn chứng-minh cho phần sinh-lực dồi-dào mà thời-đại đã tiếp bồi bằng nhiều cách khác nhau cho những con người văn-nghệ. Không có nội-dung lớn lao nhất-định không thể có tác-phẩm hùng-hậu. Chính cái lý-tưởng dân-tộc, nhân-sinh đã làm nên « Từ-thức ». Không bắt nguồn từ một năng lượng tinh-thần như thế thì « Từ-thức » sẽ chỉ là một cánh bướm Trang-sinh chập-chờn qua cơn mộng ảo.

Thi-phẩm của Đoàn-quân dù chỉ mượn truyện Từ-Thức như một cái cớ để nói đến sự đời và xem dã-sử, cổ-tích y như một chiếc đỉnh lớn để treo lên bức họa, đã gắng mở một con đường cho văn-nghệ là quay về với vốn cổ dân-tộc để phục hồi, cải tiến hầu gây nên những chuyển hóa thâm-trầm trong lòng dân-tộc. Tinh-thần sáng-tạo của văn-nghệ-sĩ cho phép họ được tự-do khai thác kho tàng ngày xưa để phục-vụ cảm-quan quần-chúng, miễn là không gây nên những chấp nối, cưỡng ép quái-kỳ. Ở điểm này, Đoàn-quân hơn một nhà văn-

nghệ, còn có cái chi-ly của một nhà sử-học trong sự chính xác của tài-liệu, bảo đảm được sắc màu lịch-sử và giá-trị trí-thức cho công-trình.

Ta có thể tìm thấy điểm này suốt trong tác-phẩm, từ ngọn núi, dòng sông ở nơi hạ giới cho đến nhân-vật, ao hồ ở chốn thượng tăng đều được nhắc đến bằng những luận-cứ chu-đáo, vững vàng. Và đó cũng là một phương-diện của tinh-thần trách-nhiệm mà Đoàn-quân đề-nghị với chúng ta...



Tóm lại, con đường của Từ-Thức là con đường của một trí-thức vừa là con đường của văn nghệ-sĩ. Tuy hai đường nhưng chung-qui là một vì đều đưa đến một mục-đích cuối cùng : phục-vụ nhân-sinh, phụng-sự dân-tộc. Giá-trị của « Từ-Thức » là giá-trị của một luận-đề đã góp phần trả lời sát hợp với yêu cầu xây dựng ngày nay, xây dựng đất nước cũng như xây dựng vai trò những kẻ tự nhận là tiên-phong trong xã-hội.

Thực ra thái-độ của tác-giả vẫn là thái-độ của con người khiêm-tốn nhưng vấn-đề của tác-giả không vì thế mà mất đi tính-chất quan-trọng. Đưa được Từ-thức trở lại cuộc đời là hy-vọng tăng-cường cho sự sống bao nhiêu là khối óc thông-minh ý-thức được trách-nhiệm đối với con người. Đồng-thời tác-phẩm còn gây được kích-động ở nơi tự-ái sáng-tạo của bao nhiều năng-lực văn-nghệ còn đang trong giấc chập chờn.

Do đó « Từ-thức » của Đoàn - Thêm có một tác-dụng khá lớn đối với tình-hình hiện tại. Đó là một cánh cửa sổ muốn hé mở về một nẻo đường tươi sáng lâu dài.

NGUYỄN-PHỦ

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KÝ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM
Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| ✱ Đường miếng lọc | ✱ Đường cát trắng tinh |
| ✱ Đường cát trắng ngà | ✱ Đường cát trắng Hiệp-Hòa |

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rượu Hiệp-Hòa
TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn :- Tél. 21.360

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XV.— TRIỀU-ĐÀU

Tên thật : Nguyễn-văn-Phùng. Sinh năm 1909 ở Bắc-ninh.

Viết phóng-sự, tạp bút, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, du ký, phê-bình. Glọng văn thường châm biếm. Ở trong nhóm « Thế-kỷ ».

Hiện là một công-chức ở Saigon.

Đã xuất-bản : Trên vỉa hè Hà-nội (1951), Tranh tối tranh sáng (1952), Lá thư Hà-nội (1953), Những thiên đường lở (1957), Trên vỉa hè Saigon (1957).

Sắp xuất-bản : Men rượu đế, Thăng hay Ông ? (trường giang tiểu-thuyết).

Anh,

CÂU hỏi của Anh « muốn biết từ xưa tới nay truyện ngắn Việt nào tôi cho là hay nhất hoặc thích nhất » thực đã làm cho tôi phân-vân, khó nghĩ và không thể trả lời ngay được—mặc dầu lối xử sự không dứt khoát như vậy, tôi biết sẽ không làm cho Anh vui lòng, Anh, một người ưa dứt khoát, trắng đen rõ rệt và rất sốt-sắng khi phải tỏ rõ một thái-độ, hoặc trình bày một ý-kiến đối với cái gì là văn-nghe. Song biết làm sao được ! Bởi lẽ có những truyện ngắn, tôi hàng thấy thích-thú vô-vùng, đọc đến hai, ba lượt tưởng có thể còn nhớ mãi mãi. Nhưng bằng đi một độ, cái thích-thú đó đã bớt dần nhiệt-độ đi rồi bây giờ đây tôi thấy hoang-mang không biết có nên liệt vào làm tài-liệu cho câu

trả lời của anh một cách chân-thành nửa không. Kỳ dư các loại truyện ngắn đó đã không vượt nổi được thời-gian. « Đáp số » thưa anh có thể chấm dứt ở đây và câu truyện tình bạn trao đổi sẽ ngắn-ngủi quá, may mà Anh còn gài thêm : Anh không muốn trả lời thẳng thì trả lời quanh co cũng được. Tôi còn đang nghĩ ngợi thì Anh tiếp : « Chẳng hạn xin anh cho chút ý-kiến về thể-văn truyện ngắn. »

Xia ghi dưới đây nhưn, suy tưởng thiên hạ về thể truyện ngắn. Tôi xin trình anh có thể dưới nhan đề lượm lặt. Còn riêng về tôi, như các bạn đã rõ vốn là một kẻ hay viết truyện ngắn.

Mà thường thì, anh biết đó, khi chúng ta hành nghề chúng ta chỉ biết cứ hành nghề, và ít để tâm đến lý thuyết hằng chi phối nghề đó.

— « Theo tự-điền Larousse, « một đoản thiên là một bài văn có bố cục, cỡ nhỏ ».

Từ bao nhiêu thế-kỷ nay, ngôn-ngữ nào cũng sản-xuất được những nhà văn nổi tiếng về thể truyện ngắn, một thể văn tuy ngắn mà cũng có lẽ vì ngắn cỡ đó đã đòi hỏi ở những nhà văn đó một nghệ-thuật đạt đến cao độ.

Chỉ vá mấy trang giấy trắng đặt trước mặt nhà văn, tất cả tấn bi hài kịch của kiếp người đã được trình-diễn, cả trái tim và cả lòng ruột của tác-giả qua then máy tinh vi của một nghệ-thuật khắc kho. Bi hài kịch được bố cục rồi là kịch sầy ra, tan vỡ, tác-giả sẽ chỉ còn có một trang, có khi chỉ mấy dòng để kết thúc câu truyện, để dành cho độc-giả phần mơ màng, suy nghĩ và thích thú băng khuâng.

Mới biết muốn đạt cái thể văn ngắn cỡ đó cần phải có những tài năng vừa phức tạp vừa chín nục. Những chữ phải chọn sao cho chắc. Lối hành văn phải có ma lực để hấp dẫn ngay từ những dòng đầu.

Đọc một truyện ngắn hoàn toàn, gạn với những tình tiết cân đối, chúng ta thấy có cảm xúc giống như ngắm một bức tranh của một họa-sĩ thấy thu hẹp trong một cái khung phạm-vi có 30cm X 40cm gọi ra cả một thế-giới.

Muốn gây được hiệu-lực màu-nhiệm như vậy, một đoản-thiên phải là một công-trình chan chứa tình thương yêu. Đó có thể là tiếng cười của trẻ thơ, một giọt lệ gạt thăm hay trái tim dóm máu của tác-giả ».

(Phỏng theo H.F. Lara)

— « Truyện ngắn, trong hình-thức đơn-giản nhất của nó, chỉ có nghĩa là kể lại một truyện gì đặc-biệt đã xảy ra trong đời hoặc trong óc tưởng tượng của người kể

truyện. Những truyện ngắn đầu tiên trong lịch-sử của nhân-loại không được người ta kể lại nhưng đã được người ta vẽ lại, một cách rất thô sơ, bằng một hòn đá lên trên mặt đá, trong hang trú của những con người ăn lông ở lỗ thuở xưa. Nhiều truyện ngắn khác không được người ta kể lại, và cũng không được vẽ lại nhưng đã được ghi vào trong những điệu múa hoặc trong những bài hát, gây cho người xem hoặc người nghe biết những phút nguy hiểm những phút anh hùng trong lúc giao-chiến hoặc trong lúc săn đuổi các con thú. Sau này lại sinh ra những truyện tôn-giáo tức là những truyện người ta kể lại cho Chúa hoặc Thần-Thánh nghe, hoặc là đề kể về những đau khổ, những tai-họa của mình, hoặc là đề van xin, cầu-khẩn một ơn huệ nào đó. Rồi sau này lại nảy ra những truyện tình-tử, phân-tách sự vui thú giữa con trai và con gái, để giữ được kỷ-niệm sự vui thú đó, làm cho sự vui thú đó được kéo dài thêm ra, hoặc cũng có khi để tìm hiểu sự bí-mật của những tình-cảm vui thú đó.

Vài nét vẽ thô-sơ trên tường trong hang đá thuở xưa cố-nhiên không thể coi là một truyện ngắn được nhưng trong những nét vẽ đó, người ta có thể tìm thấy một cái gì mà ngày nay chúng ta gọi là văn vẽ. Những nét vẽ đó còn muốn gây một cái gì trừu-tượng bằng một hình-thức nữa.

Truyện ngắn có thể thực-hiện được nhiều điều hay, hơn cả một cuốn tiểu-thuyết dài hay một bản kịch. Truyện ngắn có thể soi mói một biến-cổ cặn kẽ, tuy là chỉ trong chốc lát, và nó có thể diễn-tả trường-hợp đó một cách sâu sắc, nhận xét một cách tinh-vi hơn tất cả các hình-

thức văn-nghệ khác, ngoại trừ có lẽ chỉ có thi-ca mà thôi. Nhưng ngày nay, văn-chương đi sát với cuộc đời hơn, khi viết bằng văn xuôi hơn là khi viết bằng văn-thơ. Ngày nay, truyện ngắn trong văn-chương có thể ví với kính hiển-vi trong khoa-học. Không ai dám nói là kính hiển-vi cái gì cũng làm được, nhưng trong địa-hạt của nó, nó có thể làm được nhiều hơn bất cứ một dụng-cụ nào khác. Nếu nhận xét này đúng thì hy-vọng ở truyện ngắn sẽ còn tồn tại được lâu. Rồi sau này sẽ xuất hiện những văn-sĩ có chân tài để áp dụng truyện ngắn trong những trường-hợp mà chúng ta chỉ có thể biết được sau khi những truyện ngắn mới đó đã được sáng-tác. Bởi vì truyện ngắn là một hình-thức văn-nghệ, theo như quan-niệm của một vài nhà văn-hào, cao nhất của nghệ-thuật vậy. »

(theo Ray B. West, Jr.)

Trả lời câu hỏi thứ hai « Từ xưa đến nay, truyện ngắn quốc-tế nào anh cho là hay nhất hay thích nhất. Anh cho biết lý-do. »

— Những truyện ngắn quốc-tế — vào loại cổ, tôi ít chú ý. Cho nên không nhớ truyện nào hay hoặc thích thú. Tôi có lưu ý tới những truyện ngắn gần đây, và coi cuốn « 56 truyện ngắn (1) hay nhất và mới nhất thế-giới ».

Trong cuốn này, có những bản dịch một số truyện đã chiếm giải nhất trong cuộc

(1) Chúng tôi nghĩ nên dịch « 56 tân truyện mới hay nhất » vì tên Pháp vốn là « Les 56 meilleures nouvelles (nouvelles) du monde ». Lại có quyền, cũng do một nhà xuất-bản: « Les 54 meilleurs contes du monde » (54 truyện ngắn hay nhất thế-giới.) (Tất cả chú thích trong loạt bài kỳ này là của Nguyễn-Ngư-Í.)

thi quốc-tế truyện ngắn. Giải nhất có 3 truyện cùng diễm sau đây.

Truyện thứ nhất.— *Tại sao ?* của Anne Patou (người Pháp). Truyện tả một mối tình vắn-vor của một cô gái đến với một cậu con trai cô gặp trong một tiệm khiêu-vũ. Ở cô là một tình yêu ngùn-ngụt như một hỏa diễm-sơn mà ở chàng thì lại chỉ bằng bạc như không có nữa. Khiến cho ở nhiều cuộc gặp gỡ, cô phải tự hỏi tại sao ? Tại sao ?

Thực tình, chính tôi một độc-giả và cũng có viết truyện ngắn, chính tôi cũng không hiểu tại sao nữa ? Đề rồi lại cũng phải tự hỏi tại sao truyện này chiếm giải nhất ? (2)

Truyện thứ hai.— *Ngày thứ 5* của Pierre Bassar (người Pháp) cũng xoàng xoàng như truyện trên.

Truyện thứ ba.— *Tình yêu sẽ làm tiêu tan những ảo mộng của tuổi trẻ* của Johan Borgen (người Na-uy) cũng vậy.

Truyện thứ tư.— *Cái bao ngủ* của Treuli Reijonen (người Phần-lan).

Truyện này tương đối khá hơn 3 truyện trên. Tôi đã có dịch ra Việt-ngữ. Truyện tả một anh chàng si tình ở nhà quê lên tỉnh mua một cái bao ngủ. Đó là một món đồ nhà binh Hoa-kỳ, một cái bao vải dày đề binh sĩ chui vào ngủ tránh giá lạnh. Sau chiến-tranh đồ còn thừa người ta đem bán cho dân-chúng. Người bán cái bao đó là một cô gái xinh đẹp làm công cho một tiệm bán đồ cũ. Anh chàng mang bao ngủ về nhà mà cứ tơ tưởng tới cô gái. Anh vốn là một gã thợ mộc, anh bèn dựng một căn nhà riêng rồi định lên tỉnh đón cô

(2) Trái lại, nhà phê bình Tam-Ích lại rất thích truyện này (Xin xem Bách-Khoa số 61).

gái về cùng ở vì yên trí và đình-ninh — yên trí và đình ninh như một định-ý (idée fixe) — rằng cô gái cũng mê mình. Lẽ dĩ-nhiên là anh bị cự tuyệt và hất hủi là đàng khác. Tuyệt vọng anh về chui vào cái bao ngủ, trong căn nhà cô-quạnh, bên cạnh đồng củi với ngọn lửa vàng đề sưởi ấm. Có thể cũng thơ mộng đấy. Song anh ngủ thiếp đi và nghĩ đến cô nàng. Trong khi ấy lửa cháy lan sang những gỗ xung quanh, bắt vào cái bao ngủ. Hốt hoảng anh chàng thức, định mở khóa tung ra, nhưng khóa bị kẹt, anh chết cháy trong bao ngủ và còn mơ màng như người yêu cùng ngủ với anh trong bao đã chôn chôn đẽ tạc cò anh! Tác-giả kết-luận cho rằng chỉ tại cái khóa đã làm bằng thép tốt quá khi bị kẹt ở một răng cửa là không

thề nào kéo ra thoát nữa mà sắt đây lại là sản-phẩm chính cống Hoa-kỳ!

Ngoài ngụ ý chê bai ngoại bang, tác-giả đã kể cho chúng ta một câu truyện tình cũng tầm thường thôi, những loại truyện tình muôn vẻ này, ở đây những tờ nhật báo sản xuất hàng ngày vô số nơi trang trong, nơi «mỗi ngày một truyện»! Còn câu truyện văn-chương thì ở nguyên bản Phần-lan văn có thể đẹp lắm mà dịch là phản nhưng đó lại là chuyện khác, cho nên đọc xong sách và duyệt qua các truyện ngắn cỡ quốc-tế đó tôi thấy tự hào rằng những truyện ngắn xuất sắc tại nước ta gần đây có thể đem so sánh một cách đắc thắng được. Và Việt văn đáng đứng vào hạng đầu trên văn-dàn thế-giới.

TRIỀU-ĐÀU



★ PHẠM-CÔNG-THIỆN

Sinh ngày 1-6-1941 ở Mỹ-tho (theo lời ông Ph. C. Thiện), đã viết giúp báo Phò-Thông (của Nguyễn-Vỹ), Bông Lúa, Văn-Hóa Ngày nay, Giáo-Dục Phò-Thông, Bách-Khoa, đã xuất-bản quyển «Anh ngữ tình âm» (Hoàng-Long xuất-bản, Sài-gòn, 1957)

Đã soạn xong: Tổng quan lịch-sử văn-học Thế-giới, Đại cương văn-học sử Anh-quốc (tựa của Ng-Hiến-Lê), Văn-học Trung-quốc yếu-lược, Đại-cương văn-học sử Đông-Phương, Văn-học Mỹ-quốc cương yếu, Lý-thuyết ngữ âm học, Tân văn-phạm Anh ngữ, Văn nhân văn học Thế-giới, Hện giáo-sư Anh-văn. Có lẽ ông là nhà văn biên khảo trẻ nhất của nước Việt tự-do.

Tôi rất hoan-nghehnh thiện-chí của Bách-Khoa, song khi tòa-soạn có nhã-ý phỏng-vấn tôi, tôi khó lòng không e-ngại. Vâng, e-ngại vì nhận thấy kiến-văn mình quá thiên-cận, nên e rằng những ý-kiến của tôi sẽ hẹp-hòi và nông-cạn chẳng, nhất là đã có nhiều bậc «quảng kiến đa văn» góp những ý-kiến rất thông-minh và xác-đáng. Và lại, hiện nay tôi đang dạy học ở Nha-trang, nên không có sẵn những truyện ngắn

— mà tôi đã đọc qua và ưa-thích — để đọc lại kỹ vài lần nữa trước khi góp ý-kiến, hòng có thể phân-tích tỉ-mỉ, diễn-giải rành-mạch về lý-do chọn lựa của mình.

Vì thế, sự lựa chọn của tôi chỉ dựa vào ký-tính và sở thích riêng tây, tất-nhiên nó chỉ có một giá-trị tương-đối.

Những truyện ngắn Việt tôi thích nhất hình như là *Những cái ấm đất* của Nguyễn-Tuân, *Tối ba mươi* của Thạch-Lam. *Anh*

phải sống và Đợi chờ của Khái-Hung, Bàn tay sáu ngón của Bình-Nguyên-Lộc... Thích nhất có lẽ là Tối ba mươi của Thạch-Lam. Những truyện ngắn ngoại-quốc tôi ưa thích thì vô-số. Những tác-giả tôi ưa thích là K. Mansfield, Somerset Maugham, O. Henry, William Faulkner, Stephen Vincent Benét, J. D. Salinger, John Steinbeck, Ernest Hemingway, Anton Tchekov, Arthur Schnitzler, Guy de Maupassant, Ba-Kim, vân - vân. . . Truyện ngắn ngoại-quốc tôi thích nhất có lẽ là *The Garden Party* (1) của Nữ văn-hào Anh Katherine Mansfield (trong quyển *The Short stories of K. Mansfield*, Alfred A. Knopf, 1922) thứ đến là truyện « Cái chết của người chưa vợ » của văn-hào Áo Arthur Schnitzler (tôi đọc truyện này trong quyển « Masken und Wander », S. Fischer Verlag)

Thế nào là một truyện ngắn hay ? Cái gì làm thành một truyện ngắn vĩ đại ?

Tôi thấy khó định-nghĩa đúng được hoàn-toàn. Song, nếu muốn tìm một câu định-nghĩa ngắn, gọn và dễ-hiểu, tôi tưởng không có định-nghĩa nào đúng và đầy-dủ như của học-giả Milton Crane, giáo-sư đại-học-đường Chicago :

« Sự mặc-khải thành-linh và không thể nào quên được của nhân-vật ; cái nhìn cuộc đời qua cặp mắt của một người khác, Sự thoáng nhìn về sự thật : sự

(1) Tô-Hoàng có dịch, nhan « Tiệc rượu ngoài vườn » đăng trong « Văn-hóa ngày nay », tập 9, giấy phép xuất-bản ngày 23-1-1959, Sài-gòn.

(Chú thích của Ngu-í)

(2) Tác-giả có kèm nguyên-văn, nhưng e quá dài chúng tôi xin bỏ lại. (L.T.S)

bắt gặp một quãng thời-gian đúng lúc. Vết tất cả những sự-kIỆN này, truyện ngắn mới có thể truyền-cảm vì trong sự ngắn-ngủi của nó tiềm ẩn một ma-lực vĩ-đại nhất. Ta có thể khám phá những sự sâu-sắc của ý-nghĩa trong chữ và hành-vi ngẫu-nhiên, nó có thể gọi trong một trang những gì trong một quyển sách không thể diễn-tả được... » (2)

Tôi đã tìm gặp những điểm trên trong truyện *The Garden Party*.

Mấy truyện ngắn Việt và ngoại-quốc tôi chọn lựa đã chứng-minh định-nghĩa trên là xác-đáng và đầy-dủ. Có thể dùng định-nghĩa trên của M. Crane để trả lời về lý-do chọn lựa của tôi (về truyện *Tối ba mươi* của Thạch-Lam và *The Garden Party* của K. Mansfield).

Thật thế, mấy truyện ngắn trên đã rung-động tôi.

Riêng truyện *The Garden Party* không làm ta khóc cũng không làm ta cười, song nó đến thẳng tâm-hồn ta một cách quá ư chóng-vánh và kỳ-lạ. Ta thấy bàng-khuâng, ta thấy thắc-thóm và nhẹ-nhẹ và lâng-lâng... Đề-tài của truyện rất giản-dị, tầm-thường : một buổi tiệc ngoài vườn của một gia-đình quý-phái đang lúc xảy ra cái chết của một anh phu-xe nghèo-nàn ở xóm-giềng.

Hai sự-kIỆN này làm « cái sườn » cho cả truyện. Rồi bao nhiêu cái vụn-vật, tỉ-mỉ, nho-nhỏ bao phủ cái sườn ấy đã làm *The Garden Party* thành bất-hủ...

PHẠM-CÔNG-THIỆN



Tóm tắt ý-kiến các bài đăng trong 2 kì trước và ghi những vấn-đề cùng câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

Chúng tôi có phần này là để các bạn đọc mới của « Bách-Khoa » được biết nét chánh trong các bài trả lời từ hai số trước, và để giúp các bạn đọc cũ nhớ lại, đừng cuộc theo dõi hứng thú thêm ; chúng tôi lại mong sẽ được nhiều bạn góp ý kiến, hầu bài khép lại cuộc phỏng-vấn đầu tiên về văn-ngệ của « Bách-Khoa » nhờ đó mà đầy, đủ, vui, tươi.

★ Số 63.

A.—Ý-kiến

XI.—Thăm-Thệ-Hà quan-niệm một sáng-tác văn-ngệ hay phải hoàn-toàn về ba phương-diện : *Chân, Thiện, Mỹ*. Ông thích nhất :

★ *Trời xanh như mắt em* của Trang-Thế-Hy : phản-ảnh đường lối cảnh thời-đại ; nói lên được tiếng nói của dân-tộc, nhận xét tâm-lí t nh-vi ; văn linh-động gợi cảm, hàm súc.

★ *The last leaf* (*Chiếc lá cuối cùng*) của O. Henry (*Hoa-kì*) : tả đúng tâm-trạng những người yêu nghệ-thuật, thiết-tha với đời sống, nuôi những hoài-báo lớn ; làm hiện hiện lên những ý-niệm trừu-tượng về luân-lí ; văn quyến rũ gợi cảm.

XII.—Hồ-Nam không biết thế nào là hay nhất và thích nhất. Anh thích những truyện của Thanh-Tâm-Tuyền, Vũ-khắc-Khoan, Duy-Thanh, rõ ràng hơn :

★ *Giấc ngủ và Cầu thang* của Duy-Thanh.

— *Miếng thịt vịt* của Vũ-Hạnh.

★ *Lễ chúc phúc* của Lỗ-Tấn.

— Những truyện của Lỗ-Tấn, (*Trung-hoa*), Tchekov (*Nga*), Katherine Mansfield (*Anh*), O. Henry (*Hoa-kì*) vì làm anh thấy cuộc sống đáng suy nghĩ, lịch-sử phải làm lại, xã-hội ghê tởm, hoặc cho anh những phút ý - vị, thoáng vui thoáng buồn.

B.—Vấn-đề, câu hỏi được nêu lên hay được gợi ra

1.—Thiếu một trong ba yếu-tố : *Chân, Thiện, Mỹ*, thì sáng-tác văn-ngệ đành chẳng thể hoàn-toàn hay ?

2.— « *Kỹ-sư của tâm-hồn* », thành ngữ này dùng để chỉ nhà văn, các bạn có cho là xác đáng không ?

3.—Thăm-Thệ-Hà đặt Thạch Lam, Nguyễn-Tuân, Bình-Nguyên-Lộc, Lý-Văn-Sâm, Trang-Thế-Hy ngồi chung một chiếu, và ngang nhau, các bạn tán-thành hay phản-đối ?

4.—Lý-Văn-Sâm có lối văn hào hoa phong-nhã, Thăm-Thệ-Hà bảo thế, Thế-Phong ở « Văn-hóa Á-châu » cũng bảo thế. Nhưng Nguyễn-Khắc-Thiệu mới đây trên tuần báo Nhân-Loại lại cho rằng văn Lý-Văn-Sâm (ở Nam) cũng như văn Ngọc-Giao (ở Bắc) du - dương mà trống-rỗng. Các bạn cho ai đúng ?



★ Số 64.

A.— Ý-Kiến

VIII.— Phan-Ngô thích nhất.

★ *Rừng mấm của Bình-Nguyên-Lộc* : mang một ý nghĩa tượng trưng cho lớp người vui lòng hi sinh đời hiện tại của mình cho ngày mai con cháu được tươi cười vui.

★ *Les lettres de mon moulin* của Alphonse Daudet (Pháp): văn ý-nhị, thi vị, nội-dung đầy màu sắc đất nước (thích toàn tập chớ chẳng thích riêng truyện nào).

XIV.— Nguyễn-Vỹ chưa thấy truyện ngắn Việt nào làm ông thích nhất ; còn truyện ngắn ngoại-quốc, thì ông thích nhất một truyện ngắn Đan-mạch mà ông không biết tên truyện và tên tác-giả.

B.— Văn - đề, câu hỏi được nêu lên hay được gọi ra

1.— Đọc « *Les lettres de mon moulin* » A. Daudet, nhuộm đầy màu sắc đất nước của tác-giả, các bạn có cảm như đứng trước những cảnh trí của nền sống xứ sở mình, như ông Phan-Ngô ?

2.— Ông Nguyễn-Vỹ chưa thích nhất một truyện ngắn nước nhà nào, các bạn có cho rằng ông Nguyễn-Vỹ quá khó tính, hay vì truyện ngắn ta chưa có gì đặc sắc.

3.— Chúng ta cho một truyện hay hoặc chúng ta thích một truyện nào, ngoài vì hình-thức và nội-dung, còn có cái gì hợp, giống ta..., hẳn các bạn đồng-ý với ông Nguyễn-Vỹ ?

★ Lời nhục-mạ thốt ra từ miệng người trên thường làm ô-danh người trên, nhưng cũng đồng thời đâm vào lòng người dưới thành một vết thương không sao hàn gắn được nữa...

★ Suốt đời làm lành, một câu bực ác có thể tiêu-hủy hết cả. (Gia-ngữ)

« Người do-thái lang thang »

« *Người do-thái lang thang* » (Le Juif errant) là tiếng ngày nay dùng chỉ kẻ có tinh-thần phiêu-lãng, giang-hồ, ham đi đây đó mà không hề biết mệt mỏi. « *Người do-thái lang thang* » nguyên là hình bóng chỉ dân-tộc do-thái bị lên án vì giết Chúa Giêsu, phải bắt buộc rời bỏ xứ sở và đi lang thang khắp hoàn-cầu. Người ta kể lại Chúa Giêsu, khi vác cây thập-tự lên núi Calvaire chịu chết, tới nơi mệt quá, ghé xin nghỉ nhờ trước cổng người do-thái Ahasvérus, thì bị người này xua đuổi một cách tàn-nhẫn. Chúa liền bảo Ahasvérus rằng : « Người sẽ đi lang thang trên trái đất cho đến ngày ta tới ». Ahasvérus từ khi ấy cứ phải đi mãi, đi hoài và không hề được nghỉ.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc [Đại-lộ Hàm-Nghị (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường [Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công[việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

★ — THANH - TUYỀN

TÌM hiểu triết-học Đông-phương là một điều khó khăn. Bởi vì trong tư-tưởng Đông-phương, sự nhận-thức chỉ là một phần của cái Đạo rộng lớn. Tư-tưởng Đông-phương vốn không lập thành những hệ-thống mạch lạc và chặt-chẽ.

Vì nhận-thức điều đó, nên trong lúc viết quyển « Biện-chứng giải-thoát trong Phật-giáo », ông Nguyễn-Văn-Trung, giáo-sư Đại-học, đã xác-định một thái-độ là phải cố tìm lại cái tinh-túy, cái tinh-thần của người xưa với ý-chí phê-bình và nhận-định. Thiếu ý-chí nhận-định — theo lời ông — tức là chỉ biết chấp nhận một cách thụ-động, làm cho chân-lý « bất-động », im lìm qua những biến-đổi của thời-đại và con người. Để đạt được mục-đích đó, ông cũng đã phác-hoạ một phương-pháp nghiên-cứu hợp-lý. Chối bỏ mọi ý-hướng khoa-học, tâm-lý, lịch-sử, vì mọi sự-kiện đó không thể cắt nghĩa được tôn-giáo, tác-giả đã tìm hiểu Phật-giáo bằng cách « lãnh-hội ý-hướng tôn-giáo chung như một khát-vọng giải-thoát và hướng về vĩnh-viễn, linh-thiên, tuyệt-đối rồi tìm xem tôn-giáo

« Biện-chứng giải-thoát
trong Phật - giáo »
của Nguyễn-Văn-Trung

đã thể-hiện ý-hướng đó như thế nào »...
(trang 30).

Suốt quyển sách hơn 200 trang, ông Nguyễn-Văn-Trung đã cố tìm hiểu Phật-giáo và đưa ra nhiều thắc mắc. Những thắc mắc của một con người luôn luôn thích khám phá, luôn luôn « bỡ ngỡ, vô tư để xem xét đưa ra một vài nhận-xét không dám coi là chân-lý, nhưng chỉ là những « nhận-định » cần phải sửa lại mãi mãi (trang 222).

Tuy nhiên, mặc dầu rào trước đón sau, suốt trong tác-phẩm, giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung vẫn không dùng được ý-hướng tôn-giáo để cắt nghĩa tôn-giáo. Nói một cách khác, ông vẫn có cái nhìn của một người chủ-quan, vẫn chia cắt, xếp đặt một cách chi-ly theo sự hiểu biết của ông. Ông vẫn dùng ý-thức chủ-quan để khảo-sát và do đó đi ngược lại tinh-thần của Phật-giáo. Điều rõ ràng nhất là ông chưa am tường Phật-giáo lắm. Vấn-đề quan-trọng của giáo-lý nhà Phật vốn là Chân-như, Vô-Minh, Bản-ngã, Niết-bàn. Nhưng trên những vấn-đề đó, ông Nguyễn-Văn-Trung

chưa thấu-triệt nên làm sai lệch giá-trị của chúng. Và chẳng, triết-học Đông-phương vốn phóng khoáng, tổng hợp. Nhìn nó bằng đôi mắt phân-tích thì chỉ đạt những khía cạnh hời hợt bên ngoài.

Đầu tiên là vấn-đề Chân-như. Chân-như của Phật-giáo không phải là một thể biệt-lập. Ông viết « *Vậy trước khi có vạn vật, vũ-trụ, là cái thể Chân-như trong suốt, tròn đầy và vũ-trụ, vạn-vật có là do Chân-như mà ra* », (trang 48).

Do đó, ông lập thành ba mệnh - đề :

- 1.— khởi điểm là Chân-như
- 2.— Chân-như quấy đục.
- 3.— Như-lai.

Hiệu như vậy, tức là chưa hiểu gì cả. Bởi vì, Phật-giáo không đặt vấn-đề Chân-như có trước rồi sinh ra vạn-vật, hay ngược lại, trước khi có vạn-vật là có Chân-như. Hiểu như trên tức là xếp Phật-giáo vào « Nhất nguyên luận » chẳng khác gì « Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng-nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng sinh bát-quái » của Kinh Dịch đi từ cực giản đến cực phiền, hoặc xem Chân-như là một thực-thể đầu tiên như Thần-ngã của phái Samkhya ở Ấn-độ.

Với Phật-giáo, vũ-trụ không có *Khởi-điểm*. Xem Chân-như là khởi-điểm tức là nhận-thức một cách lăm-lạc. Sự vật chẳng qua chỉ là những biểu-tượng, những ý-tượng, những bóng dáng của Tâm mà thôi. Về điểm này, ông Nguyễn - Văn - Trung cũng đã giải-thích khi đem so-sách Phật-giáo với thuyết Duy-tâm bên Âu-châu (trang 51 và 52).

Duy chỉ có một điều, Chân-như không phải là một thể biệt-lập với vũ-trụ, với hiện-tượng, với ý-thức như ông Nguyễn-

Văn-Trung đã hiểu. Hiện-tượng chỉ là sự vọng-dộng, vọng chấp của Tâm. Tâm cũng là ý-thức và cũng là Chân-như vậy. Phật-giáo chia thức ra làm tám loại. Ý-thức của chúng ta mới là thức thứ sáu thôi. Thức thứ tám, gọi là Alaya, mới thật là một tác-dụng có công-năng hàm tàng tất cả ảnh-tượng và phát-sinh hiện-hành của chủng-tử. Chủng-tử tiềm phục và huân-tập bởi Alaya và Alaya cũng là chủng-tử. Alaya bị thức thứ bảy là Mạt-na chấp làm bản-ngã. Alaya không hình thể bao trùm khắp vũ-trụ, nhưng vẫn tồn-tại riêng trong mỗi cá-nhân. Sinh-mệnh và ngay cả ý-thức chủ-quan, vũ-trụ đều do Alaya biến khởi. Nhưng vì Mạt-Na chấp làm bản-ngã, nên ý-thức lẫn Mạt-Na, lẫn Alaya đều làm một. Vậy khi có vô minh vọng nghiệp, tức là phát-hiện sự kiến-chấp chủ-quan và khách-quan, thì Alaya che lấp sự thanh-tĩnh. Tóm lại Alaya tồn-tại trong mỗi cá-nhân nhưng bị che mờ, và Alaya trong sáng là Chân-như vậy.

Cho nên, đặt vấn-đề Chân-như có trước vũ-trụ tức là xem Chân-như là đối-tượng khách-quan của ý-thức. Mà ý-thức lại là một phần của Alaya và là Alaya vậy. Do đó, đối-tượng khách-quan lẫn ý-thức chủ-quan đều do Alaya phát-sinh.

Cũng vì nhận-thức lăm lăm trên, nên trong phần nhận-định ở cuối sách, tác-giả đã quanh quẩn trong lúc giải-thích vô-minh đồng với Chân-như. Ông viết « *Nếu Chân-như bao hàm vô minh, đồng có vớt vô minh, Chân-như và vô-minh phải là hai nguyên-tố sơ-thủy* » hoặc « *nếu Chân-như ban đầu sáng tỏ, tròn đầy, mà bị*

vô-minh che khuất, quấy đục thì tỏ ra Chân-như không phải hoàn-toàn viên mãn » (trang 211).

Nếu tác-giả chịu khó đọc thêm Phật-giáo, khảo-sát 51 thứ tâm-sở gồm trong năm loại, khảo-sát sự hoạt-dộng và công-dụng của 8 thức, tìm hiểu được ý-thức của ta dùng để giải-thích Chân-như vốn là ảo-ảnh của Chân-như, thì vấn-đề Vô-minh và Chân-như sẽ trực nhận được rõ ràng.

Tác-giả viết : « nhưng nếu hỏi Vô-minh ở đâu ra, vấn-đề trở nên khó khăn » (trang 210). Nhân-quả của Phật-giáo vốn không nằm theo chiều dài, đi từ một cái bắt đầu, mà nằm theo những vòng rắc-rối và phức-tạp. Trong 12 nhân-duyên, mỗi nhân-duyên không có một cá-tính riêng biệt và nhất-định. Tác-giả hiểu dòng nhân-quả trên đồ-biểu đơn-giản, nhưng không thấu-triệt là vậy. Vô-minh không phải sinh ra Hành, Hành sinh Thức... Ái, Thủ, Hữu, mà chính Vô-minh là Hành vậy. Vô-minh cũng là Thức, Ái, Thủ, Hữu. Vô-minh gồm cả 11 nhân duyên kia và cũng là 11 nhân duyên ấy. Vậy không thể xem Vô-minh là cái nhân đầu tiên được.

Đã xem Chân-như là một thể riêng biệt, nên tác-giả cũng xem Nát-bàn là một cõi riêng biệt, đối lập và biệt lập với vũ-trụ. Có một điều hơi làm cho chúng ta ngạc-nhiên, là tác-giả đã cố gắng tìm hiểu và giải-thích Niết-bàn bằng những nghĩa : Nát-bàn là tịnh diệt, là trí-tuệ trong suốt, có thể thực hiện ở đời này, là thực tại khách quan, thực tại chủ-quan, không còn đối lập, mâu-thuẫn, chủ thể, khách thể. Giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung lại viết « Các nhà Phật-học Âu-Châu... người thì cho Niết-bàn là nơi cực-lạc, người khác coi

như hư-vô. Thực sự không phải thế. Niết-bàn không phải là hiện-hữu, cũng không phải là hư-vô... Không thể xác-định bằng ý-niệm được » (trang 132).

Giải-thích xong, ông lại băn-khoăn : « Tất cả đều trở nên trống rỗng, không có », và « có còn Bản vị hay không » ?

Nếu không đạt được vấn-đề, thì chỉ có lối giải quyết gọn ghẽ hơn cả như tác-giả đã nêu là : « Không thể xác-định bằng ý-niệm được » (trg 132). Còn muốn tìm hiểu, phải nên trở về với lối giải-thích mà ông đã nêu là : trí tuệ trong suốt, không chủ thể, khách thể, nghĩa là phải quay về với Duy-Thức học của Phật-giáo.

Thật ra, danh-từ và ý-niệm bản-vị cũng do ý-thức phát sinh. Đứng trên mặt Pháp-tánh (danh-từ Phật-giáo), nghĩa là yên lặng, viên mãn, không chủ thể, khách thể, thì bản-vị vốn đồng với Niết-bàn, và không đặt thành vấn-đề. Nhưng đứng trên ý-thức chủ-quan, thì vấn-đề Tu-chứng, phát sinh Huệ (Nát-bàn = trí huệ trong suốt) và 15 quả vị ở Niết-bàn của Phật-giáo chủ-trương cũng cho ta một ý-niệm đơn sơ về Bản-vị vậy. Đứng về tuyệt-đối, thì bản-vị chỉ là vọng chấp, ngộ nhận. Nhưng diệt-trừ ý-thức, diệt-trừ Mạt-na (thức thứ bảy) cho chúng trở về, hòa đồng với Alaya trong sáng không phải là Tiêu-diệt như ta lầm tưởng.

Vấn-đề có, không, hư, thực, tác-giả cũng không thấu triệt. Ông viết : « Vậy Atman là một thực thể, một bản-chất trường tồn bất biến... Phật-giáo không công nhận quan-niệm đó... không coi bản-tính đó như một thực thể im lìm, bất-động, bất biến, trái lại là một chuyển dịch »... (trang 193).

Không. Phật-giáo không xem bản thể của vũ-trụ là vô thường. Sự biến dịch của hiện-tượng chỉ do tâm vọng-chấp, chỉ là sự « vọng động » của Chân-như. Và tâm cũng là sự vọng động của Chân-như. Bản-thể của vũ-trụ vốn yên lành, trong sáng, viên mãn.

Một hôm, Phật hỏi một trưởng-lão : « Lúc nhỏ người nhìn thấy sông Hằng, vậy bây giờ, người cũng thấy sông Hằng. Cái tánh « biết » đó có thay đổi không ? » Trưởng-lão trả lời : « Bạch Phật, « tánh biết » đó không thay đổi vậy ». Phật kết-luận : « Trong sự sanh-tử vốn có cái không sanh-tử ».

Nhưng sự trong sáng, yên lành, không vọng động của Chân-như lại không giống Brahma hay Atman. Chân-như không phải một thực thể biệt lập, trường tồn, bất biến, đối lập với hiện hữu. Trong hiện hữu đã là chân-như vậy. Nhưng bản-chất của Chân-như vốn viên mãn.

Vì xem Chân-như biệt-lập, ông mãi băn-khoăn : « nếu không có bản-ngã, cái tôi trường tồn, cái gì sinh-diệt, luân-hồi ? Nói cách khác, cái gì cắt nghĩa việc chuyển từ trạng-thái này sang trạng-thái khác, nếu giữa hai trạng-thái đó không có một tương-quan, cái gì nối tiếp ». Ông lại bảo : Đó là một vấn-đề thắc-mắc ngay từ Phật còn sống.

Ở trên, chúng ta đã biết : Ý-niệm bản ngã là do tâm vọng chấp. Alaya (Alaya = Chân-như) vốn chứa đựng chủng-tử. Chủng-tử ở đây và phát-hiện cũng ở đây do tác-dụng của năm thức, ý-thức, và Mạt-na thức. Khi cá-nhân chết, hiện-hành không còn nữa, thế-giới của cá-nhân tiêu-diệt, mọi chủng-tử lại tiềm-

phục ở Alaya để tiếp-tục qua giai-đoạn khác. Sự tương-tục ấy từng phút giây như dòng nước chảy. Dòng nước tồn-tại, nhưng thực ra gồm bao nhiêu giọt nước đã kết nên. Cứ qua mỗi giai-đoạn của sinh-mệnh, bao nhiêu chủng-tử thay đổi ở Alaya, và vì sự liên-tục bất đoạn ấy, nên dòng sống liên-tục mãi. Kỳ-thực, sự sinh-tử vẫn diễn ra từng giây phút.

Song, sự tiếp nối giữa hai giai-đoạn của sinh-mệnh, sự chuyển tiếp từ trạng-thái này sang trạng-thái kia mà Giáo-sư Nguyễn - Văn - Trung băn-khoăn, ấy là Nghiệp-lực. Ấy là đà bắn của viên đạn, của mũi tên liên-tiếp không ngừng, ấy là sự kết-hợp của mười hai nhân-duyên. Không có một linh-hồn. Nghiệp-lực không phải là một thực thể. Ý-thức của cá-nhân lúc còn sống, đã tự chấp làm bản-ngã. Khi giai-đoạn của sinh-mệnh chấm dứt, ý-thức lẫn thế-giới của ý-thức đều tan biến, chỉ còn chủng-tử tiềm phục tại Alaya và do đà sống nghiệp-lực dẫn đi. Phật-giáo tuy không công nhận bản-ngã, nhưng trên vòng tương-đối, thì ý-thức tự chấp làm bản-ngã và bản-ngã đó vốn tiềm-phục tại Alaya để nghiệp-lực thúc đẩy liên-tục qua các giai-đoạn sinh-mệnh.

Và « vào Niết-bàn », « ai vào Niết-bàn », tức là đưa ý-thức, đưa bản-ngã, trở lại Alaya trong sáng của mỗi người và của vũ-trụ vậy.

Căn-bản triết-lý đã lầm-lạc thì mọi phê-phán, nhận-thức đều lầm-lạc theo. Lúc so-sánh Thích-Ca với J. P. Sartre, giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung đã nhận-xét : « Do đó, đạo Phật thực sự lạc-quan vì tin rằng nỗ lực diệt dục có thể đạt tới giải-thoát » (trang 205). Ở một đoạn khác, ông lại

viết : « Không nên nói Phật-giáo là bi quan, yếm thế, lạc-quan » (trang 214)

Thật ra, khi đã đặt vấn-đề : không nên xem Phật-giáo bi-quan hay lạc-quan thì cũng không nên so-sánh Phật-giáo với một triết-học khác. Và chẳng, tư-tưởng Đông-phương vốn không chi-ly, không thành hệ-thống mà trái lại rộng lớn, tổng hợp. Có người đã xem Phật-giáo như triết-lý của Schopenhauer. Có người lại đem so-sánh Thánh-Ca với K. Marx. Cũng có người đem so-sánh Phật-giáo với thuyết tương đối của Einstein. Có phần đúng và cũng có phần sai. Sự so-sánh tuy hợp-lý nhưng vẫn sai biệt. Sartre vốn « buồn nôn » trước hiện hữu. Phật tuy công nhận khổ, nhưng xem khổ chỉ là vọng chấp, một quan-niệm mà thôi. Ngã đã không thành vấn-đề, vũ-trụ đã không thành vấn-đề, sự tương quan giữa chủ thể và khách thể đã không thành vấn-đề, thì khổ cũng là giả tạo, vọng chấp nốt. Đó là căn-bản của Đại Thừa vậy. Sartre chấp nhận hiện hữu, chấp nhận sự « có » đề kinh-tởm và xem là « Thừa », (vô-lý). « Chính tôi nữa tôi cũng thừa ». Thái-độ của Thích-Ca khác hơn. Sinh-tồn tuy khổ nhưng vốn « vô hữu », Chấp nhận có thực-thể tức là vọng chấp. Thái-độ buồn nôn cũng là vọng chấp nốt. Và chẳng đường lối giải thoát của Phật (Tứ Thánh đế) không giống tự-do của Sartre trong hiện hữu.

Đã xem Phật-giáo lạc-quan, tự-lực giải-thoát, đề tạo-tác số phận, giáo-sư lại bảo : « Nếu cuộc đời này là xấu, không có giá-trị tất nhiên không đáng cho ta đề ý, tranh-đấu xây-dựng nó... Do đó có lẽ không thể quan-niệm một lý-thuyết xã-hội, một tổ-chức xã-hội trong triết lý Phật-giáo đặt cơ sở trên triết-lý vô thường » (trang 215)

và : « Nếu chỉ là vấn-đề cải-thiện nhân sinh, thi-hành từ-bi bác-ái, Đạo Phật không còn cái gì là đặc-biệt »

Không thể lý-luận như vậy được, Lý-luận như vậy tức là phủ-nhận, mọi cơ sở cải-thiện nhân-sinh của tất cả mọi tôn-giáo. Có tôn-giáo nào lại không đặt cơ sở trên tình yêu, từ-bi, bác-ái ? Có như vậy, ý nghĩa của tôn-giáo mới tồn-tại, trường-cửu. Như tác-giả đã xác-nhận, ngoài việc chứa đựng một triết-lý, Phật-giáo vốn cũng chỉ là một tôn-giáo mà thôi. Và chẳng, trong ba tạng kinh điển chứa đựng mọi phương-tiện tu-chứng, nhìn Phật-giáo như trên là chỉ nhìn được một vài khía cạnh.

Đối với Phật-giáo, qua thuyết nhân quả và luân hồi, mọi người và mọi vật đều tương quan với nhau một cách mật thiết, đều là cha mẹ anh em. Vạn vật lại còn đồng một bản-tính bình đẳng nữa, nên người theo Phật-giáo lại càng phải thực-hành sự cứu giúp, tương-trợ lẫn nhau. « Chỉ vì một nhân duyên lớn mà đức Phật ra đời đề hóa độ » đó là ý nghĩa Từ-bi của Phật-giáo.

Mục-đích của Phật-giáo là tạo cho mình và người xung quanh những cảnh tượng an-lạc. Số phận, định mệnh không ngoài tự-lực cải-tạo đề chiến-thắng. Cứu cánh là Nát-bàn, nhưng tôn-giáo bao giờ cũng bắt nguồn ở nhân-sinh và đáp lại nguyện vọng của nhân-sinh. Ý muốn vào Nát-bàn cũng chối bỏ, vì « Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục ». Hiện hữu không phải là chối bỏ. Có cái gì không ra ngoài tương-đối. Còn bị nghiệp-lực dẫn dắt, người Phật-tử vẫn tự cứu lấy mình, thay đời xã-hội đề tạo những thế - giới an lạc hơn vì số mệnh là bởi con người tự tạo

lấy. (Sự bố thí của Phật-giáo không cần quả phước, chỉ vì tình thương mà thôi. Bố thí để cầu quả-phước chỉ là một sự dối chác vậy). Trên tuyệt đối là không, trên tương-đối là có. Chân hạnh-phúc vốn ở Nát-bàn, mà hạnh-phúc thông-thường là hạnh-phúc đi lên, trưởng thành trong hiện hữu. Đó cũng là đặc-điểm của Phật-giáo.



Không đứng trên lập-trường của một người Phật-tử, cũng không đứng trên lập-trường của một kẻ chống đối, tất cả những nhận xét trên của chúng tôi chỉ là mớ kiến-thức của một người thích tìm hiểu. Tôn-giáo Á-Đông vốn phức-tạp và không thể chia cắt một cách chi-ly. Mọi lý-luận sẽ sai lầm, mọi ý-chí phê-bình và nhận-định sẽ lệch-lạc nếu như không nắm vững được phần căn-bản của triết-lý tôn giáo đó.

Đã một lần, Thạc-sĩ Trần-Đức-Thảo xem Lão giáo là một mớ quan-niệm về phù-thủy. Đã một lần, giáo-sư Nguyễn-Uyên-Diễm đem so sánh Biện chứng của Kinh Dịch với Biện chứng của Hégel. Đã một lần giáo-sư Lê-Hữu-Mục thương xác với Tuệ-Tâm Trương-Xuân-Bách vì những danh-từ vô thần, phiếm-thần, thiên mệnh khi bàn về Nho-giáo. Không đạt được triết-lý căn-bản của một tôn-giáo, nhìn tôn-giáo với đôi mắt chủ-quan, gán cho tôn-giáo với danh-từ này hoặc danh-từ kia hoặc đem xếp loại với một thứ triết-học mà cơ sở đều sai biệt, thì chỉ làm cho chân-lý đó sai lạc và làm mất giá-trị của nó mà thôi.

Vấn đề cần nêu lên :

Phải thấu-triệt tôn-giáo đã !

THANH-TUYỀN
(Huế)

- ★ Người trên càng thăng tiến, càng cần dè chừng sự hờn giận của người dưới, vì mũi tên, càng từ cao bắn xuống, ngập lại càng sâu ; và nếu trúng tim, có thể chết người.
- ★ Lời nói như tên, không nên bắn bậy, một khi lọt vào tai ai thì không sao rút ra được nữa. (Lục Tài-tử)

« Chính mầy đã muốn mà ! »

George Dandin là tên một vở hài-kịch của Molière, trong đó nhà soạn kịch diễn tả cái điên rồ của một người lấy vợ ở trên địa-vị của mình và bị vợ phỉnh lừa, gạt gâm luôn luôn mà không dám giận. Câu than thân trách phận của George Dandin : « Hỡi George Dandin chính mầy đã muốn mà ; chính mầy đã muốn mà ! » (Tu l'as voulu, George Dandin, tu l'as voulu !) là câu ngày nay thường dùng để ám chỉ kẻ cố tâm tự chuốc lấy tai vạ, thì khi tai vạ đã xảy ra, chỉ nên trách mình mà thôi.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã^{ng} Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t^u bảo hiểm cho thuê, mỗi t^u tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đài-lộ NGUYỄN - HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Zibute Malta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Tiểu-thuyết, truyện ngắn và tân truyện

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Lời nói đầu.— Tiểu-thuyết, truyện dài, đoản-thiên tiểu-thuyết, truyện ngắn, truyện kể, truyện..., trung-thiên tiểu-thuyết, truyện vừa, truyện lỡ, tiểu-thuyết ngắn, truyện mới, tân-truyện..., bao nhiêu là danh-từ Việt để định nghĩa ba tiếng: roman, conte, nouvelle của Pháp! Tưởng nay chúng ta cũng nên chọn hai hay ba chữ tương đương trong tiếng nước nhà để chỉ ba lối văn vừa kể, và có thể, định nghĩa chúng cách nào cho khỏi có sự lăm lộn (vì ở nước người nghĩa là thế, mà ở ta, thì lắm khi lại không hẳn là thế).

Nên chỉ được biết 6 năm về trước, anh Bình-Nguyễn-Lộc có viết một bài về vấn-đề này, đăng trên báo « Đời mới » (mà nay trở nên khó tìm), chúng tôi có nhờ anh sửa lại vài chi-tiết cho thật đúng để công hiến bạn đọc « Bách-Khoa », sau khi được anh đồng-ý cho chúng tôi chú thích những chỗ chúng tôi thấy cần.

Anh Bình-Nguyễn-Lộc đã phân tách rõ ràng tân-truyện khác truyện ngắn ra sao, nhưng chúng tôi lại nghĩ, đó là ở Âu ở Mỹ, còn ở ta, thì cái « biên giới » của hai lối văn nọ vẫn mập mờ, mà dường như rõ rệt ở trường hợp này không cần thiết lắm, vậy ta có thể nào cho một chữ truyện để chỉ chung cả conte và nouvelle chăng?

Đây chỉ là một ý-kiến của vài bạn sau khi đọc bản thảo bài này, còn mong bạn đọc góp thêm ý-kiến. Được thế, chúng ta mới có thể biết: lối giải-quyết vấn-đề của tác-giả « Gieo gió gặt bão » đã hoàn toàn dứt khoát chưa, hay là cũng cần bàn đi xét lại.

Nguyễn-Ngu-Í

VĂN - chương tưởng-tượng (littérature d'imagination) có ba thể mà trong vòng mấy mươi năm nay ta gọi bằng rất nhiều tên

Sự đặt tên lộn-xộn ấy do nhiều lẽ mà một trong những lẽ đó là không phân-biệt được đặc-tính của mỗi thể.

Người ta nói rất có lý rằng một danh-từ được thông-dụng là do thói quen chứ không phải do dễ-xương hợp-lý nào.

Nhưng sở-dĩ hôm nay chúng tôi định-nghĩa ba thứ văn nói trên nhan bài đề rồi đề-nghị những tên vĩnh-viễn cho nó, là vì thói quen kia chưa thành hẳn và trong làng báo, ta còn thấy nơi thì kêu thế này, nơi thì gọi thế khác.

Như vậy, dọn đường cho một thói quen hợp-lý, chắc-chắc là có hơn nhắm mắt cho một thói quen vô-lý trở thành kiên-cố.

Nhưng dầu sao chúng tôi cũng tin chắc rằng đám đông tạo ra danh-từ, tạo ra mẹo-luật cho ngôn-ngữ, chứ không phải chúng tôi, cũng không phải một học - giả, một nhà văn-phạm nào hết.

Nếu đám đông không công-nhận đề-nghị của chúng tôi, thì chúng tôi cũng đành chịu vậy chứ biết sao.

Cứ xem một việc sau đây thì thấy thói quen của dân chúng mạnh đến bậc nào trong địa-hạt ngôn-ngữ.

Trước kia ta quen dùng danh-từ tiểu-thuyết để dịch danh-từ roman của Pháp.

Chợt báo « *Phong-hóa* » ra đời và được hoan-nginh nhiệt-liệt. Báo « *Phong-Hóa* » dịch *roman* là *truyện dài*. Uy-tín trên báo « *Phong-Hóa* » thuở ấy rất lớn trong văn-giới nên chỉ danh-từ *truyện dài* thành là cái mốt, được hầu hết các nhà văn nhà báo tin dụng.

Nhưng dân chúng cứ tiếp-tục dùng danh-từ *tiểu-thuyết* và khi báo P. H, và con của nó là báo « *Ngày nay* » không ra nữa thì danh-từ *truyện dài* cũng phải theo hai cơ-quan ấy mà xuống tuyến-dài, cho đến đời ông Nhất-Linh ngày nay cũng phải dùng danh-từ *tiểu-thuyết*.



Ngày xưa ở Pháp — mà ở nhiều nước khác bên Âu-châu cũng thế — có những câu chuyện, tương-đối rất hiếm, được truyền-khẩu từ đời này đến đời khác. Đó là những câu chuyện hoặc hoàn-toàn bịa đặt, hoặc dựa theo một sự thật, kể ra để giúp vui, để răn đời. Câu chuyện được kể một cách nhẹ-nhàng, đơn-giản. Những câu chuyện ấy riêng Pháp gọi là *Conte*. Bên ta cũng có những chuyện ấy, và ta gọi nó là *chuyện cổ-tích*, *chuyện đời xưa*.

Về sau (thế-kỷ XVIII, XIX, XX) phong-trào văn-chương bành-trướng văn-sĩ ra đời và sáng-tác nhiều hơn. Họ bịa ra rất nhiều chuyện, cũng ngắn và cũng đơn-giản như chuyện cổ-tích. Họ mượn danh-từ cũ là *Conte* mà đặt tên cho loại chuyện này. Thành ra *Conte* có hai nghĩa : *chuyện cổ-tích* và *truyện ngắn*.

Nhiều bạn văn của chúng tôi không hiểu tình-trạng nói trên, nghĩ *Conte* chỉ có một nghĩa còn *Nouvelle* mới là *truyện ngắn*.

Thật ra chúng tôi nói đến hai tiếng *truyện*

ngắn chỉ để có tên mà gọi thôi, chứ danh-từ ấy lúc trước ta chưa có.

Ta bắt chước Trung-hoa mà dịch là *đoản-thiên tiểu-thuyết* và dùng nó trong mấy mươi năm. Về sau báo « *Phong-Hóa* » ra đời và nhờ có uy-tín nhiều, gây được thói quen kiên-cố với danh-từ mới mà họ đặt ra danh-từ *truyện-ngắn*. Danh-từ *truyện-ngắn* được khai sinh một lượt với báo « *Phong-Hóa* » và được phổ-biến và thông-dụng khắp nước mãi đến bây giờ, trừ trong thời giành độc-lập vừa rồi, nhà văn vùng kháng-chiến nhất định không dùng danh-từ của nhóm Tự-Lực (1) và trở về với danh-từ cũ là *đoản-thiên tiểu-thuyết* mà họ gọi tắt là *đoản-thiên*.

Về sau này các nhà văn Âu-Mỹ ít sáng-tác *truyện-ngắn*. Họ bày ra một lối *truyện* cũng ngắn, nhưng không kể một cách nhẹ nhàng đơn-giản nữa, và họ rất bối rối trong việc đặt tên thể văn mới ấy. Rốt cuộc họ đặt nó là *nouvelle*. Ý chừng họ muốn chỉ đó là một loại *chuyện mới*. Mới đây là mới bày ra cái thể đó. Nhưng thâm tâm của họ là bao phủ danh-từ ấy bằng một sự mơ hồ, không rõ nghĩa gì cả, vì nó chỉ một thể-văn mới ra đời, có thể biến chuyển khác đi, không thể đặt tên một cách vĩnh-viễn được. Sau này thể-văn ấy đã qui-cử rồi, nhưng cái tên mơ hồ ấy vẫn còn.

Ở đây, ta lại chạy theo Trung-hoa nữa, gọi *nouvelle* là *trung thiên tiểu-thuyết*.

Đó là một sai lầm to vì *conte* và *nouvelle* khác nhau không phải ở sự dài ngắn, mà ở điểm khác. Lắm khi *conte* lại dài hơn *nouvelle*.

(1) Chúng tôi nghĩ rằng đây không phải là một chủ trương mà có lẽ chỉ là sở thích của một số nhà văn kháng chiến trong lúc đó.

Và cảnh hỗn-độn xảy ra trong giai-đoạn này. Báo « Phong-Hóa » (2) không phân biệt được conte và nouvelle, gọi cả hai là truyện ngắn. Báo « Sống » (3) của thi-sĩ Đông-Hồ thì gọi « nouvelle » là *truyện vừa*. Còn báo « Tinh-Hoa » (4) của Đoàn-Phú-Tứ thì lại gọi nouvelle là *truyện dài*, trùng với *truyện dài* = roman của « Phong-Hóa ».

Trong khi đó thì thi-sĩ Xuân-Diệu lại gọi conte và nouvelle là *tiểu thuyết ngắn* (5).

Thật là loạn xà-ngầu và sai be-bét.

Conte và nouvelle khác nhau như thế nào ?

Cái điểm chánh trong tiểu-thuyết là có câu chuyện, cho dầu là một câu chuyện hết-sức đơn-giản như tiểu-thuyết của Marcel Proust. Tiểu thuyết luôn luôn có đầu, có đuôi, có thắt có mở, có nhập, có kết.

Như thế conte giống tiểu thuyết lắm và gọi nó là *đoản-thiên tiểu thuyết* rất đúng. Nhưng chúng tôi nghĩ ta đã quen với danh-từ gọn ghẽ là *truyện ngắn* thì tội gì trở lại danh-từ *đoản thiên tiểu thuyết*.

(2) 1932

(3) 1935

(4) 1938 Do ông Tam-Tinh, nhưng rồi sau vài số, ông lại gọi là « *tiểu-thuyết ngắn* ».

(5) Tưởng cũng nên nhắc lại rằng chính tác-giả bài này, dưới tên tập truyện ngắn đầu tiên của anh, do nhà Thời-Thế xuất-bản, năm 1950, tập *Nhốt gió*, lại ghi : *tiểu-thuyết*. Nhưng chẳng rõ đó là do tác-giả hay là do nhà xuất-bản ?

Tiền đây, cũng xin ghi luôn : Pháp có hai tiếng *roman* và *roman fleuve*; mà ta dịch là : *tiểu-thuyết* hoặc *truyện dài* và *trường-giang tiểu-thuyết*. Nhưng có vài tác giả — trong đó có anh Bình-Nguyễn-Lộc — lại dùng tiếng : *tiểu thuyết dài*, chẳng hiểu tiểu thuyết đến bao nhiêu trang mới được cho là dài ?

Còn *nouvelle* thì khác hẳn ! Nouvelle chỉ chụp một đoạn đời mà tả, tả tỉ-mỉ những tình cảnh trong đó. Thí-dụ trong *nouvelle* : *Hương gậy mùi nhớ*, Khái-Hưng đã tả tâm-trạng của chủ-tiêu Lan trong tiểu-thuyết *Hồn bướm mơ tiên*.

Nouvel'e không giống tiểu-thuyết một chút xiu nào cả thì không thể gọi là *trung-thiên tiểu-thuyết* được. Thật ra không có trung - thiên tiểu - thuyết hoặc trường thiên tiểu-thuyết : bao nhiêu trang gọi là *trung*? bao nhiêu trang gọi là *trường*? Cứ kêu tiểu-thuyết là tiểu-thuyết là đủ lắm rồi.

Và không phải cứ thấy ngắn mà gọi là Truyện ngắn, hoặc đoản thiên. Trong tất cả truyện ngắn của Nhất-Linh, chỉ có một truyện mới được gọi là truyện ngắn. Đó là truyện : *Hai chị em*, (6) còn bao nhiêu là *nouvelle* cả.

Như vậy *nouvelle*, phải định là gì ?

Trên chúng tôi đã nói Đông-Hồ dịch là *truyện vừa vừa*, Đoàn-Phú-Tứ dịch là *truyện dài*, Xuân-Diệu dịch là *tiểu-thuyết ngắn*.

Năm 1942, một nhóm văn-sĩ ở Sài-gòn và Hà-nội, trong đó lại có cả Xuân-Diệu và Huy-Cận họp nhau ở Sài-gòn, tại một ngôi nhà mà hiện nay là rạp chiếu bóng Nam-Việt và đồng - thanh chấp-thuận đề-nghị sau đây của nhà văn Bằng-Vân Nguyễn-Đình-Thản : *Nouvelle* dịch là *tân-truyện*.

Danh-từ *tân-truyện* (xin đừng hiểu theo nghĩa của Phạm-Quý-Thích) bắt đầu có từ đó (tuần báo Thanh-Niên). *Tân-truyện*

(6) Đăng trong tập « *Tối tăm* », mà sau này, tác-giả đổi tên là : « *Thế rồi một buổi chiều...* »

dịch *nouvelle* thật là ồn. Nó có nghĩa mơ - màng, lơ - lửng như nghĩa tiếng « *nouvelle* ». (8)

Sau cuộc khởi nghĩa, tức là sau đó vài

(7) Có ghi sơ lược định - nghĩa trong mục « Hợp nhứt tiếng Việt » của Nhứt-Văn trong số 4, ra ngày 25-9-1943. Và chữ tân truyện được « áp-dụng » lần đầu với truyện « Sầy vời » của Bằng-Văn, khởi đăng trên tuần báo này từ số 14, ngày 4-12-1943.

(8) Lại còn thêm cái tiện lợi khi ta diễn ý « *une nouvelle nouvelle* » của Pháp : « một *tân truyện mới* ».

năm, báo « Dân-Quí » lại đưa ra danh-từ *truyện mới*, để thế cho *tân truyện*. Nhưng danh-từ vẫn không được ai dùng cả, vì *truyện mới* rõ nghĩa quá, trong khi ta tìm một danh-từ mơ-màng, để dịch một tiếng mơ-màng của Âu Mỹ.

Nên nói rõ là hiện nay, trên khắp thế-giới kể cả ta, các nhà văn rất ít viết *conte*, mà chỉ ưa viết *nouvelle* thôi. Và xin các bạn nhớ *conte* và *nouvelle* khác nhau không phải ở chỗ dài ngắn.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

- ✧ Một câu nói vụng-về, một cử-chỉ vô lễ, một hành-vi khinh-bạc có thể gieo mầm ác-cảm hôm nay và mầm ác-cảm ấy ngày mai sẽ hóa thành phần nộ.
- ✧ Đem thói khinh-bạc đối đãi với người quân-tử thì chính tự mình làm cho mình thất đức ; đem thói khinh-bạc đối đãi với kẻ tiểu-nhân thì chính tự mình làm hại thân mình. (Tuân-Sinh-Tiên)
- ✧ Lời nói giản-dị, phải chăng, thì ta ít phải hối, mà người ít khi oán. (Viên-thị thế phạm)

« Đường Ngu áp tổn tam bôi tửu »

Thiệu-Khang-Tiết đời Tống có câu thơ :

« Đường Ngu áp tổn tam bôi tửu ».

Câu thơ của họ Thiệu có nghĩa là : công việc trao đổi ngôi vua cho nhau đời Đường, đời Ngu, chỉ là sự thù tạc ba chén rượu với nhau giữa chủ khách mà thôi — Câu trên, về sau, có nghĩa bóng, chỉ đạo lý ở đời, dù ở trong việc lớn lao đến đâu, nói về chân lý, cũng in như việc nhỏ.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T.: 23529

Hãy Mua Phân Thân-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THÂN-NÔNG**
Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



ĐIỀM SÁCH

★ CÔ PHƯƠNG-THẢO

Tác-phẩm :

Dì Mơ

Tác-giả :

Đỗ-Thức-Vĩnh

Nhà xuất-bản :

Tự-Do (1959)



SAU một quãng đời truân-chiến già hơn quãng đời luân-lạc của nàng Kiều, cô Mơ làng Thụy, trong *Bóng tre xanh* (1), đã thành Dì Mơ.

Dì Mơ ngày nay đã luống tuổi rồi. Trước kia, khi còn trẻ đẹp về làm dâu ông bà Chánh Bá lấy cậu cả Thành bé oắt có lẽ chưa biết hỉ mũi và mặc quần, nàng đã phí cả tuổi xuân làm giàu thêm cho những kẻ đã dối xử tàn nhẫn với nàng; Cả Thành, trở nên ông Phán Thành, cương-quyết ly-dị nàng để cưới một cô vợ thành-phố cho được « văn-minh ». Ông bà Chánh Bá, muốn đẩy nàng ra khỏi gia-đình để đón dâu mới mà tránh khỏi lời thôi đã bố-trí khéo léo để phao vu cho nàng ngoại-tình...

Ngày nay, sau mấy năm liêu minh lưu lạc tha phương cầu thực, Dì Mơ trở về nép mình dưới bóng tre xanh thuở trước, chăm sóc mười sào ruộng nhờ tiền dành dụm, sống yên lành với người con nuôi — Xã Minh — con của U Trà, bạn gái của Dì. Dần dần cuộc chiến-tranh thế-giới thối về làng Thụy ngọn gió u-

uất, trĩu nặng lo-âu về sưu cao, thuế nặng. Rồi để tránh bom đạn của Đồng-minh tấn-công quân Nhật, một số người ở Hà-nội — con, dâu và anh em bè bạn của vợ chồng Chánh Bá — đi về làng Thụy. Giữa bọn người giàu sang, kiêu-hãnh lấy của làm giấy và những người nông-dân chất phác, giản-dị sống cực sống khổ, một mối căm hờn đã nhen nhúm đề âm-i bùng cháy lúc nào không hay...

Rồi cuộc Cách-mạng tháng Tám bùng lên, xáo trộn nếp sống dân-làng. Xã Minh có điều kiện gần gũi và yêu cô Thọ, con một hương-sur. Cô Thọ có bằng tiểu-học, thích đọc tiểu-thuyết và có nhiều ước mơ, nghĩa là một người có những điều kiện sống không phù hợp với hoàn cảnh Xã Minh. Cuộc ái-tình chưa dẫn đến đâu thì kháng-chiến toàn-quốc bùng nổ, đưa về làng Thụy một thanh-niên trí-thức ở Hà-nội — Văn — bà con xa với ông giáo. Trong những ngày chung sống Văn gây được cảm tình với mọi người trong gia-đình bà giáo cũng như với Dì Mơ, Xã Minh và anh tìm cách gợi chuyện đề cho Minh ý-thức được sự lợi-dụng kháng-chiến của Cộng-sản.

(1) Tác-phẩm của Đỗ-Thức-Vĩnh, được giải thưởng văn-chương Gia-Long năm 1942.

Bà giáo qua đời, Văn càng trở nên mặt thiết đối với hai chị em Thọ. Trước khi trốn về Hà-nội, Văn được biết là Thọ yêu mình nhưng anh vẫn lựa lời để xây dựng cho Thọ và Minh.

Sau một thời-gian, vì giặc Pháp khủng bố ráo riết, vì Ủy-ban xã nghi-ngờ, theo dõi, Thọ dẫn em là Sơn, trốn ra Hà-nội. Minh ở lại, cảm thấy bơ vơ, càng băn khoăn về câu hỏi « Ai sẽ thắng ? » trong cuộc chiến-đấu này. Tiếp đến bị tên bí-thư xã tố-cáo Minh có liên-lạc với phản-động, lại gặp Phán Thành theo Pháp trở về « hiệu-dụ » dân-chúng, Minh tìm cách trốn ra Hà-nội. Minh gặp Thọ bán bánh nuôi em ăn học và Văn dạy ở trường tư. Văn giúp Minh học nghề thợ máy và học thêm chữ...

Rồi Hiệp-định đình-chiến ra đời. Văn đem Sơn di-cư vào Nam. Minh cùng Thọ ở với Dì Mơ trong cảnh làng xưa.



Như thế Dì Mơ là một tiểu-thuyết xã-hội, đề cập đến vấn-đề nông-thôn, vấn-đề kháng-chiến và, trong một đôi điểm, có tính cách luận-đề chính-trị. Viết Dì Mơ tác-giả muốn phản-ảnh một giai-đoạn lịch-sử vừa qua để nêu lên những vấn-đề căn-bản sau này :

a) Nhận-định cuộc kháng-chiến đã bị Cộng-sản lợi-dụng.

b) Phân biệt vai trò người quốc-gia chân chính với những kẻ tay sai của thực-dân Pháp.

c) Trình-bày mối mâu-thuẫn giữa thành-thị và nông-thôn và đề một hướng giải-quyết.

d) Xây dựng một vai trò trí-thức tiến bộ.

e) Phơi bày cảnh sống vất vả đau khổ của nông dân.

Trong khi một số đông trí-thức gần như quên hẳn cái khu-vực mênh-mông của ruộng đồng và cái lực-lượng đông đảo nông-dân đã tiếp dưỡng hằng ngày cho các đô-thị, vốn là những khu-vực tập trung vô cùng nhỏ bé mà nhiều văn-ngệ-sĩ xem như là một thế-giới vô cùng mênh-mông, thì Đỗ-Thúc-Vĩnh trở về đồng quê với tất cả xót xa, chân-thành, cố-gắng thể hiện một cách trung-thực đời sống nông-dân với tấm lòng của người trí-thức thấy rõ trách-nhiệm của mình đối với cuộc sống dân-tộc. Chính tình-thần ấy đã đem lại cho Đỗ-Thúc-Vĩnh giải-thưởng văn-chương năm 1942 một cách xứng đáng với *Bóng tre xanh*, tác-phẩm đã phản-ảnh tinh-tế tình trạng bi-đát, bất nhân của phong-tục tảo hôn ở chốn nông-thôn. Nhưng tác-phẩm ấy không có một tiếng vang rộng lớn có lẽ vì ngòi bút hiền lành của tác-giả, có lẽ vì vấn-đề chừng nào đã cũ đối với thời-đại, và có lẽ vì thời đó văn-chương thiên nhiều về sự mơ-mộng, về một *thành-thị chủ-nghĩa* nên chỉ ưa nhìn nông-thôn bằng hai cặp mắt lệch lạc của những tâm-hồn không hề biết rõ thực-tế : cặp mắt bi-đát-hóa nông thôn thành chốn bùn lầy nước đọng triền-miền và cặp mắt thi-vị-hóa nông thôn thành những đồn-điền, thành những khu vườn kỷ-niệm rộn-ràng tiếng ca gạo trắng trắng thanh. Ngày nay, Đỗ-Thúc-Vĩnh trở lại với chúng ta trong những khung cảnh ngày xưa đã thay đổi hoàn toàn sau những biến cố chính-trị. Vấn đề của tác-giả nêu lên vì thế trở nên phức-tạp, trở nên mới mẻ, lớn lao khác hẳn với cái không khí u-uất âm-thầm dưới bóng tre xanh, chưa được nếm mùi bom đạn.

Đỗ-Thúc-Vĩnh có thể thành-công như đã thành-công ngày xưa chăng ? Chúng

ta cầu mong điều ấy. Nhưng khi nhìn thấy những vấn-đề quá rộng lớn của tác-phẩm, chúng ta đều phải lo-âu. Vì ngại rằng tác-giả, dù nhiều bản-lĩnh, cũng khó lòng đạt được ý mình.



Trước hết, một vấn-đề mấu chốt của tác-phẩm là sự lợi-dụng kháng-chiến của Cộng-sản.

Cộng-sản đã lợi-dụng cụ-thể như thế nào, đó là điều mà người đọc ai cũng muốn biết. Ở ngoài đời, có lẽ người ta đã biết cả rồi và biết rất chu-đáo cũng nên. Nhưng người ta muốn biết qua tác-phẩm văn-ngệ bởi vì văn-ngệ có khả-năng và nhiệm-vụ cô-động sự sống thành những con người điển-hình hoạt-động trong những trường-hợp điển-hình, thực-tế trong văn-ngệ tô đậm và gợi cảm hơn ở ngoài đời, hay nói cách khác, sự thực của văn-ngệ cao hơn sự thực ngoài đời.

Suốt trong tác-phẩm ta chỉ gặp Văn luôn-luôn với nỗi hoài-nghi, thắc-mắc khi nói với Xã Minh : « Dĩ-nhiên là Pháp thua. Nhưng ai thắng ? Chú thắng hay tôi thắng ? Hay chúng mình cùng thua ? » Ngoài ra không có sự-kiện nào khác để chứng minh. Vấn-đề không thể sáng tỏ bằng lời nói của một nhân-vật mà phải bằng tổng-hợp của một số sự việc tiêu-biểu tự nó nói lên một cách sống động. Ta muốn được thấy tác-giả vẽ những thủ đoạn dối trá của Cộng-sản, phô bày những hoạt-cảnh Cộng-sản đàn-áp và lung-lạc, dù trong đôi nét điển-hình.

Người đọc không thể bằng lòng với chuyện anh Hai, quản-lý sở đất của một công-ty mế-cốc Pháp đã bị những người Cộng-sản thủ tiêu vì nghi rằng anh Hai

thân Pháp. Văn chưa cho thấy Văn đã từng hiểu anh Hai là người thế nào. Chỉ tình-cờ gặp gỡ trong đôi ngày Tết rồi năm tháng sau, nhân đi ngang qua Cầu-Kè, quê vợ của anh Hai, Văn mới nghe nói thế thôi. Rồi Văn cũng không ghé thăm chị Hai mà vội-vã ngược thuyền đi luôn. Qua sự trình bày như thế làm sao biết được là Văn đã hiểu anh Hai là người thế nào ?

Sau này, khi ở hậu-phương, Cộng-sản động-viên mọi người kháng-chiến thì Văn — một kẻ trí-thức lạ mặt — không tích-cực tham-gia, tất nhiên phải bị nghi-ngờ, Cộng-sản chưa động chạm gì đến, thì Văn đã nhanh chân về được Hà-nội. Cộng-sản đối với Văn chưa có hành-động gì giúp ta thấy rõ bộ mặt dối trá của chúng. Rồi khi chị em Thọ và Sơn bỏ vào vùng bị chiếm, Dì Mơ lại quản-trị nhà cửa cho họ, trách sao mà Ủy-ban lại chẳng kêu lên xét hỏi ? Sự chống đối có hiệu quả cố nhiên không phải là nêu lên những sự việc tự-nhiên, hợp lý mà ở vào cảnh ấy ai cũng làm thế hay làm hơn thế. Thiết tưởng nói đến Cộng-sản lợi dụng kháng chiến là phải đi vào chính sách, chủ-trương của họ, nêu lên cho được những cái ẩn-ý sâu xa trong các chủ-trương, chính sách ấy. Một cuốn tiểu-thuyết không phải là tập tài-liệu chính-trị nhưng ít nhất những điều mà tác-giả muốn nói cũng đừng đi ngược lại ý-định tác-giả.

Qua tác-phẩm và qua một số sự việc, ta thấy sự nhận-thức của Văn về sự lợi-dụng kháng-chiến của Cộng-sản không được rõ rệt, có một tính-cách hoàn-toàn cảm-tính chứ không phải là kết quả suy luận, phân tích tình hình cụ-thể. Do đó, đối với Xã Minh, một nông-dân chất-phác

mà Văn cần giác-ngộ, Văn cũng chỉ vận dụng đơn độc những câu hoài-nghi trừu-tượng trong khi Văn phải hiểu rằng Xã Minh chỉ biết có lũy tre xanh, chưa hề lý luận bao giờ thì làm sao mà cảm-thông được những nỗi hoài-nghi của những tâm hồn trí-thức ?

Vấn-đề thứ hai không kém quan trọng là gây một nhận-định đúng đắn về vai trò của người quốc-gia chân-chính.

Văn là đại-diện cho lớp người này. Anh đã từng tham-gia Cách-mạng, tham gia kháng-chiến nhưng ngay từ buổi đầu — kể thì hơi sớm hoặc quá trễ — Văn đã nhận thấy dã-tâm của Cộng-sản nên trở về thành. Văn khác xa với hạng Phán Thành bám theo lực-lượng xâm-lãng để bóc lột, uy-hiếp đồng-bào. Văn còn là tiêu-biểu cho lớp người trí-thức tiến-bộ, có đức-tính trong sạch của một tâm-hồn không quá vụ-lợi, luôn luôn gần gũi với quần-chúng — nhưng chỉ là quần-chúng gần gũi — và biết nghĩ đến hạnh-phúc những kẻ quanh mình.

Chúng ta không ngó-ngần đòi hỏi tác-phẩm văn-ngệ phải xây-dựng những kiểu người như sách giáo-khoa, nhưng căn bản phải thể-hiện cho được những nét điển-hình — xấu cũng như tốt — về nhân-vật ấy. Một người như Văn có thể có nhiều thói xấu, nét tốt nhưng không thể thiếu được hai nét sau này : căm thù giặc Pháp và băn-khoăn về một giải-pháp quốc-gia.

Bởi vì, một người quốc-gia chân-chính không thể không chống kẻ thù của dân-tộc, không thể không có cái ý hướng về sự độc-lập, về sự dân-chủ. Cá-nhân của một Văn ở ngoài đời có thể không có những biểu-

hiện này nhưng đây là Văn của tiểu-thuyết, Văn điển-hình, Văn phản-ảnh cho con người thời-đại. Nếu không phô bày được những điểm ấy, nhân-vật chỉ có tính cách lẻ loi, đặc-biệt hoặc mờ nhạt và không gây tác-dụng sâu xa.

Văn cũng nhiều lần nói đến Pháp thua nhưng *chỉ là nói đến* như một người phải nói một điều đáng nói. Văn phải chống Cộng cũng như phải ghét Pháp và sự *phải* này không phải là chúng ta muốn đặt ra khuôn khổ, đặt ra mục-đích cho con người thực-hiện mà *chỉ là nói lên cái phản-ứng tất-nhiên của con người tự-do*.

Trước sự tàn-phá của Pháp, Văn có đủ sự bình tĩnh của con người biết lo mà không biết giận, hay là biết sợ. Về Hà-nội, Văn chỉ dạy học và bận nhiều việc, nhưng không ai rõ việc gì. Nếu Văn có hoạt-động bí-mật thì ở đây — trong tiểu-thuyết — Văn có thể hé mở cho người đọc thấy được ít nhiều. Như thế không những đã chẳng hại gì — vì người đọc vốn rất hiền lành — mà còn có lợi cho nội-dung tác-phẩm.

Văn chỉ là một người đứng-dẫn, dễ-thương, một con người tốt với bà con, bạn-hữu và nhất là tốt với đời sống của bản-thân mình. Trong khi qua vai trò ấy, ở trong một tác-phẩm như thế, ta chờ đợi một sự *đứng lên*, dù dưới biểu hiện nào, vì trước sự chao-đảo, dầy vò của cuộc đời bày ra khá nhiều thảm-trạng, ta không mong gặp một sự chối từ, một sự lương-thiện, thì ta chỉ gặp một con người trí-thức biết điều !

Sự thiếu căm-hờn ấy nơi con người Văn đã khiến tác-phẩm có một thiếu-sót khá

quan-trọng là không làm nổi bật vai trò của nhân-dân — đặc-biệt là nông-dân — trong cuộc kháng-chiến. Vì bị bóc-lột nặng-nề hơn hết nên nông-dân hết sức căm-thù xâm-lược và do đó họ đứng lên mạnh-mẽ hơn cả, hy-sinh và chịu đựng hơn cả. Chính vì nông-dân căm-hờn như thế cho nên Cộng-sản mới lợi-dụng được. Chúng ta chống Cộng nhưng không thể nào không đề cao cái vai trò đã Thực của lực-lượng nông-dân và chính càng đề cao vai trò của nông-dân mới càng nổi-bật sự lợi-dụng của Cộng-sản.

Ban đầu tác-giả cũng đã nói lên điều đó trong cảnh dân quê dưới thời Nhật thuộc nhưng chỉ bằng đôi nét sơ-sài. Phần lớn trong đoạn sau thì ngoài một số cán-bộ Cộng-sản hoạt-dộng — mà thực là những dân quê vì căm-hờn mà đứng lên và bị lợi-dụng, chứ đâu phải là những cán-bộ đâu nào có ý thức rõ rệt về chính-trị mà chúng ta trút lên trên họ căm-hờn? — thì còn một số nhân-vật tiêu-biểu, cô Thọ, ở tầng-lớp tiểu-tư-sản, không thiết-tha gì đến kháng-chiến vì mơ-ước một cuộc đời yên-ồn nên ra Hà-nội, lo nuôi em ăn học, chứ chẳng có lý-tưởng gì, còn Xã Minh, anh nông-dân chính hiệu này cũng vì nghe theo Văn mà lừng-khùng rồi bị nghi-ngờ nên cũng ra Hà-nội luôn. Thọ cũng như Văn về thành, chúng ta đồng-ý, nhưng Minh mà ra Hà-nội là đã từ chối cái vai trò điển-hình của nông-dân mất rồi. Người nông-dân trong một tác-phẩm như thế không thể là con người thiếu căm-hờn, thiếu chiến-đấu. Minh là một nông-dân đặc-biệt, ở vào một tầng-lớp thiểu-số, một nông-dân với tất cả cái mộc-mạc bề ngoài mà bên trong có một căn tạng trí-thức.

Và khi nghe Văn bảo Minh :

— Chiến-tranh còn lâu ! Ai kháng-chiến đây ?

Những người ở hậu-phương hả ? Không, không có đâu ! Kháng-chiến là những người đương bền-bỉ chịu đựng, đương âm-thầm bền-bỉ xây-dựng kia. Chính phải là những người như chú, như anh em mình ! Họ mơ hồ hết không biết gì đến người dân mà cứ đòi xây dựng cho nhân-dân ư ?...

Người ta có cảm-tưởng là Văn đang nguy-biến đề tự đề-cao mình, dù phải phủ nhận sự thực. Hơn nữa, Văn đang nói với Xã Minh và ta có thể chắc-chắn rằng Xã Minh chẳng hiểu gì hết, trừ cái cảm-giác mơ-hồ sung-sướng về lòng tự-ái được chùng nào thỏa-mãn.

Nhưng nói về Xã Minh ra Hà-nội là đề-cập đến cái luận-đề giải-quyết mâu-thuẫn giữa thành-thị và thôn quê. Mâu-thuẫn này chỉ có thể giải-quyết trên cơ-sở một xã-hội thực-sự dân-chủ và kỹ-nghệ-hóa nông-nghiệp đến mức khá cao. Trên một nền tảng kỹ-nghệ như thế nông thôn sẽ biến thành nhiều chốn đô-hội và thị-thành không còn biệt-lập, y như những hoang-đảo, những thế-giới trái ngược với đồng quê. Đồng-thời với nền chính-trị dân-chủ, người dân cùng hưởng quyền-lợi như nhau, cái tự-ti mặc-cảm của những người bị áp-bức ở nông thôn đối với con người thị-thành cũng sẽ mất đi. Văn-hóa được phát-triển sâu rộng, người dân ở đồng quê nhờ nền kinh-tế sung-túc có thể học hỏi, mở rộng kiến-thức, những thành-kiến sai lầm cũng dần dần bị xóa bỏ.

Đây là lời Văn khuyên Xã Minh :

— Tôi nghĩ chú cứ bền-chí học lấy nghề mà sinh-sống đã. Đề rồi còn trở

về làng Thụy, còn trở về đồng ruộng, chứ sống mãi ở đây làm gì ? Chỉ có những người như chú sau này về đồng ruộng thì lúc đó sẽ nói đến chuyện giải-phóng thật sự đấy. Lúc ấy chú sẽ không còn thấy hai cái thế-giới cách biệt đầy hằn thù, nghi ngờ, như cái năm tản-cư hồi nọ.

Vì sao những người như Minh trở về nông-thôn mới nói đến chuyện giải-phóng thật sự ? Thực là khó hiểu, hay nói một cách khác, thực là không tưởng. Và làm sao lúc ấy sẽ không còn hai cái thế-giới cách biệt hằn thù ? Thực là mơ hồ. Câu nói của Văn vừa rồi cũng như trên kia có tất cả cái dáng điệu lý-luận của nó nhưng chỉ là một lối nói qua việc, một lối nói khéo lấp vì căn-bản người nói không dám nhìn thẳng vào lòng mình cũng như vào lòng thực-tế. Văn quên rằng cái hồi Nhật-thuộc, bị phi-cơ Đồng-minh bắn phá, những người Hà-nội về thôn quê tản-cư đã gặp cái không khí cách biệt đầy hằn thù là vì người dân quê lúc ấy quá khờ, vì bị bóc lột đến tận xương tủy như tác-giả đã mô tả rất cảm-động cảnh vợ chồng Xã Tèo đành nhìn con chết giữa sự đói khát, giữa tiếng trống thúc thuế cuồn cuộn nổi lên như giông tố. Trong khi đó thì gia-đình cường hào Chánh Bá vẫn mâm cao cỗ đầy, say sưa phê phởn và những người tản-cư lúc ấy, khổn thay, lại là bà con quyến thuộc của Chánh Bá, những con người chỉ biết tô diêm, rong chơi, hợm-hĩnh, ỷ tiền và khinh miệt nông-dân như cỏ rác. Sự hằn thù ấy làm sao mà xóa bỏ nếu không có những cái cách lớn lao của xã-hội để nâng cao mức sống con người, để dạy cho con người một quan-niệm tôn trọng lẫn nhau mà không có sự can thiệp của thế-lực đồng

tiền ? Một người như Xã Minh trở về đồng ruộng thì cũng không khác gì hàng triệu Xã Minh trở về đồng ruộng nếu cứ chịu đựng những sự trạng như vậy.

Lúc ấy Minh không nói gì để trả lời Văn. Chắc là Minh không hiểu gì, nhưng Minh vốn mến trọng Văn là một trí-thức vui tính và tỏ ra biết nhiều, nên Minh làm thinh. Hơn nữa Minh cần phải học nghề để sinh sống, phải nhờ cậy Văn, và Minh là con người thiết thực. Bây giờ Văn đề Minh ở lại với Cộng-sản, liệu Minh có còn nhớ lại lời nói của Văn ngày xưa mà băn khoăn không ?

Đó là những vấn-đề chính yếu ở trong tác-phẩm « Dì Mơ ». Và đó không phải là vấn-đề của Dì Mơ mặc dù tác-phẩm đề tên Dì. Bây giờ Dì chỉ là bóng hình mờ nhạt, già nua mà tác-giả nêu lên nhằm tượng-trưng cho một sự bền bỉ, chịu đựng. Văn nói : « Cho nên tôi nghĩ và tôi đã nói là tôi phục Dì Mơ lắm

Phải bền bỉ chịu đựng đấy... (trg. 167) nhưng người đọc không thể nào phục được Dì Mơ mà chỉ xót thương Dì. Dì là hình ảnh của sự đau khổ, của bất lực, của dọa dầy, của lệ-thuộc, từ khi còn làm dâu Chánh Bá trong *Bóng tre xanh* nên Dì chỉ có một đối phó đối với cuộc đời : cầm lạng, chịu đựng, sống khuất đi như một cây cỏ không vươn lên nổi với ánh mặt trời. Vậy thì bài học của Dì Mơ là của chúng ta chăng ? Không tìm cách góp phần vào cuộc sống mà gần như đứng ngoài cuộc đời để đợi sự an-bài của kẻ khác và sẵn sàng chịu mọi tai họa giáng xuống, Dì Mơ chỉ là tượng-trưng cho một quan-niệm tiêu-cực, thất-bại, đầu hàng không phản ánh đúng cái thực-trạng chúng

ta và không hợp với cái yêu cầu của chúng ta hiện tại.

Nhưng có người nghĩ rằng đề-cao Dì Mơ là tác-giả không nhằm nêu lên bài học cho chúng ta mà dụng ý gởi một lời khuyên cho bao nhiêu người dân hiện đang sống trong vùng Cộng-sản. Một sự nghĩ như thế chỉ nói lên cái lòng khoan-dung của người đọc — một sự khoan-dung cũng vô-lỗi vì bất-chấp cả sự-thực — nhưng quả tình không biện hộ được cho tác-phẩm.

Bởi vì, nếu tác-giả có dụng-tâm như thế, thì nội dung ấy cũng không có đối-tượng. Lại thêm đó không phải là giải-pháp thích-dáng, trong khi tất cả sự côi mớ xiềng-xích trên cội đời này đòi hỏi đấu-tranh bất cứ bằng những hình-thức nào. Do đó, người đọc phải thấy rằng câu nói trên kia của Văn không phải nhằm gởi gắm cho những người dân hiện đang chịu đựng chế-độ Việt-Cộng mà chỉ là nhấm bào chữa cho mình mà thôi, bởi vì một người thông-minh như Văn ít nhất cũng ý-thức được cuộc sống không lấy gì làm tích-cực của mình nên phải liệu cách thanh-minh.



Xét về sự xây-dựng nhân-vật để thực-hiện các vấn-đề trong một quyển tiểu-thuyết, tác-giả có một ưu-điểm khá nổi bật là nắm được tính-chất căn-bản của từng tầng-lớp trong xã-hội. Tác-giả ghi được sự chịu đựng và lòng thiết-tha bám lấy ruộng vườn của nông-dân, tính-chất đê-hạ phản-bội nhân-dân của số người quen làm tay sai cho thực-dân Pháp, tư-tưởng lãng-mạn, lưng chừng của con người tiểu tư-sản và thái-độ luôn luôn hoài-nghi, thắc-mắc của vai trò trí-thức. Chính

những căn tính của từng tầng-lớp ấy là do sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần hằng ngày tạo nên khiến họ có những sắc thái riêng biệt tùy theo tầng-lớp, khó mà nhầm lẫn. Tóm thâu được tâm-lý tiêu-biểu ấy và ghi lại đậm đà, tác-giả tỏ ra có một nhãn quan xác-thực, khoa-học để nhận-định con người trong sinh-hoạt xã-hội. Đó cũng là điểm căn-bản về xây-dựng nhân-vật trong tiểu-thuyết thiếu sót khá rõ trong một số tác-phẩm đã xuất-bản. Những tác-giả này mô-tả những con người chơi-vời không dựa trên thực-tế sinh-hoạt nào cả và do đó có đủ thứ tâm-lý khác nhau mà tác-giả cho vào khi xét ra cần-thiết để phục-vụ cho tình tiết câu chuyện hơn là phản-ảnh cuộc đời.

Nhưng nếu thành-công về điểm này thì tác-giả Dì Mơ trong sự xây dựng toàn-diện tâm-lý nhân-vật lại phạm vào một khuyết-điểm khá lớn, đó là chỉ thấy tâm-lý một chiều của nhân-vật. Hầu hết những nhân-vật chính-yếu trong tác-phẩm, từ Dì Mơ, Xã Minh, Văn, Thọ đến Xã Tèo, đều là những con người thiện theo tinh-thần « luân-lý giáo-khoa-thư » mà không phải là nhân-vật tiểu-thuyết, đúng hơn, nhân-vật thực. Trong những con người này hình như chỉ có đôi chút lo-âu, nếu cần, một ít sợ hãi, nghĩa là phản-ứng hết sức đơn-giản bằng những cá-tính phiến diện. Thực ra, trong đời sống chúng ta, — dù là con người lợt lạt nhất cũng không thể có thứ tâm-lý một chiều. Chúng ta luôn luôn bị dang co giữa cái ác và cái thiện, giữa sức cố-gắng và sự nọa-lực, giữa cái nên và cái không nên. Nhiều khi những yếu-tố trái ngược ấy đưa ta vào những cơn khủng-khoảng tinh-thần khốc-liệt gây nên những trạng-thái bi-đát

ở trong tâm-tưởng mặc dù trông vào cái bề ngoài tương-đối tự-nhiên của ta không ai ngờ rằng có cơn bão tố bên trong. Trong nhiều trường-hợp, ta giữ vững tinh-thần, đạo-đức, danh-dự nhờ những can-thiệp bên ngoài hết sức bất- ngờ và lắm khi ta đứng gần bên tội lỗi, rất gần, khoảng cách chỉ là một sợi tóc của Thạch-Lam. Nêu lên như vậy quả tình chúng ta không muốn bi-dát-hóa cuộc đời nhưng chỉ thừa nhận một thực-trạng. Trong hoàn-cảnh sinh-hoạt của xã-hội hiện-đại ở giữa những luồng tư-tưởng khác nhau, ở giữa những tranh-chấp khác nhau từ sự tranh-chấp bản-năng và lý-trí đến sự tranh-chấp giữa những lý-tưởng chính-trị làm sao tâm-tư con người không phải là bãi chiến-trường dù sự xô-xát nhiều khi diễn ra hết sức ngấm-ngấm. Tính-chất ấy có thể tạm gọi là *bi-kịch-tính* của con người vì dù thắng trận cũng không tránh được xót xa.

Phát-hiện được những bi-kịch-tính ấy là mô-tả sống động nhân-vật, là giải-thích được hợp-lý những hành động của nhân-vật, là nắm được mấu chốt của những diễn tiến động tác và trên hết, đóng được dấu triện của sự thực vào tác-phẩm.

Đành rằng nhân-vật trong « Dì Mợ » phần nhiều là những con người đơn-giản và có căn-bản thiện nhưng không phải là không có bi-kịch-tính. Khi ta thấy Dì Mợ luôn-luôn xuôi chiều, hợp-lý, hiền-lành, Xã Minh luôn-luôn ngoan-ngoãn biết điều, cô Thọ luôn-luôn phải lễ dù đã nắc lên, gục đầu vào vai Văn, và Văn luôn-luôn « thiệt thà có một, đơn sai chẳng hề » thì ta cảm thấy bất bình.

Không phải như thế là ta cầu sự xấu cho con người nhưng chính là vì ta muốn cầu sự tốt cho tác-phẩm. Và lại cái tốt

đáng quý chính là cái tốt kết-quả sau cuộc vật lộn nội-tâm cũng như cái xấu sau mỗi dằng co thất bại mới thực là cái xấu cảm-động.

Nhiều người có thể nghĩ rằng tác-giả muốn nói lên những con người thực mà tác-giả đã gặp và bảo-đảm cho được nội-dung tác-phẩm, nên tác-giả cho qua những trạng-thái phức-tạp của tâm-hồn. Đây chỉ là một giả-thiết để chúng ta cố gắng đi sâu vào vấn-đề, chứ một biện-luận như vậy đã sai từ căn-bản. Chúng ta cũng đã hiểu rằng Đỗ-Thúc-Vĩnh cách xa hẳn lớp nhà văn thiếu tự-trọng đã bán rẻ ngòi bút trong khi chạy theo đua-nịnh một số thị-hiệu của thiểu-số quần-chúng ở thị-thành bằng cách xây-dựng những màn cụp lạc, gay cấn, éo le... Nhưng đành rằng ta không buộc Dì Mợ phải tham-lam của cái bà Giáo, Xã Minh phải ghen bóng ghen gió với Văn, Cô Thọ phải tìm cách kêu gọi Văn bằng tất cả phương-pháp có thể vận-dụng được trong điều-kiện một cô gái thêm yêu, Văn phải lợi dụng hôn Thọ đôi cái trong bóng tối và sau hối-hận rất có phương-pháp, Xã Tèo phải giúp cho Minh đi ra Hà-nội để lợi-dụng đất cát, v.v... nhưng ta muốn thấy sát thực tâm-hồn của con người trong những trường-hợp có thể đưa đến những cảm-đổ như thế. Vấn-đề của nhà văn là tùy nghi gia-giảm để bảo-đảm nội-dung, nhưng có tạo những nhân-vật sống thì tác-phẩm mới có sinh-khí.

Ta không nghi ngờ tác-giả chưa quen mô tả tâm-hồn nhân-vật nhưng khi thấy tất cả những nhân-vật trên đây đều biết ăn ở thuận-hòa để cho bố-cục của « Dì Mợ » khỏi bị trở ngại thì ta không ngăn được cảm-tưởng đang đứng trước một

tác-phẩm công-thức theo kiểu những tác-phẩm lý-tưởng với đề-tài « tình nghĩa vẹn tuyền » hay « trung hiếu lưỡng toàn » ngày xưa.



Nhân-vật được xây-dựng nên là đề thể-hiện vấn-đề, giải-quyết vấn-đề. Vì quan-niệm nhân-vật một chiều như vậy cho nên những vấn-đề trong Dì Mơ cũng được giải-quyết một cách xuôi thuận, êm thấm không chút khó khăn, thiếu hẳn tính-chất gay cấn, mà những vấn-đề như thế lẽ phải gây ra. Nếu cần đề cao Văn đề giác-ngộ Xã Minh thì tác-giả cho Văn đưa Minh về soát qua làng trong đêm một cách yên lành, giữa lúc giấc Pháp chiêm đóng.

Nếu cần thuận lợi cho những tình tiết sau này thì bà Giáo phải chết rất là tự nhiên. Và Văn rồi Thọ và Sơn, rồi Minh, nếu phải đi ra Hà-nội cho đề-huề tất cả thì đi rất yên-ồn và gặp nhau rất dễ-dàng, y như xuôi theo một sự điều khiển rất sáng suốt của bề trên, là tác-giả. *Và như thế, tác-phẩm đã ra khỏi cuộc đời.*

Chính cái tính chất một chiều ấy của nội-dung đã ảnh-hưởng rất đậm đến lời văn trong tác-phẩm. Ngoài trừ đoạn mô-tả làng Thụy trong hồi Nhật-thuộc có một nội-dung và một kỹ-thuật sinh-động gây được cái u-uất nặng nề của không khí tiền Cách-mạng, còn thì hầu hết tác-phẩm phảng-phất một giọng điệu thanh-bình của một bút pháp điềm đạm, từ-tốn, mực thước gần như thiếu hẳn cá-tính. Một số độc-giả có thể vừa lòng với lối hành văn giản-khiết, chu-đáo và đứng đắn đậm đà tinh-thần cồ-diền của tác-giả, khác xa với lối hành văn cầu kỳ, kiểu cách thường gặp ngày nay.

Nhưng nếu chỉ có thế thì bút pháp thiếu hẳn năng-lực đề chở một nội-dung phức-tạp.

Một điểm khá tiêu-biểu để chứng minh nhận xét trên đây là tác-giả dùng quá nhiều những câu nghi-vấn, không phải trong đối thoại của nhân-vật, cố-nhiên, mà trong khi tác-giả phát-triển sự việc hoặc phân-tích tâm-tình. Suốt trong tác-phẩm, gần như bất cứ trang nào ta cũng sẵn sàng gặp phải những câu theo kiểu sau đây : *Tại sao lại thế được nhỉ ? Biết nói sao đây ? Lòng Minh sao hôm nay rộn ràng vui đến thế, Minh cũng không hiểu vì đâu ? . .*

Thế nghi-vấn tuy cũng là một mỹ-từ-pháp, một ngón nghệ-thuật, đặc-dụng trong một vài trường-hợp như gợi sự chú ý của độc-giả về một điểm nào hoặc tránh cho câu văn khỏi sự đơn điệu buồn chán nhưng nó phải được sử-dụng hạn-chế, đúng chỗ, với một thái-độ hoàn-toàn chủ-động. Ở đây, một sự lạm dụng như thế chứng-tỏ ngòi bút tác-giả đã bất lực trước những khúc mắc của sự-việc và của tâm-tình. Bởi vì, đáng lẽ phải suy nghĩ thay thế cho người đọc thì tác-giả lại dùng lối nghi-vấn đề đề-nghị người đọc suy nghĩ hộ cho mình.

Ngày xưa trong *Bóng tre xanh*, tác-giả không có cái khuyết-diểm này vì vấn-đề của *Bóng tre xanh* rất đơn giản, rất rõ ràng, sự việc cũng đã yên động từ mấy ngàn năm nên đã thâm nhập vào tác-giả, biến thành sự sống nội tâm của tác-giả, do đó tác-giả có đủ cái bình tĩnh của một con người làm chủ tình hình nghĩa là làm chủ bút pháp. Ngày nay sự bất lực trong bút pháp chứng tỏ tác-giả đã thấy khó-

khẩn trọng sự đi sâu vào nội-dung các vấn-đề căn-bản của tác-phẩm tức là của xã-hội.



Tuy không đạt được kết-quả như ý muốn tác-giả và ý muốn người đọc, « Dì Mơ » vẫn là tác-phẩm công-phu, lành mạnh, nhiều thiện chí xây dựng. Sự khiếm-khuyết trong những tác - phẩm có nội-dung lớn rộng là điều khó lòng tránh khỏi. Đồng thời đó cũng là vấn-đề tùy thuộc sự sống của con người tác-giả. Nhưng, dù sao, ta vẫn tin rằng Dì Mơ tuy đã cao-niên song còn hưởng thọ tuổi trời. Một ngày nào đây ta hi-vọng lại được gặp Dì trong một tác-phẩm khác của Đỗ - Thúc - Vịnh, và như hầu hết những bậc tuổi tác đều đã có nhiều kinh-nghiệm cũng như thấu suốt việc đời, Dì Mơ sẽ kể

nốt cuộc sống dang cay của Dì cho chúng ta nghe và chắc rằng lúc ấy chúng ta khó lòng ngăn được cảm xúc chân-thành.

Cô PHƯƠNG-THẢO

ĐÓN ĐỌC :

MÂY MÙA THU

Giải-phẩm mùa thu của một nhóm văn hữu miền Trung gồm tác phẩm đặc sắc của: Tiểu-Dân, Phan-Du, Minh-Đức, Bùi-Gláng, Vũ-Hạnh, Vũ-Hân, Tạ-Ký, Tường-Linh, Võ-Phiến, Nguyễn-Phúc, Thu-Tâm, Đỗ-Tấn, Huy-Vân, Thế-Viên, Nguyễn-Vân-Xuân... cùng một số cây bút tên tuổi khác.

Tranh bìa của Hoạ-sĩ Thái-Tuấn.

« Lư-sơn chân diện mục »

Tô-Đông-Pha, tức Tô-Thức, một thi-nhân đời Tống, từng làm binh bộ thượng-thư, có thơ rằng :

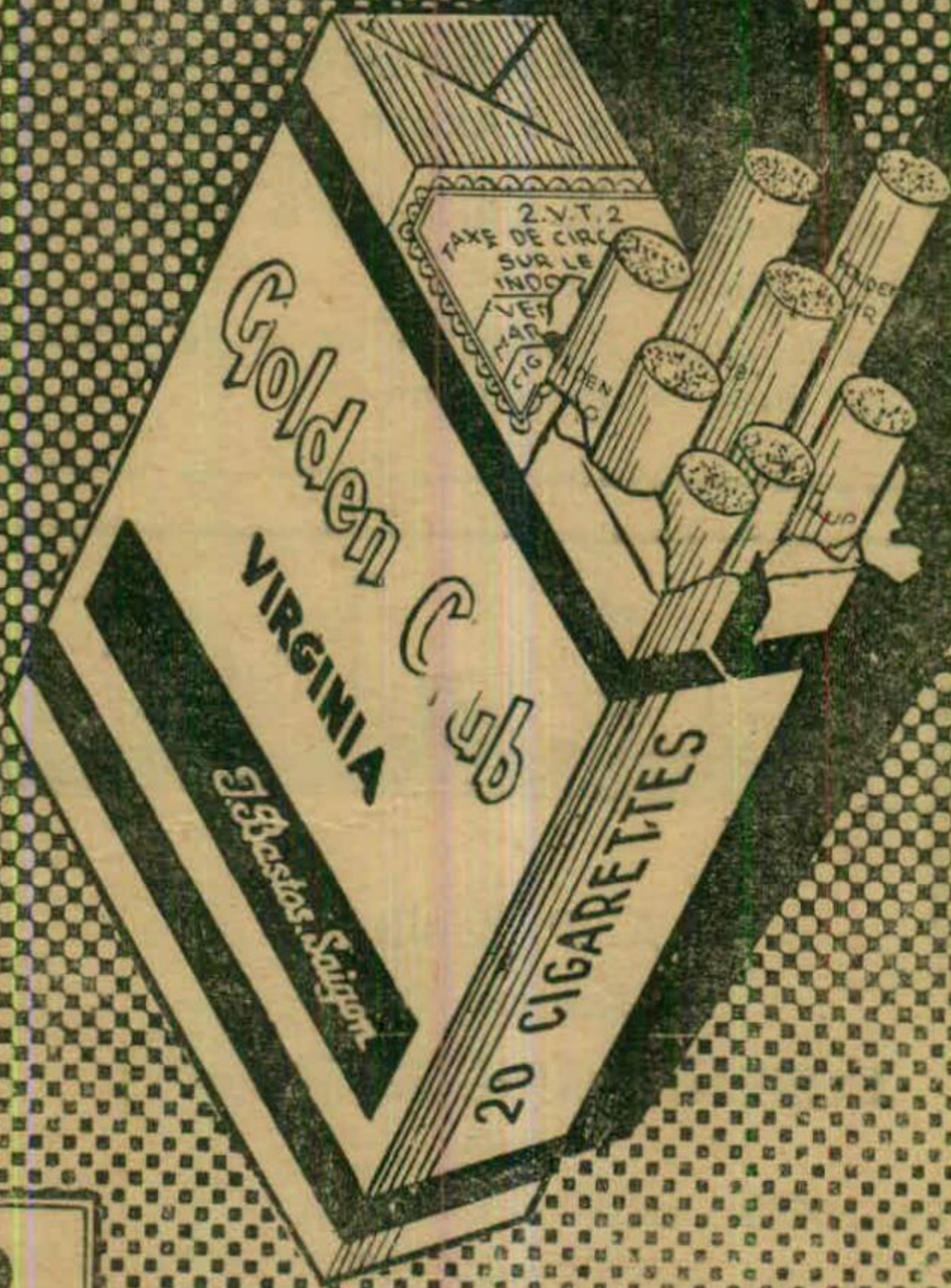
*« Hoành khan thành lĩnh trác thành phong,
Viễn cận cao đê các bất đồng.
Bất thức Lư-sơn chân diện mục,
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung ».*

Có nghĩa là :

Nhìn ngang thì thành núi dầy,
Nhìn bên thì thành núi trái.
Không biết được diện, mục của Lư-sơn,
Chỉ vì thân ta đứng ở trong núi ấy.

Do đấy : « Lư-sơn chân diện mục » là mấy chữ dùng để ví hay chỉ những việc ta khó thấy rõ chân tướng của nó.

GOLDEN CLUB



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

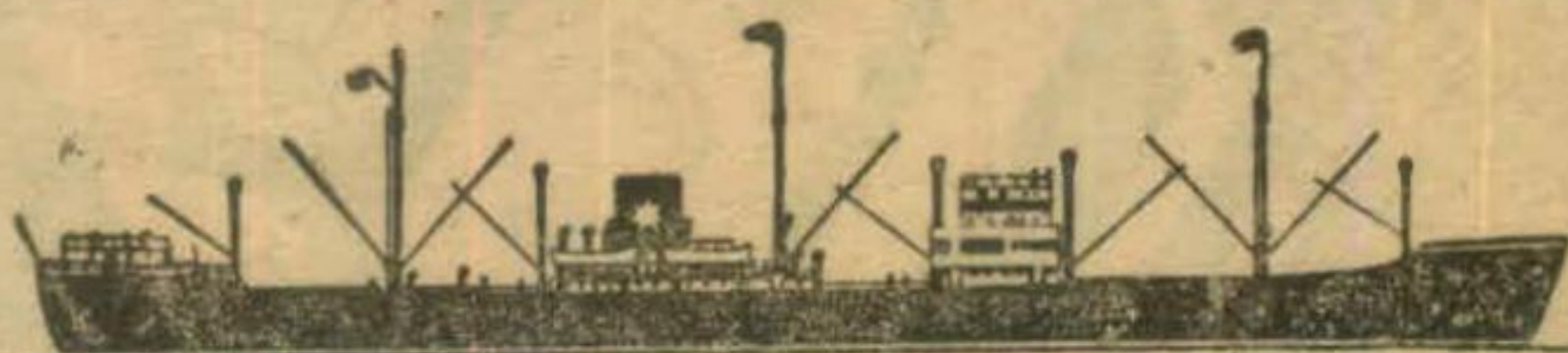
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient.

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(Tiếp theo B.K. số 64)

Hội kiến với ông giám-đốc sản-xuất

Hôm nay, đến gặp ông giám-đốc sản-xuất, tôi đem theo tờ hợp-đồng ký với hãng phim Anh và những tờ chứng nhận tiền lương của hãng phim Rémont hay các hãng khác trả cho tôi. Ông giám-đốc sản-xuất hẹn tiếp tôi vào lúc 10 giờ sáng.

10 giờ kém 5 tôi đã đến.

« Xin mời ông ngồi đợi một chút, người thư-ký nói, ông giám-đốc sản-xuất chưa đến, nhưng chắc ông sẽ đợi không lâu đâu ».

Tôi đã cẩn thận, đem theo một quyển sách để đọc lúc đi tàu hăm và phòng khi phải đợi những người then chốt trong việc làm ra một cuốn phim, như đạo diễn hay là giám-đốc sản-xuất chẳng hạn. Thì tôi nghĩ không sai. Hẹn gặp tôi vào lúc 10 giờ sáng, nhưng đến 11 giờ rưỡi chẳng thấy bóng ông giám-đốc sản-xuất. Người thư-ký lắc đầu: « Thường thì có trễ lắm là nửa giờ. Không hiểu sao hôm nay ông ấy đến muộn thế ».

11 giờ 20, tôi vừa sốt ruột, thì có tiếng cửa xe đóng ầm ngoài ngõ. Cửa mở, một người Pháp nhỏ thó, ăn mặc sang trọng bước vào.

« Đêm hôm qua, phải đi ăn uống và đi cabaret (ca-ba-rê) đến hơn một giờ sáng mới về đến nhà. Sáng nay, mệt quá, tôi đến hơi muộn. Từ sáng đến giờ có chi lạ không ? Ông hỏi người thư-ký.

— Dạ, có 3 người gọi điện-thoại cho ông, nhưng tôi bảo ông sẽ đến. Họ bảo sẽ gọi lại. Và có mấy người ngồi đợi ông từ 10 giờ sáng.

Ông tươi cười đến bắt tay tôi và hai người kịch-sĩ Pháp.

« Xin lỗi các ông. Tôi đến hơi muộn. Nhưng trong nghề này, thường khi phải đi ăn uống ban đêm, hôm qua tôi thức khuya quá, sáng nay dậy hơi trễ. Mời ông vào ».

Buồng giấy của ông rộng rãi. Hai chiếc ghế bành da cho khách ngồi đặt trước một bàn viết thật to. Lăn này, không có người trung-gian giữa nhà sản-xuất và kịch-sĩ. Ông tấn-công ngay :

« Ông đã đóng phim nào chưa ?

Tôi đưa cho ông xem mấy tờ hợp-đồng và giấy tiền lương của các hãng khác trả cho tôi. Ông lắc đầu :

— Chúng tôi đâu có thể trả lương cho ông như người Anh đã làm. Họ vốn to ;

và lại phim của họ được chiếu nhiều nơi trên thế-giới. Nói thật, thì tôi chỉ có thể trả cho ông một phần năm số lương hằng ngày ông lãnh bên Anh.

— Như thế chắc không được, vì ông coi, hãng Rémont là hãng Pháp mà trả lương cho tôi gấp ba số ông đề-nghị.

— Đó là phim quảng-cáo. Phim quảng-cáo họ lắm tiền. Người buôn bán muốn cho hàng-hóa chạy, phải bỏ tiền ra làm quảng-cáo. Còn chúng tôi làm một phim, trăm thứ tổn hao, mà không chắc sẽ lấy vốn lại, nói gì đến lời.

— Tôi không bàn đến việc lời lỗ lúc làm phim. Tôi chỉ nói rằng hãng Rémont trả lương hậu.

— Phải rồi, nhưng một người kịch-sĩ mới vào nghề, nếu là người Pháp, chỉ lãnh phân nửa số tiền tôi đề-nghị với ông.

— Nhưng ông quên rằng tôi đã đóng phim bên Anh rồi.

— Đành vậy, nhưng phim đó, bên này chỉ độ một phần khán-giả đi coi. Họ chưa biết được tên ông. Thành ra « giá-trị thương-mãi » ông chưa có. Và tôi không biết ông đóng thế nào. Liệu ông có làm mất thì giờ trong lúc quay chẳng ! Vì vậy, tôi không thể cho ông lương cao hơn.

— Người Anh và ông Rémont không đại gì mà trả tôi lương cao, nếu họ không vừa lòng về cách làm việc của tôi.

— Tùy ông, muốn sao cũng được. Tôi chỉ có thể trả chừng ấy lương. Ông liệu được thì ký hợp đồng, không được thì khi khác vậy.

— Với giá đó, tôi không thể làm việc được.

Tôi đứng dậy, định chào ông ra về. Ông hỏi thêm : « Ông đã suy nghĩ kỹ rồi chớ. Lần này, như thế chớ lần sau, chúng tôi sẽ trả ông hậu hơn. Chúng tôi có một chương-trình quay hằng chục phim bên nước Việt không chừng. Ông vẫn chê số lương đó ít quá sao ? »

— Vâng, ông đã chẳng thấy lương tôi lãnh bên Anh gấp 5 lần hơn sao ?

— Thôi, nói dứt khoát, tôi chịu lên lương cho ông một ít. Nhưng thật ra, nếu ông còn chê ít, thì chắc chúng tôi sẽ tìm người khác.

Tôi do dự. Số lương ông đề-nghị sau cùng chỉ bằng một phần tư số lương tôi lãnh bên Anh. Nhưng bên kia tôi phải trả thuế 45 phần trăm, 10 phần trăm cho người trung-gian, phải thuê trạng-sư để họ khai huê lợi, phải đóng tiền nghiệp-đoàn, thành ra tiền lãnh thật sự chỉ bằng 1 phần ba số lương họ phát ra. Đẳng này tôi khỏi trả tiền người trung-gian, bên Pháp tôi lại không có làm việc chi nhiều đến phải trả thuế huê lợi. Tôi lại đang cần một ít tiền đi nghỉ hè. Và lại, tánh hiếu kỳ cũng làm cho tôi muốn biết qua bên trong phim trường Pháp.

Thấy tôi do dự, ông nói dồn :

« Chúng tôi quay phim màu lại theo lối scope (xi-cốp-pơ màn ảnh to). Vai của ông tuy không quan-hệ lắm nhưng ông cũng có mặt thường trên màn ảnh. Như tôi đã nói, còn lần khác nữa.

— Được, tôi nhận điều kiện của ông, để cho ông có dịp thấy tôi đóng tuồng thế nào. Rồi còn lần sau, như ông đã nói ».

— Xin mời ông hai hôm sau trở lại ký hợp-dồng hoặc nếu ông tin lời hứa tôi, thì ông cứ giao-thiệp ngay với ông đạo

diễn đề lo việc y-phục và học tuồng. Mỗi ngày, sau khi đóng xong, chúng tôi sẽ trả tiền cho ông Chào ông.

— Chào ông.

Bắt tay tôi, ông mỉm cười. Có lẽ ông nghĩ rằng ông đã thắng. Hai bên cùng thử sức chịu đựng của đối thủ. Tôi thấy ông giám-đốc sản-xuất này chỉ nói chuyện tiền lương nhiều hơn tài nghệ. Họ không cần cho tôi quay thử vì quay thử họ sẽ tốn tiền phim, tiền điện, tiền thuê sân khấu v. v... Họ biết rằng tại Ba-lê có mấy ngàn người Việt. Không người này cũng có người khác chịu đóng với số lương rất thấp ấy. Tôi lại vì những lẽ riêng và khi nghĩ rằng phim này quay với phong cảnh Việt, thì sẽ chiếu bên nước Việt. Gia-đình và bạn bè mình có thể gặp được mình qua màn ảnh, nếu mình đang đủ tiền sống, đóng chơi cũng thích. Huống gì lại được tiền lương — Sau này có dịp biết thêm ông giám-đốc sản-xuất ấy, tôi thấy rằng kèo nài đề lên được một ít như tôi đã làm, không phải là chuyện dễ.



Đi thuê quần áo

Xong việc tiền lương, tôi phải đến nhà ông đạo diễn. Họ bàn với nhau, chẳng biết cho tôi mặc đồ nhung phục hay là quần áo thường. Cảnh sát trưởng có thể mặc đồ xi-vinh (civil).

— Ông có quần áo loại tussor (tuy-so) hay là toile de lin (toan-dờ-lanh) không ?

— Không, từ ngày sang Pháp đến giờ, tôi mập hơn trước gần 15 ki-lô, quần áo mang theo từ ngày ấy tôi đã cho bạn bè cả rồi. Bên này, trời lạnh luôn, tôi chỉ có thêm quần áo màu sậm.

— Cha ! Nếu phải đặt một bộ mới cho ông, tổn hao chưa chắc ông giám-đốc sản-xuất đã chịu. Và lại, trong tuồng, ông có dịp bắt bớ, xét nhà v.v... mặc nhung-phục có vẻ oai-nghi hơn.

Ông lấy cái kết của cảnh-sát trưởng bên Sài-gòn đội lên cho tôi rồi ngắm nghía : « Được lắm, ông mặc nhung phục là hơn. Tìm thuê một bộ đồ kaki không khó. » Ông quay lại bảo người phụ-tá tìm một bộ đồ ga-bạc-đin (gabardine) thật vừa cho tôi và hẹn sẽ gặp tôi hai hôm sau.

Bên Pháp, phim-trường không có nhà y-phục như bên Anh. Muốn tìm quần áo, phải đến một nhà chuyên-môn cho thuê các loại nhung-phục, y-phục. Tại Ba-lê có mấy nhà như vậy. Họ có nhung-phục cho lính đời xưa và đời nay, áo long-bào như áo hát-bộ bên ta, kimônô, và trăm thứ áo, mao khác. Tất cả gần bốn, năm từng lầu toàn quần áo cho thuê. Muốn thuê phải đóng tiền cọc và trả tiền thuê trước. Tiền cọc ít nhiều tùy theo áo quần cũ, mới, dễ, hoặc khó mua.

Hôm tôi đến tìm một bộ đồ nhung-phục sĩ-quan, có hơn mười người Việt cũng đến đề mặc thử nhung-phục lính cảnh-sát, thủy-thủ và sĩ-quan thủy-quân. Tôi chỉ biết mặt hai anh. Một anh được lựa đóng vai sĩ-quan thủy-quân trong một hôm, chưa biết sẽ làm gì nhưng mặc được nhung-phục của một trung-úy thủy quân, anh ấy mỉm cười coi bộ hài lòng lắm. Một anh nữa được lựa đóng vai cảnh-sát. Các vai ấy đều là « fi-guy-răng » nghĩa là cử-dộng mà không nói tiếng nào.

Bên Pháp, đóng « phi-guy-răng » như thế cũng là một nghề. Họ ghi tên ở sở Lao-dộng, họ đi rảo ở các phim trường

hỏi thăm để tìm « tuy-ô ». Như được việc, thì mỗi ngày làm việc họ lãnh được lối 2.400 quan (lối 400 đồng bạc theo giá thị-trường hối-đoái tự-do). Người ngoại-quốc, Á-châu hay Phi-châu, mỗi khi đi làm « fi-guy-răng » được lãnh 3.000 quan một ngày (lối 500 đồng bạc). Có cả một bảng kê lương các « fi-guy-răng ». Trong trường hợp phải mặc quần áo sang trọng như áo đuôi tôm hay nhung-phục sĩ-quan, thì kịch-sĩ được thêm lương nếu mặc áo của mình để hăng quay phim khỏi tốn tiền thuê. Nếu lúc quay phim phải cỡi ngựa hay khiêu-vũ thì được thêm một ít tiền. Có hạng trên một chút họ gọi là « figuration intelligente » (chữ này tôi chẳng biết dịch làm sao). Trong lúc quay, họ không phải chỉ ngồi hoặc đứng mà phải cử động theo lời chỉ dẫn của đạo diễn. Như làm người coi hát, người đi đường để hơn đóng vai người bị nạn xe hơi, hoặc người chết chìm v. v... Đó là những vai « câm ». Nếu có nói một vài tiếng thì không phải lãnh tiền lương 2.400 quan một ngày, mà gần 5.000 quan, vì được kể là kịch-sĩ. Hiện giờ bên này không gọi họ là « fi-guy-răng » (figurant) nữa ; họ được mang tên « acteur de complément » : kịch-sĩ bổ-túc, hay là kịch-sĩ phụ. Tuy danh-từ thay đổi nhưng tiền lương vẫn như xưa.

Thử qua mấy lượt, tìm được một đồ ga-bạc-din vừa tôi, người phụ-tá đạo diễn đến ghi vào sổ tất cả mấy nhung-phục định thuê, trả tiền cọc và mang cả quần áo về buồng giấy tại đường Vienne.

Cùng đi với ông ta, có người « régisseur » (rê-jí-xơ), người phụ-trách việc tìm quần áo, dụng-cụ cần vào việc quay phim. Bên này làm phụ-tá đạo-diễn, rất nhọc mà lương chẳng mấy cao. Theo giá nghiệp-

đoàn định thì một người phụ-tá đạo-diễn lãnh tối thiểu 35.000 quan một tuần. Một tháng tính ra cũng được lối 150.000 quan. So với lương bổng công-chức, thì số lương đó rất cao. Nhưng trong nghề điện ảnh bên này thường thì làm việc rất ít mà lương rất hậu. Người phụ-tá đạo-diễn, lúc dự bị quay phim phải coi chừng sửa câu đối thoại theo ý của đạo-diễn hoặc của người viết tuồng. Phải gọi điện thoại cho kịch-sĩ, gặp họ trước khi cho họ giáp mặt với đạo-diễn, phải đọc tuồng dượt cho các kịch-sĩ trước lúc quay, coi chừng sắp cảnh theo lời dẫn của đạo-diễn, phải luôn luôn hô to lệnh của đạo-diễn. Còn trong việc sắp cảnh, giàn cảnh, chỉ có quyền góp ý kiến mà không có quyền định đoạt. Nhưng muốn học nghề, phải có cái may được làm phụ-tá như thế trong 5, 3 năm. Người phụ-tá này chắc vào nghề chưa lâu. Đọc các câu đối thoại không có thần và mọi việc từ quần áo, hóa trang đến sắp cảnh, toàn là ông André P. định cả.

Hôm tôi đến mặc thử nhung phục cảnh-sát trưởng ông André P. rất vừa lòng, bảo tìm thêm cho tôi vài cái dấu hiệu huy-chương và cái súng lục nữa là đủ.

Có lẽ từ trước đến giờ tôi thiếu nợ với quân-đội hay sao, mà ngày nay, hai lần đóng phim đều gặp vai sĩ-quan ; lần trước đại - úy Nhật lần này trung - úy cảnh - sát Việt.

Mọi việc sắp đặt đã xong. Hiện giờ chỉ còn chờ họ gọi là đi đóng.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

KỶ TỬ : Ngày đầu tiên tại phim trường Epinay.



Đắng hay Ngọt ?

Gởi hương hồn T.T.L.H.Y.

Chờ em, ngồi yên trong quán cóc,
Tách cà-phê cô đọng đang làm thơ ?
Chiếc xe ai lộng lẫy lướt, hững hờ...
Chưa phải chiếc phải ngừng đầu ngõ
hẻm.

Thì hóp thử muỗng
Cà-phê
Đang đếm giọt.

Ngõ hẻm tấp lẩn, cầu phai lưng uốn,
Chưa phát phơ tà áo nhẹ dật tơi sần...
Xi-măng gợn chụp nhà ai chùn ham
muốn,

Dựa mặt vào cây đứng nghĩ đâu đâu.

Chiều lên nhiều.

Thì hóp thêm vài muỗng
Cà-phê
Đang lẩn
Đi...



Dừa kia chẳng biết vui chi,
Phát phơ lá dạn, ai thì biết không ?

Thì hóp thêm chục muỗng
Cà-phê
Cứ xuống ..



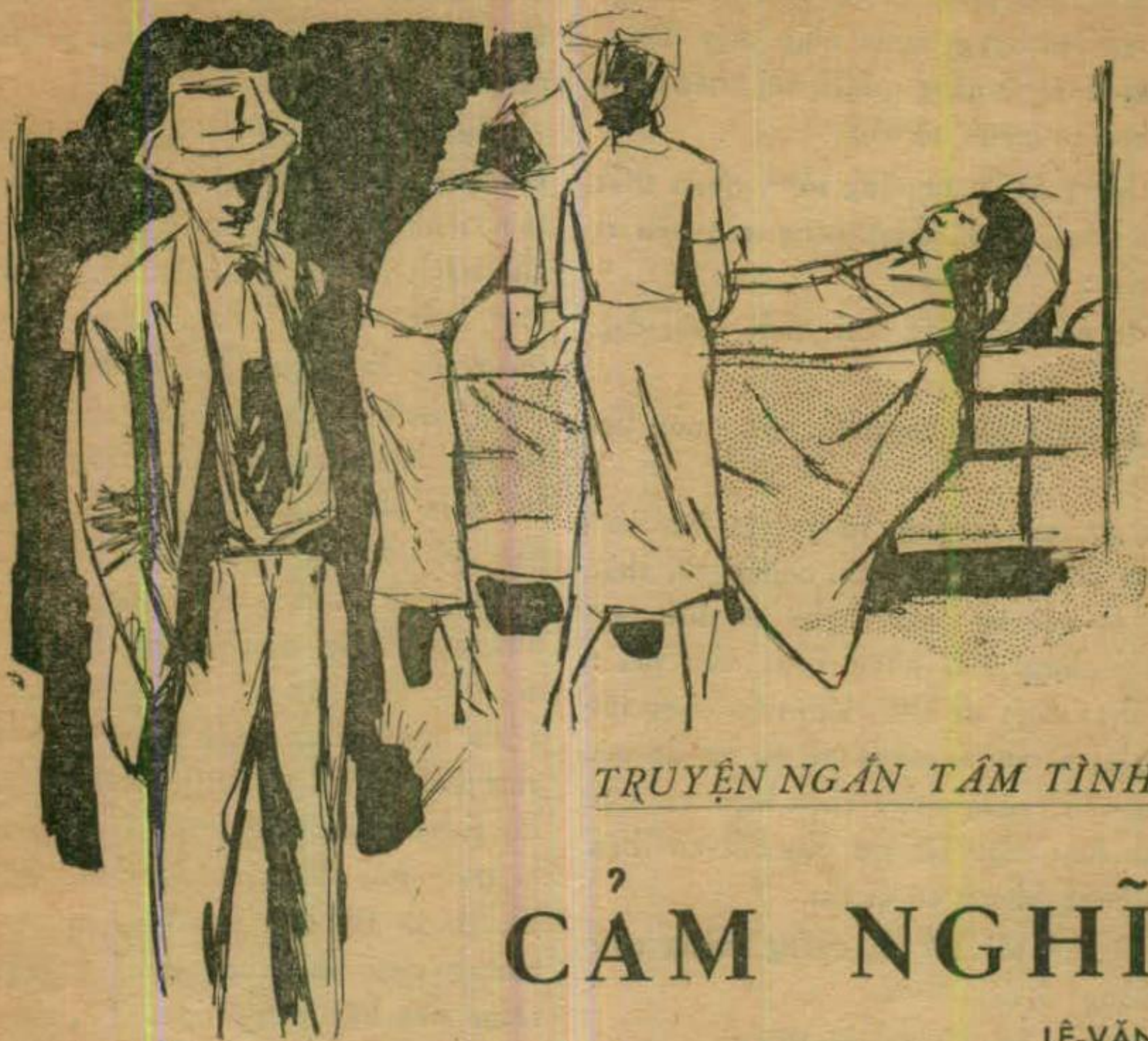
Quán đã lên đèn, đường bừng sáng điện.
Chiếc xe ai chưa chở dáng ai về.
Đèn dầu ngó cúi nhìn có đợi tấm mong tiếng?

Sở gặp may, tiếc từng rượu chầy ?
Công việc nhiều, chủ bắt ở đêm nay ?
Đèn sao sáng ? Có cái gì đang cháy ?
Mắt sao mờ ! Tim muốn nổi cơn say !

Thu sắp tàn mà cớ quyết mới đầu thu).

Đáy trời cà-phê đường động dậy...

<http://tieulyn.hopto.org>



TRUYỆN NGẮN TÂM TÌNH

CẢM NGHĨ

LÊ-VĂN

ĐƯA Liễu vào nằm trên bàn, tôi trở ra, đi đi lại lại ở khoảng đường giữa nối liền hai dãy nhà của Bảo-sanh viện Hùng-Vương. Bấy giờ vào khoảng bốn giờ, đêm 26 tháng mười một.

Sao lấm tấm đầy trời, thỉnh thoảng bỏ ngôi, rơi thành đường lấm chấm sáng. Lơ lửng một con trăng khuyết còn mỏng mảnh, đưa hai sừng trở lên nhọn hoắc, ý rằng hiện, biến là luật chung của vũ-trụ, loài người.

Sắp có con, sắp lên chức cha không làm tôi náo-nức bằng hoài vọng Liễu sớm

dứt đeo mang bụng chứa khiến nàng lết bết trông thảm-hại. Điều này, tôi ao ước ngay từ lúc nàng bỏ bữa cơm có cá trê vàng, lên xuống cầu thang phải dấm lưng bóp gối. Nỗi-niềm ấy kéo dài, nặng thêm theo chiều lớn của bụng nàng.

Ngược lại, Liễu không sợ gì cả. Nàng uống, chích thuốc cho thai mạnh. Nàng ngại con ra đời hiền quá bị hiếp đáp nên bắt đầu chống trả sự kiêu-ngạo, nói tếu của chị em cùng sở.

Có lần, tôi chở nàng đi làm trễ dưới trời mưa. Chạy lẹ, thắng gấp, xe trượt

bánh khiến nàng ngã ngời. Đứng dậy, nàng không xem mình có vết-tích gì chẳng, cứ đề tay lên bụng nghe nhịp máy động. Rồi suốt tuần lễ nàng phiền tôi khôn xiết, chín e con có mệnh hệ nào.

Đau bụng ngăm từ sáng sớm, quặn thắt lúc đầu hôm, từng chập, nàng vẫn rên rỉ mắng yêu :

— Mẹ nó, nó liếng khí quá, chòi đập tứ tung.

Nàng khoẻ hẳn một lúc sau mỗi lần nói vậy.

Một vợ một chồng sống biệt lập với gia-đình cha mẹ đôi bên, chúng tôi thật tự-do, cơ-hội này mới nghe cô đơn, sợ hãi. Vợ chưa biết bông con, tắm rửa ; chồng chưa biết đi chợ, kho tiêu cùng rút kinh-nghiệm muợn màng về sự tự-do mà thiếu tự-lập, cũng mong chợt hiện ra một ông cha hay một bà mẹ của bất cứ bên nào. Nhưng không có ai cả.

Từ 9 giờ tối tôi đã cuống cuống chờ nàng thẳng vô đây.

Khám kỹ, có đỡ ân cần dặn :

— Ở đây chặt chội, không chỗ nằm. Nhà gần, Bà về nghỉ tiện hơn. Sáng sớm, Bà ăn điểm tâm xong rồi sẽ vào cũng còn kịp.

Tôi đưa nàng về đề mà suốt đêm trăn trở, quặn đau cùng nàng. Khác chẳng nàng quặn đau vì con, còn tôi quặn đau vì nhân có con mà hối-hận đã xử phạt không tròn đối với cha mẹ.

Mẹ tôi là con một nhà Nho ở vào thời suy mạt. Mẹ tôi chưa biết chữ quốc-ngữ vì ông tôi miệt-thị « nôm na cha mách quế ». Mẹ tôi cũng chưa rành nho văn vì đang hồi kinh-tế biến-cải, chính-trị đổi thay chứng thực sự bất lực của nền tài, đức

nhỏ gia. Nhưng mẹ tôi thấm một ít giáo điều quyết vẹn giữ tam-tùng tứ-đức. Còn tôi, vô vẽ ba mớ âu-học, nhìn mẹ tôi thiếu mất khiêm cung.

Mẹ tôi lớn hơn tôi hai mươi mốt tuổi. Khoảng cách thời-gian ấy thành là hố sâu, ranh-giới giữa mới, cũ, trẻ, già. Tôi chê trách mẹ tôi sao chậm chạp, thiệt lời, may mặc bó vải toàn kiểu bà-ba hay quần đùi áo ngắn. Tôi không thấy miếng bánh chuối, khoai bánh tét do mẹ tôi làm ra là ngon nữa khi mang đãi khách lạ. Giá là bánh sữa, bánh bông lan rây rắc đường vẽ thành hoa lá hay thành chữ cung chúc này nọ có hơn không ? Nhìn người chợ lạnh lợi, nồn nà, tôi hồ thẹn có mẹ lù-dù, cục mịch. Nhìn người chợ sang giàu, làm tiền vô như nước chảy, tôi chê dè đồng quê lam-lũ, ti-tiện chật mót từng các từng xu. Tôi là trai lớn, được nuông chiều nhiều, nên lúc đi xa rất nhớ mẹ. Gặp mẹ tôi mừng nhưng ngại phải cùng đi chỗ đông người, chạm trán bạn đồng học. Tôi thấy người mẹ cần-cù, suốt đời cung-phụng chồng con, mặt nào cũng thua kém kẻ khác, thua kém ngay cả tôi nên tôi đã « ăn hiếp » Người. Rộng lòng thương con, Người vẫn hay nhường nhịn không phải vì câu « hậu sanh khả quý » mà vì điều « sanh con ai nỡ sanh lòng ».

Nhưng cha tôi, suy xét hơn, cứng rắn hơn không để cho tôi tự-do làm mưa làm gió. Ông bắt bẻ tôi từ tướng đi, tiếng nói, giọng cười và lựa mặt dờ của tôi đề chê-dè, khiển-trách. Mặt dờ ấy là tôi khoác lác, khoe khoang, nói nhiều làm ít. Đánh cờ tướng, tôi ngồi tréo ngoáy bị rầy, rung đùi cũng bị rầy. Người thật tình giáo-dục con, mà tôi, ngược lại

cứ nghĩ rằng Người muốn khôi-phục chủ-quyền gia-đình, nhưng tôi có học hơn, đô-thị hơn, « mới » hơn không đành cam tâm khuất-phục. Cuộc tương tranh giữa đô-thị đồng quê, giữa thể-hệ mới và cũ, giữa người trẻ và già ngoài xã-hội cộng động thành mỗi tương tranh gay gắt trong gia-đình tôi. Tôi sẵn bước ngổ nghịch đến đến bây giờ sắp có con mới thăm biết công ơn cha mẹ, suốt đêm trăn trở vì hối-hận dày vò.

Ba giờ khuya tôi lại phải đưa Liễu đi. Chờ nàng sanh, tôi mang tâm trạng của một lữ-hành đường chiều tạm dừng chân gác gánh : rút kinh-nghiệm đoạn lạc đường qua để định hướng cho đoạn đường sẽ tới. Tôi ngửa mặt hứng sương, hít mạnh làn không-khí lạnh lạnh tiết đông về.

Gió chạy ào rào trên tàng cây trướng cá. Gió đùa cò... Xa xa có tiếng động cơ xe, gần đây, nổi lên tiếng khóc tí-tê, tiếng rên đau hằng loạt, tiếng khuyen gượng gạo và thỉnh-thoảng một hài-nhi chào đời kêu thét oa-oa, bút thiết đòi được cung ứng tình thương.



Trời ửng sáng, Liễu vẫn chưa sanh được. Số nữ hộ-sinh chao-rao đông hơn. Tôi bắt gặp những cặp mắt sẽ lên nhìn tôi báo hiệu chẳng lành. Thêm có bác-sĩ, ông này rồi ông nữa. Tôi được mời vào phòng sanh lắng nghe giải-thích :

— Theo khám - nghiệm của chúng tôi, Bà đây sanh khó. Chỉ có hai cách : một là cứ sanh thường, bao giờ sự cố-gắng thành vô-hiệu sẽ mổ, hay là mổ trước đem con ra. Điều sau lợi hơn vì Bà không phải phí sức.

— Không cách nào khác hơn nữa sao Bác-sĩ ? Cách sanh kèm chẳng hạn ?

— Gần tới giờ sanh, hài nhi còn nằm cao quá, chưa chịu xuống. Phần đầu em nhỏ cứng và xương chậu của Bà chưa chịu nở nên mổ đem con ra là cách hay nhất. Nghe mổ, ông sợ chớ khoa giải-phẫu bây giờ bảo-đảm lắm.

Bác-sĩ tiếp :

— Nếu ông đồng-ý thì xin ký tên vào giấy này.

— Phải vậy nữa sao ? Tôi kêu lên trong lòng như thế và bỗng nghe hồi-hộp lạ.

Đè tay lên ngực một lúc tôi mới nói được :

— Có cần cho vợ tôi biết không ?

— Không cần. Giờ chót mới nói thôi.

Cầm viết máy do chị hộ-sinh trao, tôi ngần người, dờ ra như thí sinh trước một luận đề nan giải. Chữ ký của tôi nó sẽ là chữ ký của nhà hành-luật trong bản án tử-hình chẳng ?

Tôi bất giác kêu lên :

— Thưa Bác-sĩ, không được.

— Không được gì cơ ?

— Thưa Bác-sĩ, không thể giấu vợ tôi được. Ở đây, chúng tôi có một vợ một chồng, sinh mạng nàng phải do nàng quyết-định. Bác-sĩ cho tôi hỏi lại vợ tôi, nếu vợ tôi chịu thì cứ mổ, bằng không, tôi tưởng nên cắt con thành nhiều mảnh đem ra để cứu mẹ. Chúng tôi chưa may mắn có con thì...

Bác-sĩ vui vẻ :

— Tôi ngại Bà biết trước đâm hốt-hoảng sẽ gây nhiều trở ngại cho công việc. Ngoài nghề, nghe nói đến mổ, ông sợ.

TÌNH THU

Lá thu rụng mấy phương trời
 Tình thu bằng bạc mấy người
 quên yêu

Vàng dăng, úa ngáp tiêu điều
 Ngõ đầy rêu nhạt, lối nhiều
 lá khô

Tình thu ướt cả sông hồ
 Thương em mắt biếc nằm mơ
 áo hồng

Mộng đời chờ dọc dòng sông
 Bướm vàng trong nắng vàng
 trong vãn về

Thu buồn phai cả lòng quê
 Người tha phương vẫn chưa về
 đất xưa

Trời chiều đan bóng mưa thưa
 Đời vui chi? mối duyên hò
 mấy năm?

Bao nhiêu mong nhớ âm thầm
 Bấy nhiêu mộng寐 về trong
 đêm trường

Tâm tình lạnh với hơi sương
 Đều hiu tiếng gió, se buồn
 tiếng thu.

HUY-TRÂM

59

Chớ tôi bảo-đảm với ông trong ba bữa,
 Bà sẽ nói chuyện tíu-tít như thường.

Bác-sĩ cười tự tin nhưng tôi nghĩ khác:
 Nếu chắc ăn thế thì buộc ký tên bảo-đảm
 không thừa kiện làm gì. Nghe nói mỗ tôi
 không sợ bằng buộc phải ký giấy cam-
 đoan. Tôi nài nỉ:

— Bác-sĩ hiểu dùm hoàn-cảnh chúng
 tôi. Dù gì cũng phải do vợ tôi quyết-định
 việc này. Tôi không thể dùng quyền hạn
 của một người không bị banh da xẻ thịt
 để quyết-định cho người khác banh da
 xẻ thịt.

— Tùy ông.

Được lời, lòng cởi mở, tôi bước đến
 bàn Liễu nằm.

Cơn đau đã làm cho nàng xuất toát mồ
 hôi, run toàn thân, tái mặt. Tóc nàng xòa
 ra rối bời. Còn đâu là phong độ xuân-thì.
 Hình ảnh này và hình ảnh ngày cưới, đâu
 là hình ảnh thật của đời nàng? Và hình
 ảnh nào đáng được kính yêu?

Tôi sẽ vuốt mớ tóc vương vãi miệng
 nàng:

— Em có sao không?

— Con mình lung tung lắm. Nó chời
 đạp quá, khi gần sanh.

Tôi cúi đầu lặng thinh nghe nàng hồn-
 hèn tiếp:

— Bác-sĩ nói chừng nào sanh được đó
 Anh?

— Lát nữa, nhưng phải mỗ.

Liễu bình-tĩnh:

— Mỗ cũng được, cốt sao con mình
 mạnh giỏi.

Tôi chụp vội hai tay lên đầu, kêu một
 tiếng nhỏ đầy kinh ngạc. Liễu mím đôi môi
 xanh lét cho qua một cơn đau. Chỉ vì con,
 ở phút đau chết người này nàng vẫn chỉ vì
 con. Thế gian này còn gì cao hơn thế nữa?

Tôi tưởng nàng sẽ hốt-hoảng khi nghe
 nói mỗ. Nhưng không, nàng thản-nhiên
 quá trong khi tôi kinh-dị, trố mắt, thấy
 quanh thân nàng có những lóe hào-quang
 rực-rỡ cực kỳ.

Tôi trở lại bàn, điền vào chỗ trống trong tờ giấy cam-đoan. Động lực nào khiến tôi chớ chính tôi không nghe là tôi viết được. Gạch dứt xong chữ ký, tôi thất thểu ra ngoài đón gió hừng sương, thăm tình mẹ con cao đẹp và nghĩ tiếp về những ngổ nghịch ngày xưa.



Cánh quạt máy lạnh kêu hu-hu như tiếng gió thổi miệng chai chiều ngược. Liểu nằm dưới thang, lưới lè ra giữa hai vành môi để nhều nhão mấy dòng nước. Da nàng tái xanh như da người chết dưới. Mắt nàng trắng lợt, trông đứng, hai mi trên dưới khép hờ. Tôi cũng se lạnh, mũi ngọt ngọt nhưng không băng-giá, rồi bời bằng những lạnh lòng và những cảm nghĩ thoát đến miên-man.

Trước tiên, tôi cảm ơn khoa-học, trong lúc, về vài phương-diện, khoa-học bị lên án. Nhứt là từ ngày hai trái bom nguyên-tử vùi dập xứ anh-đào. Những phát-minh mới về các loại bom, hỏa-tiến liên lục-địa, vệ-tinh, những cuộc thí-nghiệm làm nhiễm xạ hoàn-vũ, càng làm cho khoa-học bị « mắng nhiếc » thậm-tệ. Nghĩ mà tội-nghiệp cho sự lăm-lẫn của một số người. Có mỗi một việc ứng-dụng khoa-học để cải-thiện nhân-sinh cũng không làm được để cho đến nỗi gây ông đập lưng ông (1).

Tôi cảm ơn khoa giải-phẫu giúp giải-quyết trường-hợp sanh lâu để khó, tôi cảm ơn ống thuốc, kim tiêm. Tôi cảm ơn máu lạnh đã cướp quyền tạo-hóa ướp lạnh một khoảng không-gian, cứu nguy bao sinh-mạng. Đồng thời tôi ao-ước cho này sinh một lý-tưởng mới, lý-tưởng

ứng-dụng khoa-học phụng-sự nhân-loại phụng-sự hòa-bình.

Tôi ngó quanh tìm lấy sinh-vật biểu đồng tình. Nhưng không có ai cả. Phòng lạnh khá rộng, có bốn giường, hôm nay chỉ có vợ tôi nằm. Tường quét vôi trắng, màu đoạn dưới chân xám xanh. Trông kỹ, đếm tất, có mỗi con thằn-lằn là lo đếnh xê-dịch.

Không nản, tôi dăm dăm nhìn lên mặt tường trắng tường đó là một trang kinh vô tự hẳn lên điều đáng tội-nghiệp khác của loài người.

Bấy lâu người ta bàn cãi về nam nữ bình-quyền nhưng chưa đạt-ly. Hò-hào, cồ-võ, đòi bình-quyền bình-đẳng, người ta căn-cứ vào con số phụ-nữ nhiều hay ít, khả-năng chánh-trị, kinh-tế của phụ-nữ cao hay thấp. Giá-trị thật của đàn-bà thì không mấy khi đặt cho rõ đúng. Giá-trị đàn-bà, theo tôi, không phải là đẹp, là phấn, là son, là tài cao, là học rộng, là chức-vị, là đảm-đương mà là giá-trị tác tạo con người, cứu-mang bào thai, sanh con đẻ cháu. Tôi nghĩ rằng đây là một quan-niệm dân-chủ phù-hợp với nhân-vị vì với tiêu-chuẩn này, mọi người mệnh danh phụ nữ đều có một chân giá-trị về căn-bản như nhau. Ấy vậy mà tự ngàn xưa, bị đàn ông « hún hiếp », cho sanh đẻ là nhờ uest, hôi tạch rồi đàn bà cũng tự ti nhận như thế nữa. Bao nhiêu thành kiến Đông, Tây, kim, cồ đều chề dè, « xỉ vả » đàn bà vào thời họ sinh-sản. Người ta gớm ghiếc máu đàn bà. Tương truyền máu ấy chỉ dùng để đánh phá trận đồ, xua đuổi tà ma, thần thánh mà thôi (1). Thói thường, vợ sanh, chồng không dám bước vào buồng, sợ dơ dáy, sợ « phong long ».

Quần vợ sanh chồng không dám giặt sợ « cùng » tay, hôi hám. Đến thức ăn của đàn bà sanh cũng bị coi là món làm trí huệ ngu dần. Tôi nhớ có lần Má tôi sanh, nhân ăn vét tô cá kho tiêu còn lại của Người, tôi bị Bà Nội tôi bắt cúi đánh hai roi, nghiêm trang răn dạy :

— Ăn như vậy mê-muội, còn học hành sao được (1)

Các nhà đạo đức, triết-lý, xã-hội-học ơi ! Bao giờ đặt định lại giá-trị đàn bà ?

Tôi đề tai lên ngực vợ tôi, lên chón cò, lên mũi, tìm dấu hiệu nói rằng nàng còn sống. Tôi thấy cần nàng quá, cần một người đề thờ-lộ tâm-can và đề được tán đồng. Tôi cũng muốn hỏi nàng rằng nàng có thắm nghĩa câu « dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân » ? Nhân lần có con, nàng có cùng tôi tâm đắc về những tội lỗi đối với cha mẹ đề đừng bao giờ tái phạm, dù với lý do nào, kể cả lý do chánh-trị ?

Quạt máy lạnh vẫn kêu hu-hu. Tội lỗi vây lấy tôi nặng trĩu. Rồi tôi tự hỏi, cha mẹ tôi có tha thứ cho tôi chăng ?

Tôi sờ chân tay vợ tôi lạnh ngắt. Tôi muốn kéo nàng dậy đề nàng chia sẻ với tôi bao điều hối-hận nhưng nàng vẫn thiêm thiếp, lịm người ! Bỗng dưng tôi lại giận con tôi. Nếu vợ tôi có mệnh hệ nào...

Ra bây giờ tôi mới nhớ tới cậu trai ấy. Tôi rón rén ra khỏi phòng.

Từ không khí lạnh lạnh trong phòng, cách một cánh cửa sang không khí nóng của buổi trưa tháng mười một làm tôi lão đảo. Tôi nghe bị ngọt thờ, bị bao vây, đứng tần ngần một lúc mới bước xiêu tó về phòng dưỡng nhi, bàng hoàng với chức vụ mới : làm cha.



Vừa khóa xe, tôi vừa tự bảo :

— Hôm nay chắc Liễu thật mạnh. Nàng có thể bắt đầu nghe những cảm nghĩ của tôi.

Trời dầm mây ngang. Những áng mây thay màu và thay hình luôn, chập chùng ở lưng trời. Tôi đã nghiên-cứu kỹ đề định thói quen vào thăm nàng lúc này. Vì theo lệ của Bảo-sanh viện, tôi phải từ giả nàng vào 6 giờ chiều hôm trước đến suốt đêm và nửa ngày sau. Người gác cửa nghiêm mật một lúc khoảng 6 giờ chiều đến 9 giờ tối và từ 7 giờ sáng đến trưa hôm sau. Từ 9 giờ đêm đến 6 giờ sáng, cửa Bảo-sanh viện khép hờ, mặc sản phụ ra vào. Nhứt là khoảng năm, sáu giờ, giao thời của ngày, đêm, giao thời của công việc mà mọi buổi giao thời đều hỗn mang nên tôi vào thăm Liễu không phải trình-diện, năn-nỉ ai cả.

Tôi định sẽ nói luôn với Liễu những cảm nghĩ tôi có chính thật là do nàng sáng tạo. Do đấy, tôi sẽ hiểu rõ giá-trị của tôi trong sáng-tác. Bấy lâu tôi cứ tưởng viết được gì ấy là do công sức của riêng mình. Nhưng không phải. Cốt chuyện tiểu-thuyết hay chuyện ngắn quả tình do cuộc sống của nhiều người chung góp. Tôi ghi lại tâm-lý anh A, hoàn-cảnh chị B, tôi tả mái tóc cô C, tướng đi cô X ; tôi viết về những cảnh-trí thiên-nhiên khi nắng, khi mưa, khi trưa, khi sớm, khi chiều ; tôi lược lật từ hình ảnh cây cao-su Miền Đông đến lá dừa nước ven sông Cửu Miền Tây vân vân... Tôi chỉ là thợ nấu ăn có trước mắt thực-phẩm đủ loại, và gia-vị : mỡ, tiêu, hành, ớt, tỏi... Công việc tôi làm là « xào nấu » có khéo hay không. Công sáng tạo là của mọi người, mọi vật, tôi chỉ góp phần nhỏ,

rất nhỏ, chưa đáng hãnh-diện như bấy lâu. Tôi sẽ nói với nàng cảm nghĩ chột đến này, tự dặn mình và kính gởi ai kia rằng mọi thành quả của bất cứ địa-hạt nào đều không do công sức một người, dù đâu đề riêng mình tự phụ, xem trời bằng vung, đặt người dưới mắt.

Cánh cửa rít một tiếng ngẩn thay lời tôi đánh thức Liễu. Nhưng lạ, nàng có ngủ đâu. Đôi mắt thâm quầng và nụ cười héo ứa nở gượng gạo trên môi nàng đã nói lên điều đó.

Tôi chưa kịp hỏi nàng, nàng đã hỏi tôi :

— Giờ này, đi thăm con được chưa Anh ?

— Chưa đâu. Mà chi vậy ?

— Tưởng thăm được. Anh qua thăm con một chút.

Tôi hỏi gấp :

— Con làm sao đó Em ?

— Đêm hôm nó khóc quá.

Ngưng một lúc, nàng tiếp :

— Đêm hôm có mấy chị ở bên phòng dưỡng nhi qua chơi. Họ nói con mình bảnh lắm, mạnh hơn hết trong cô cậu ở đó. Nó háu bú và đòi đòi bú sớm hơn ai hết.

— Nên em sợ nói dối sớm, nó khóc chớ gì ?

Liễu rung rung nước mắt, đáp khác đi :

— Hay vậy, sao đêm nay em nghe tiếng khóc nhiều quá ! Nhắm mắt mãi vẫn không ngủ được.

Nàng dãn đôi mắt lơ-lơ trên trần nhà nói như mơ :

— Mới sanh mà không có cha mẹ gì gần hết... Con nít khóc không ai dỗ, tím

DUYÊN TRĂNG

Ta sống giữa những mùa trăng
quá đẹp,
Đời dịu-hiền tình-tú nhà châu thơ.
Bàn tay non hoa phấn giải trăng mờ,
Sao muốn khóc địa-cầu xa vời-vời.



Muôn tơ trắng ân-tình ta miễn gởi,
Bút thơ thần vào mạch máu tim ta.
Chép nghĩa yêu muôn điệu nhạc
ngân-hà
Trong cõi mộng thương thương sầu
trăng lạnh.



Hoa điểm-ái hương thơm trời hiu
quạnh,
Hội tình-ca tình-tú sáng mê say.
Ta ước mơ vì lòng dạ ngất-ngây.
Nhìn về đẹp trăng hồng trong đêm
trăng.



Muôn tình-tú dịu-hiền tung ánh-sáng,
Nhập hồn ta cho lệ ngọc tiêu-tan.
Hương tình thu vẫn đọng phím cung
đàn,
Dâng nhạc-ái về hoa trăng ngọt lịm.

THANH-AN

mặt, lạnh tay lạnh chân, chết được... tội nghiệp !..

— Nhưng chắc gì tiếng ấy là con của mình.

— Con mình mạnh hơn hết, hấu ăn hơn hết, cho bú giờ theo trẻ em khác, chịu sao nổi. Nó khóc chóe còn ai ?

Liều quả - quyết, tôi không cãi, lặng thinh nhìn nàng.

Mấy hôm nay, vết mồ vẫn hiện, đã chắc nàng sống sót. Bác-sĩ cho phép Liều uống nước sôi, uống sữa rồi ăn cháo. Nàng lấy lại vẻ tươi tỉnh trong niềm vui rộng lớn : sanh con trai.

Trọn đêm mất ngủ làm mi mắt nàng thâm quầng, tóc xòa đã rụng. Tôi thấy tay nàng khẳng khiu hơn và người nàng như sắt hẳn xuống nệm. Tôi bỗng no giận, không định rõ giận ai.

Tôi nói :

— Thân em, em không lo bảo dưỡng, lại đi lo cho con. Em quên là vì nó mà em suýt chết.

Liều thần nhiên đáp :

— Nhưng nó là con mà.

Tôi lặp lại như tiếng dội : Nó là con mà.

Tháng này lạnh lẽo, không hiểu người ta có đắp ngực nó không ? Mình có thể gói gấm đề họ cho nó bú thêm không ? Liều ngoảnh đầu về phía trong, giấu dòng nước mắt.

Tôi bồi hồi lai láng, ôn nhớ những điều đã cảm rồi nghĩ, nghĩ rồi cảm thêm nhân cuộc đời nàng sinh nở.

Tôi đã hiểu đàn bà khác hơn, nhìn khoa-học khác hơn, định « công » của mình trong sáng-tác phẩm khác hơn. Và cũng nhân cuộc này, tôi ôn nhớ, cảm nghĩ rất nhiều về công ơn sanh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Có điều hãy còn thắc mắc là tôi gây lỗi với mẹ cha nhiều quá, biết

Người có tha thứ cho chăng ? Điều đó, Liều giúp giải đáp bằng một câu ngắn ngủi : Nó là con mà.

Tôi bất giác nhớ đến bài thơ lục bát đã học ngày xưa :

— Công cha như núi Thái-sơn,

Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra ...

Công nhiều nhưng không ai kể. Đáng kể là ít người cha mẹ được vừa ý vì con. Giọt nước chảy xuống, cha lo cho con, con lo cho cháu, tự nó âu cũng có luật bù trừ. Nhưng đợi mãi đến lúc có « dưỡng tử » mới « tri phụ mẫu ân » e trễ tràng chăng ? Có cách nào khác hơn chăng ?

Tôi mang thắc mắc chót ấy ra cửa Bảo-sanh viện, chịu cho người gác lần đầu bắt gặp, rầy gắt một trận : đột nhập trái phép.

Tôi không buồn, trái lại vui vui, mở khóa xe, trước khi cùng lao đi với dòng người dồn dập tranh đua cuộc sống, đã ưỡn ngực, hít mạnh, hướng mắt về phía chân trời rạng sáng báo hiệu một ngày tươi sáng dần lên.

LÊ - VĂN

HỘP THƯ

Ông Trần-Đại, 33 trại Thăng-long — Phú-Thọ — Chợ-lớn.

Viết hay in Hoa-kì, mĩ-thuật, chi-lí triết-lí, tỉ-dụ, hay bác-sỹ, hùng-vỹ, giáp-tý, Thy-Thy Tống-Ngọc..., chẳng phải là viết sai hay in bậy, như ông nghĩ.

Chữ nước ta là chữ ghi âm, mỗi âm có một dấu-hiệu, đặc biệt âm i có đến hai dấu hiệu : i và y. I và Y giá trị khác nhau trong các vần ay, dy, uy, còn đứng sau một phụ âm, thì các tự điển có uy-tín cũng như các sách văn phạm có giá trị đều « dễ dãi » và công nhận hai cách viết.

Còn cách viết biệt hiệu của các tác-giả, thì nhà báo có bổn phận tôn trọng.

Riêng về hai vấn đề này, nếu ông cần biết rõ, xin mời ông khi nào rồi, ghé tòa soạn để cùng trao đổi ý kiến.

MƯA ĐÊM

Kính chị My « Đề thương »

Đêm nay gió về,

Hồn run ý lạnh.

Chị ơi!

Từ quê xa vạn dặm

Trăm trăm,

Nước nở,

Nhạc Quê-hương

Theo gió đổ về đây.

Mưa tràn về,

Mưa giăng mắc.

Mưa rơi...

Mờ mờ

Ảo mộng

Hình bóng Mẹ già,

Đôi tay gầy chơi với

Vẫy con thơ.

Bốn Xuân rồi! Chị ơi!

Xóm làng xa cách!

Khoai leo bờ dậu,

Cỏ phóng vườn thưa,

Cau non đổ trái,

Ruộng lúa khô bờ.

Sầu Quê-hương vời vọi,

Hồn Đất-Nước mang mang.

Lệ chảy đôi vai gầy

Người Em chị

Biết nói gì hơn?

Bốn Xuân rồi! Chị ơi!

Xóm làng xa cách!

Sân rêu vắng lặng,

Nền đất ủ ê

Tình thôn dã.

« Nào đâu những buổi sớm chiều,

« Mẹ già tựa cửa mình xiêu vóc gầy

« Đàn em rộng mở đôi tay,

« Vui cùng Anh, Chị, năm nay

được mùa. »

Đất Bắc năm xưa,

Mẹ già dặt chầu,

Vừa đi vừa khóc.

Lệ thấm đôi vai,

Sầu dằng mái tóc.

Chị ơi!

Mưa rơi...

Nàng nặng... mưa rơi...

Giờ đây

Thao thức một người

Ly hương!

.

Xa xa,

Tiếng ai hò văng vẳng.

Canh tàn rồi

Chị ơi!

Ngoài sân gió rít.

Đêm về.

Hiu quạnh.

Mưa rơi... lạnh lạnh

Mưa rơi...

Có một người,

Đêm nay mưa gió ngợp trời.

Nằm nghe mưa đổ

Ngủ ngủ nhớ quê...

NGUYỄN-ĐỨC-THU



MỘT ĐÊM TRUNG-THU

VŨ-QUỲNH-BANG

BÂY giờ thì anh yên-trí lắm rồi, yên-trí vì lũ con anh không quấy rầy anh nữa. Mấy đứa lớn đã theo lũ bạn chúng ra sân vận-dộng dự lễ Trung-Thu. Còn mấy đứa nhỏ thì ngủ với mẹ chúng trong nhà.

Anh nằm yên lặng ngắm trăng, trên cái ghế xếp đề ở một góc sân, trong cái thái-độ của một kẻ mà cuộc sống đã dành cho những giờ nhàn rỗi để thưởng trăng theo kiểu các tao-nhân mặc khách thời xưa.

Trước mặt anh, chân trời phía Đông hừng lên, y như ở chỗ đó có một thành-phố đầy ánh sáng. Trăng Trung-Thu giống hệt như một cái nong bằng vàng rất lớn. Tự nhiên anh nghĩ đến một cô đào hát sấm vai Hoàng-hậu thời xưa đang vén màn bước ra sân khấu trong lúc ánh sáng

đã chuyển sang một màu huyền-ảo. Cây xoài tượng sau nhà nổi hẳn lên như một tấm hình bằng giấy đen cắt gầy gọn, và dán trên một nền giấy màu vàng nhạt.

Đêm nhà quê, mới độ tám giờ mà tưởng như khuya lắm. Anh lắng tai nghe. Chỉ có tiếng vợ anh quạt phe phẩy trong nhà. Thỉnh-thoảng nàng lại đập cây quạt mo vào đùi lộp bộp để đuổi muỗi cho con. Xa xa, tiếng lũ trẻ nô đùa ngoài sân vận-dộng nghe rì-rầm như một cái chợ đang họp ngoài đó. Tuy vậy tiếng rì-rầm đó không thể xáo trộn được cái im lặng của đêm, mà trái lại, còn làm cho cái im lặng ấy đậm thêm lên, và lan dài ra xa lắm.

Anh nhìn mặt trăng. Trăng chưa cao lắm, mà sao anh có cảm-tưởng như anh nhìn trăng đã lâu rồi. Lúc đó, trí anh

không nghĩ gì cả, mà anh lại cảm thấy như đang theo đuổi một ý nghĩ nào thật sâu xa. Giờ đây, cuộc sống ngoài kia đang đi theo cái nhịp riêng của nó, không cần đến anh nữa. Cuộc đời đã trả anh về cho anh, làm mờ dần trong trí anh những hình ảnh rõ rệt nhất của ngày thường.

Anh lim-dim đôi mắt. Nhưng anh biết rõ là anh chưa ngủ. Gió ngoài biển thổi vào rầm rập trên ngọn dừa. Anh nghe thoang-thoảng mùi thơm của hoa cau trong vườn. Gió thổi rú những sợi tóc xuống trán anh gây một cảm-giác vừa êm vừa nhẹ.

Trí anh nghe nhẹ nhõm. Và hình như mùi thơm của hoa cau có một sức quyến rũ kỳ lạ, đang dẫn trí anh từ giả anh mà đi đến một cảnh khác. Anh đã gặp ai đây đưa anh vào một cảnh sống nào mà hình như anh đã sống bao giờ, vì anh trông sao mà quen thuộc quá...

Anh vốn sinh ở đồng ruộng. Hồi nhỏ anh làm quen với cái cuốc, cái cày, chứ thực tình anh chưa hề học qua môn bơi-lội nào cả. Thảng hoặc có dịp nào về chơi vùng biển, thì anh cũng chỉ nhìn những ghe thuyền, những dụng-cụ làm cá với con mắt của người du-ngoạn mà thôi. Ấy thế mà cuộc đời oái-oăm đã đưa anh đến ở một làng ven biển, và nhập tịch làng này từ mấy năm nay để mà chịu cực chịu khổ đủ điều.

Hồi đó đang thời chiến-tranh. Không có đêm nào anh ngủ mà không thấp thỏm lo Tây đồ-bộ bất-ngờ.

Năm đó cũng vào một đêm Trung-Thu như đêm nay, anh xách chiếc chõng tre ra sân ngồi hóng mát.

Đầu hôm, trăng Trung-Thu đẹp lắm. Dân làng hồi đó đã cơ-cực xơ-xác lắm rồi. Nhưng hình như họ muốn che cái vẻ xơ-xác đó — như những người nghèo muốn giấu cái nghèo — bằng cách cho trẻ con trong làng ăn Tết Trung-Thu. Cũng gọi là Tết cho có vẻ phong-phú — vì càng nghèo, người ta càng muốn tỏ ra mình giàu trong lối dùng chữ — kỳ-thực họ cho tập-trung tất cả trẻ con trong làng ra sân vận-dộng, cho chúng tha hồ múa hát với nhau suốt đêm cho thỏa-thích rồi lúc về họ phát cho chúng mỗi đứa mấy cái kẹo đường đen, để chúng tranh nhau đứa được đứa mất, đứa có, đứa không, cười giỡn hoặc la khóc dọc đường.

Trẻ con thì còn biết gì là cực với khổ. Chúng được dịp tuôn cả ra đường, gọi nhau ầm-ĩ, múa hát với nhau, rồi lúc nào về thì chộc cho chó sữa phá giấc ngủ cả làng. Chỉ có người lớn là biết khổ thôi, nhưng mỗi người lại chịu khổ một cách khác nhau, và không hề nói với nhau, nên trông bề ngoài họ có vẻ, tuy không sung sướng lắm, nhưng cũng không đến nỗi khổ.

Đêm ấy, con anh cũng ra sân vận-dộng ngay sau bữa cơm chiều hồi mặt trời chưa lặn. Nhưng sau khi chúng đi rồi một chập, thì vợ anh chạy ra chạy vào, nhắc anh cái này cái khác, chốc chốc lại nhìn ra ngõ rồi căn nhắc anh sao không bảo chúng về sớm. Anh biết tính đàn bà hay căn nhắc và nói dai, đầu trong những lúc không đáng làm như vậy, như lúc này chẳng hạn. Anh biết trời phú cho họ tính ấy, nếu không họ chẳng là đàn bà. Nhưng anh vẫn chịu không nổi. Quả thật anh đã cực ruột về chuyện ấy lắm từ ngày lấy vợ ra ở riêng, nhưng bây giờ nói ra thì không tiện một

chút nào cả. Dân làng lại có cơ vin vào đó bảo anh lạc hậu, không dân-chủ đối với vợ con không đấu-tranh giải-phóng phụ-nữ. Còn nếu anh không cho lũ con anh dự lễ Trung-Thu thì họ bảo anh không bảo-vệ thiếu-nhi. Bộ mình anh tàn-cư, còn đồng-bào, bộ-đội thì sao ? Cuộc sống mấy năm đó đã làm cho anh rã rời từ cơ thể đến tâm hồn. Sự rã rời đã đến một mức độ làm cho anh chán nản không còn thiết đến việc gì nữa. Nhưng vợ anh vẫn cứ cần nhằn mãi làm cho anh cũng bức mình.

Từ hồi đánh nhau đến giờ, có đêm nào là anh được ngủ cho yên giấc đâu. Mà không riêng gì anh. Cả dân làng đều thế. Cứ đầu hôm, ăn cơm xong là ai lo phần này, cho áo quần, gạo rang vào bị, mang tất cả đề ở đầu giường đề phòng bất ngờ phải tản-cư. Có những bà mẹ quá cần thận, lại hay tiếc của, sợ mang không hết, nên đã may những cái bị con con, bỏ ít áo quần đồ ăn vào đó, rồi đợi cho lũ trẻ con ngủ hết, sẽ tùy theo sức từng đứa mà nhắc đầu chúng lên đeo vào cổ chúng mỗi đứa một cái. Lại còn những người nhát gan, đêm đến, mang cả giường chiếu ra ngủ ở miệng hầm.

Việc đề phòng chu đáo như vậy đã thành cái lệ chung cho cả dân làng. Chẳng thế mà mọi việc làm ăn, đến cả việc cái vĩa nhau cũng đều phải chấm dứt vào lúc chạng vạng. Anh không nhớ rõ cái lệ ấy đã thành từ bao giờ, nhưng tất cả dân làng đều biết mà không cần phải học hỏi ai cả.

Đêm đó anh nằm mãi ngoài sân đợi lũ con về. Mãi đến khuya lắc khuya lơ chúng mới chịu về cho. Anh còn phải đợi thêm một chốc nữa cho chúng ngủ say đặng đeo mấy cái bị con vào cổ chúng rồi mới đi

ngủ. Nhưng anh vừa chợp mắt một lúc, thì mấy quả đại-bác từ ngoài cửa bể nện vào làng đánh thức anh dậy.

Kề ra, anh cũng đã quen với những tiếng súng ấy từ mấy năm nay rồi. Nhưng mỗi lần có tiếng súng thì y như nổi lo sợ của anh tăng thêm một chút. Anh ngồi dậy, châm ngọn đèn dầu dừa, thụt chiếc tiêm vại cho ngọn đèn nhỏ xuống, rồi ngồi đợi. Anh đợi như vậy đã lâu lắm mà không biết mình chờ đợi cái gì. Định gọi vợ con dậy, nhưng thấy tội tội thế nào anh lại thôi.

Bên ngoài trăng đã xế. Bóng cây bàng trước ngõ ngả xuống phủ một bên sân. Ngoài cửa bể, súng đại-bác vẫn nổ đều. Rừng dừa bên bãi run lên rồi gục đầu mà chịu đựng như dân làng anh đã chịu đựng từ mấy năm nay. Tiếng súng dội lại từ các dãy núi xa, tiếng còi tu tu từng hồi dài trên cái bót gác sau nhà, tiếng mõ nhịp ba đều đặn ở các điểm canh, tất cả đã hợp thành điệu nhạc rừng rợn của những đêm dài thời loạn.

Anh ngồi hút thuốc, và lắng nghe thứ âm-nhạc đặc-biệt ấy. Mãi đến gà gáy đầu thì ngoài đường có tiếng loa lạnh lạnh :

— A-lô. A-lô, đồng-bào chuẩn-bị tản-cư A-lô, a-lô...

Ở vùng này họ đã biết chừng rồi. Hễ lệnh đầu hôm thì thường không đáng ngại lắm, vì họ cũng biết Tây không đại gì đồ bộ ban đêm. Còn lệnh gà gáy thì y như mười lần có cả mười. Họ nói cũng có lý lắm nên đem kinh-nghiệm ấy phổ-biến cho cả làng, chứ riêng anh thì từ mấy năm nay ở đây anh chưa thấy Tây đồ bộ lần nào nên cũng chưa biết chuyện ấy.

Lúc thấy tiếng loa, cả xóm anh ở vùng thức dậy một loạt. Họ nhốn nháo cả lên,

gọi nhau, chửi nhau, đập vào nhau thui thui, rồi thúc dục nhau la ó rần rần như giặc dậy tuy lúc đó giặc chưa đến.

Khi anh đưa cả vợ con ra con đường truông nhỏ sau nhà thì tất cả dân xóm anh đều có mặt ở đó. Xóm anh ở phía trước là biển, phía sau là núi. Con đường này là đường độc đạo để thoát thân lúc có biến. Đó là một đường truông nhỏ, có nhiều bậc đá, len lỏi giữa hai bờ rẫy ánh trắng soi lờ mờ. Nước mưa mấy hôm trước từ trên núi chảy xuống mang theo gai gốc và lá mục lấp vào các lỗ đất bị xoi lở. Nhưng mặc. Họ bồng bế, dắt dìu nhau, tay xách tay mang, chen lấn nhau và có khi dẫm cả lên nhau mà đi. Người sau bước theo chân người trước như một đàn vịt. Ngày thường, nhìn riêng từng người anh đã để ý đến những cử-chỉ chậm chạp, dờ dẩn của họ. Ấy thế mà lúc đó người nào cũng hành động nhanh-nhẹn hết sức, y như tất cả đều cử-động theo sự điều-khiển của một bộ máy, mà động-cơ chính có lẽ là nỗi sợ lớn lao trước cái chết bất ngờ có thể đến với họ.

Anh dắt vợ con theo đám đông ấy. Sau lưng anh, tiếng ốc, tiếng mõ, tiếng loa mỗi lúc một thêm dồn dập, như theo đuôi, hăm dọa anh làm cho hai chân anh cứ chốc chốc lại chạm vào nhau.

— A-lô... a-lô... Đồng-bào tản-cư. Tây đồ bộ Vũng-tàu.

Vũng-tàu cách nhà anh đến hai cây số. Vì vậy anh cũng bớt sợ phần nào. Với lại hình như lúc giặc chưa đến, nỗi sợ như cứ lớn dần lên, mà bây giờ giặc đã đến, nỗi lo sợ chỉ hạn đến đó là hết. Tự nhiên anh nghe lòng bình-tĩnh lại.

Lúc đó anh suy tính là nếu anh cứ tiếp tục theo cái đám quần-chúng ô-hợp này thì thế nào cũng lộ mục-tiêu, giặc biết thì chết cả nút. Nghĩ vậy, đến một chỗ đường rộng, anh ra hiệu cho vợ con anh dừng lại, rẽ sang lối khác, cũng men theo một con đường nhỏ theo bờ rẫy.

Anh không nhớ đã đi được bao xa, thì anh dừng lại trước một cái hầm trú-àn. Hầm này có vẻ rất kiên cố và bí-mật, vì đào luồn dưới gốc ba cây dúi đứng gần nhau. Miệng hầm che kín mít nhờ một tàn lá dúi khá dày, muốn vào phải dùng sức mới dờ nổi. Anh thoáng thấy hình như lúc đó có nhiều người đang ngồi gần miệng hầm, nói chuyện thì thầm với nhau. Chừng nghe có người đến, họ xô nhau chạy tụt vào trong, vì anh nghe rõ tiếng bước chân dồn-dập lụi-hụi.

Khi họ biết chắc-chắn không phải Tây, thì một người nhảy ra khỏi miệng hầm, đôi mắt này lửa :

— Ai bảo các người đến đây ?

Anh kịp nhận ra người nói câu đó là anh Hý làm Xã - đội - trưởng dân-quân. Thường thì anh cũng quen anh ta, nhưng lúc đó nghe anh ta sừng sộ, anh đành đứng lạng mà nhìn. Vợ anh vốn sợ anh hay cãi cọ lời thôi như ở nhà, nên vội năn nỉ :

— Chúng tôi đi lộn. Các anh làm ơn chỉ giùm chỗ núp đỡ.

Anh Hý được dịp, nhất là trước mặt đàn bà, đề tỏ ra anh là cán-bộ quan-trọng, nên anh dồn tất cả sự kiêu-hãnh trong câu nói :

— Chứ các người không có hầm à ? Lơ là công-tác Kháng-chiến thật. Đi chỗ khác.

Thực ra thì nhà anh cũng có hầm đào từ hồi mới xảy ra chiến-tranh. Nhưng hầm đó sao mà anh thấy nó trống trải quá, đã gần nhà, lại sát bên đường đi. Nên thường anh chỉ dùng đề núp tàu bay tạm, và đề phòng lúc Ủy-ban có đến kiểm soát thôi, còn lúc có giặc thì anh dự định sẽ lánh chỗ khác, vào tận xóm trong sau dãy núi sau nhà thì mới tránh Tây được.

Anh thấy khó chịu khi nghe câu nói của anh Hý, thì vợ anh đã nắm tay anh lôi đi. Ra ngoài nàng còn hơn hờ bảo anh :

— May quá. Lộn hầm của Xã - đội. Chắc thế nào cũng bị phê-bình. Chưa chừng còn bị cảnh-cáo toàn xã.

Anh mỉm cười vì tiếng « may quá » của vợ anh. Đã đi lộn hầm, bị người ta chửi cho thì còn may nỗi gì kia chứ. Nhưng lúc đó một chiếc tàu bay « bà già » đang bay lơ-lửng trên đầu anh, như theo dõi từng cử chỉ của anh, làm cho anh rối trí. Một loạt đạn nổ ròn. Anh hoảng-hốt lôi phăng vợ con vào một đám tranh gần đó, chọn chỗ tranh tốt nhất để núp đỡ.

Cả gia-dình anh xúm-xít trong góc đám rầy, sau lưng là một bờ đá cao lau sậy mọc bi tít. Những loạt súng tiều-liên thi nhau nổ ròn. Quanh anh đạn bay rào rào xuyên qua lá tranh rền rẹt. Sợ rủi vương phải đạn anh bảo vợ con nằm rạp cả xuống. Anh cúi nhìn rất lâu vào cái má phúng phính của thằng bé nhỏ nhất, bị lá tranh cắt, máu chảy ri - ri. Vợ anh vừa khom lưng cho con bú, tay vỗ khe - khe vào mông nó, vì một tiếng khóc của nó lúc này có thể gây tai-họa cho cả nhà.

Tiếng đạn vẫn nổ ròn làm rung động cả một vùng. Lỡ thế, anh đành núp luôn ở

đó cho đến xế chiều thì mới có tiếng loa hồi-cư.

Anh đưa được vợ con, nhất là mấy đứa nhỏ đã là vì đối, về đến nhà thì mệt quá sức. Anh nằm sãi sòng trên phản, lim-dim đôi mắt, mơ màng trông một con nhện đang giăng lưới trên trần nhà.

Một tiếng chó sủa làm anh giật mình, ngó ra cổng. Hai người dân-quân, mặt đỏ gay vì nắng, lẳng lẳng đi vào nhà anh, vẻ quan-trọng hiện rõ trong thái-độ lăm lỳ và hách-dịch của họ. Anh chưa kịp hỏi thì một người đã nói như truyền lệnh :

— Xã mời anh về cơ-quan có việc cần.

Anh làm Cán-bộ Bình-dân học-vụ, hàng tháng, có khi đến hai ba tháng mới về xã hội nghị một lần. Nay Tây vừa đồ bộ xong, thì xã lại mời anh có việc gì, mà lại việc cần nữa. Anh còn ngờ ngác chưa hiểu thì vợ anh vừa ở nhà dưới đi lên, nhìn hai người khách rồi bảo anh :

— Đợi một chút, ăn vài hột cơm rồi đi. Từ sáng giờ chưa ăn gì.

Có lẽ hai người dân-quân tưởng lầm vợ anh nói với họ, và câu nói trông đó có vẻ khiếm-nhã đối với những người như họ đã hy-sinh để bảo-vệ xóm làng, bảo-vệ nhân-dân, nên vừa nghe nói, một người đã quát mắt bảo :

— Không đợi được. Lệnh là lệnh. Công-tác làm không kịp, còn ngồi chờ đợi các người ăn uống nữa sao. Bộ tưởng bọn này no nê lắm chắc.

Vợ anh nhìn anh. Mắt nàng chớp lạnh mấy cái. Hình như linh-tính cho nàng biết sắp có việc không hay xảy ra. Riêng anh anh cũng đoán chắc là có việc hệ-trọng, vì tiếng mời khi này không có chỉ là mời cả.

MƯA NHỚ MÙA THU CŨ

Mưa giăng mờ bốn phía
 Lòng anh mấy cách xa
 Lòng anh mây trắng lấm
 Nhịp sầu lên thiết-tha.



Mưa nhớ mùa thu cũ
 Lòng em như hướng gió
 Lòng em mấy độ thuyền
 Anh còn đi lối đó.



Mùa thu nào già-biệt
 Hành-trang: hai bàn tay
 Và tay đầy bóng nắng
 Và hồn đầy bóng ai



Dậu xưa buồn cuối ngõ
 Nước xưa buồn cuối nguồn
 Chiều nắng phai thêm trước
 Áo xưa giờ ai đan?



Mưa nhớ mùa thu cũ
 Lòng em mấy độ thuyền
 Lòng anh mây trắng lấm
 Còn biết thuở nào quên?

ĐÌNH-CƯỜNG

Anh lặng lẽ xách chiếc nón dưới gầm phản rồi đi ra ngõ. Vợ anh bỗng con tưa cửa nhìn theo anh. Trên mắt nàng hình như có ngăn lệ. Thú thật lúc đó anh không có can-đảm quay nhìn trở lại, dầu chỉ một phút thôi cũng có thể làm cho anh khóc mất.

Đến Ủy-ban xã, anh mới ngã ngựa người. Thì ra anh bị bắt.

Đêm ấy anh bị nhốt trong cái lấm lúa của nhà hội làng, lâu nay vẫn dùng làm cơ-quan Ủy-ban xã. Lấm lúa lát ván, vách xây đá ong, bốn bề kín mít.

Đêm đã khuya, anh vẫn còn thao thức. Lúa trong lấm đã hết từ bao giờ, nhưng lũ chuột vẫn chạy qua chạy lại, sục sạo, đuổi nhau chí chóe cả đêm. Lại thêm mùi cứt gián cứt chuột, mùi ẩm mốc xông lên ngạt thở. Cứ mỗi lần cựa mình, lớp trấu trên nền ván châm vào da thịt, làm anh không tài nào chợp mắt được, tuy lúc đó anh vừa đói vừa mệt rã rời cả cơ thể. Anh lắng tai nghe. Bên ngoài mấy người dân quân canh gác đang nói chuyện thì thầm với nhau; qua lán cửa ván đóng kín mít, anh nghe như vọng lên từ dưới âm-phủ.

Sáng hôm sau thì anh được đưa lên lao huyện. Ở đây anh được ăn những bữa cơm tù đầu tiên trong đời, gồm mỗi bữa một chén cơm gạo hầm và một miếng thơm dầm mắm nằm trên. Nhưng bữa cơm đầu tiên anh đã bằng lòng trả lại hết sau khi vào phòng hỏi cung, anh bị hai cái đá liên tiếp vào bụng của tên Công-an huyện. Sau đó anh bị khai thác hai ngày liền. Hết giờ khai thác, anh về nằm trên cái sạp tre, đặc biệt nhất là nhiều rệp, rệp bò lồn ngồn trên chiếu. Anh nhớ và thương vợ con anh quá. Và vì thế, anh đã bằng lòng ký vào bản cung thừa nhận làm gián-điệp cho Tây.

Hai ngày sau khi lên huyện thì hồ sơ của anh đã đầy đủ, hoàn toàn theo đúng ý muốn của những người có trách nhiệm. Anh đã là một người tù thực thụ, và quan trọng. Nhưng mãi đến lúc nhận cái bản án hai mươi năm tù, anh vẫn còn ngỡ ngàng như vừa ngủ dậy.

Mãi về sau này, một hôm hai đứa con lớn vào thăm anh, cùng đi với một người làng có thân nhân cùng ở tù một chỗ với anh, anh mới hay rằng anh Hý, làm xã-đội-trưởng dân quân xã anh đã bị Tây nó giết lần đồ bộ hồi ấy. Bấy giờ thì anh vỡ lẽ ra rồi. Anh còn được biết thêm, buổi chiều sau khi anh bị bắt lên xã, con anh có đem cơm cho anh, nhưng chúng bị mắng là con Việt-gian và đành xách cơm trở về. Còn đối với vợ anh, xã đã thi hành chính sách bắt hợp tác, bao vây kinh-tế. Hồi đó vợ anh bán hàng xén. Gánh hàng ấy là phương tiện độc nhất nuôi sống cả gia-đình anh, hai vợ chồng và sáu đứa con nhỏ. Sau mấy buổi chợ bán không ai mua, vợ anh đành cột treo đôi quang gánh và nhắc gánh hàng xén đề vào một xó nhà, rồi xoay làm nghề gánh muối thuê ở bến đò làng Vĩnh-phú, cách nhà anh một cái đò. Những người ở xa đến đó mua muối, vì công việc làm ăn gấp rút, không kịp điều tra để biết nàng là vợ một tên Việt-gian chính cống. Và sự sợ hãi đó, tuy thật có tội với Kháng-chiến, đã giúp nàng nuôi nôi sáu đứa con còn nhỏ đề chờ anh, mà nàng cũng vẫn còn nuôi chút hy vọng một ngày kia sẽ trở về.

... Có tiếng la hét đâu đó. Anh thấy mờ mịt có người xô vào đánh anh. Anh la ư ư « dạ có... dạ có... tôi chịu dạ...

dạ ???... » Rồi tiếp theo có ai vỗ vào vai anh, lay gọi anh. Anh mở mắt sững sờ.

Vợ anh thức dậy từ bao giờ. Nàng bỗng con ra ngồi bên cạnh mà anh không biết. Đến lúc anh cúi chân cho đỡ mỏi, chạm vào nàng thì anh mới chợt tỉnh.

Trước ngó, lũ con anh đã về. Chúng nói chuyện huyền-thiên với nhau. Anh nghe chưa rõ lắm, nhưng sao chúng cười to thế, làm anh hoảng-hốt.

Anh ngồi dậy ngỡ ngàng nhìn vợ anh. Anh nhìn sát như sợ có thể lấm lẩn được. Sao mà anh trông nàng khác quá. Hình ảnh người thôn-nữ gặp anh ngày xưa đã phai mờ chỉ còn lại một vài nét mừng tượng trên vẻ mặt xanh xao, gầy tóp của một người đàn bà nhà quê đang ngồi trước mặt anh. Những năm chiến-tranh cực khổ nhiều, lại qua mấy lần sinh đẻ thiếu thuốc men, thật nhiều khi anh cũng không ngờ vợ anh có thể chịu đựng được đến như vậy. Anh đã đọc nhiều sách ca tụng đức-tính cần-mẫn, chịu khó của người đàn bà Việt-nam, mà đến nay, qua kinh-nghiệm mấy năm sống cực nhọc, anh mới thấy những lời ca tụng ấy là đúng.

Lúc đó, trăng Trung-thu đã ở đỉnh đầu. Con anh đã ngủ cả. Anh lắng tai nghe tiếng sóng vỗ rì rầm vào cồn cát ở xa, xa lắm. Hình như ở đó có cuộc đời riêng rất nhộn nhịp. Còn ở đây, tất cả đều đã chết, chỉ còn lại vợ chồng anh, ngồi sát bên nhau, với những kỷ-niệm chồng chất, xô bồ vào tâm trí anh. Anh vừa mới đi qua một cảnh quen thuộc. Nhưng cảnh ấy cũng đã xa anh rồi, xa

thật rồi. Anh chép miệng và thấy như có mùi vừa chua chua mằn mằn.

Vợ anh đã cho con bú xong. Nàng sờ vào áo anh thấy ướt ỉu ỉu vì sương đêm, mà người anh thì nóng hâm hấp. Nàng hoảng-hốt bảo anh :

— Chết rồi, từ đầu hôm đến giờ anh ngủ ngoài sân hủ. Lại bị cảm rồi.

Nói xong nàng kéo tay anh lay thật mạnh và bảo anh vào nhà ngủ.

Lúc đó, mặt trăng vừa ra khỏi một đám mây, bỗng như sáng rực lên. Anh bàng hoàng nhìn vào mặt vợ, và thốt nhiên anh có cảm-tưởng như anh vừa được ra khỏi tù trở về nhà, và gặp mặt vợ anh lần này là lần đầu tiên trong một khung cảnh lạ, có rất nhiều ánh sáng.

VŨ-QUỲNH-BANG

TRĂNG THU

Sáng ngời một bóng hiện đâu ra ?
Của xức nào đây ? Của xức ta ?
Áng nước, như gương lồng sắc
nước,
Thềm hoa, không bút vẽ tranh
hoa !
Đèn thi ánh sáng, yêu đàn trẻ,
Thơ lắng vắn êm, có bạn già.
Ta muốn lên trăng, đường chả
biết,
Phải chẳng xán-lạn giải Ngân-
hà ? ?

1959

ĐÔNG-XUYÊN



Hộp thư Bách - Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ - niệm Đệ tam chu - niên » (15 - 1 - 1960)

Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số « Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tam chu-niên Bách-Khoa », trân trọng mong các bạn bắt đầu gửi bài về Tòa-soạn Bách - Khoa từ ngày 15.9.59 này.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng đề tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên - lạc trao đổi ý kiến với tác - giả.

B. K.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XXI

(Đưa con trai lớn đã làm ông thất-vọng ê-chề, Diêu-tiến-sinh lại càng thương hai cô con gái sắp rời gối mẹ tay cha để làm dâu nhà người. Cho nên đám cưới Mộc-Lan được sửa soạn cực kì chu-đáo. Bốn hôm sau, tàu lang đưa tân-nương về nhà nàng...)

[...] Hôn-sự của Mộc-Lan đã làm theo một điển-lễ cực-kỳ long-trọng. Cô dâu này đã là cái đích của muôn vạn con mắt chú-thị; cô trông sáng như trăng rằm tỏ-rạng; những người chưa từng được thấy cô bao giờ, đều kinh-ngạc đến tấc thờ đối với cái vẻ đẹp thiên-nhân, thần-nữ của cô. Trừ cái cặp thu-ba đầy ma-lực mê-nhân, với cái thanh-diệu uyên-chuyển kiều-nhược của cô ra, cô còn có cái tư-thái siêu-phàm của thần-tiên nữa. Để xưng-dự người đàn-bà đẹp, ta vẫn nói: « nếu thêm lên một phân thì cao, mà rút đi một phân thì hóa thấp »; quả, đối với cô, chỉ thêm ra một phần nào thì cô sẽ thành béo tốt, phì-nộn mà trái lại, nếu bớt đi ít phần, nhất-định cô sẽ trở nên gầy-gò, mảnh-khảnh. Thế cho nên, ai là người ra những người đàn bà cao lớn, sẽ bảo cô cũng vào hạng đúng tầm-thước đấy chứ. Mà nếu ai ra người đàn bà thấp bé, lại sẽ nói, cô có vóc người vừa-vặn,

óng-ả. Đối với những người có da, có thịt, phì-bệu, cô sẽ được người ta cho là phong-mãn; và đối với những người mảnh-dẻ như thân mai, cô sẽ được người ta liệt vào hạng miêu-diêu, mỹ-quan, vậy. Ở một người mà trời đã ưu-đãi và phú cho một cái nhan-sắc tuyệt-vời, thì cái vẻ đẹp đó, tự-nhiên nó tu-trưởng, hợp-độ; họ chẳng cần phải kiêng-khem, giữ-gìn trong sự ăn uống, họ chẳng phải luyện-tập thân-thể. Mộc-Lan thuộc vào hạng người tự-nhiên có cái tư-dung kiều-diễm và cái vóc người tầm-thước óng-ả vậy.

Thời-thế đã biến-cải, nên Mộc-Lan, đã có tư-tưởng mới, bởi vậy, cô không lấy dáng, lấy điệu, như các cô dâu xưa; cô không e-lẹ, rụt-rè; mắt cứ cằm-vằm xuống đất, không dám ngược lên nhìn ai, với cái bộ mặt ngay-đờ vì lấy dáng. Cô cười, nói với Quế-Cô. Cô đã đóng cái vai cô dâu với tất cả tư-thái tự-nhiên, không bị bó-thiết, gò-ép một tí,

một ly nào. Thỉnh - thoảng, cô đưa mắt nhìn cả hai họ, nhìn các người đi dự lễ-cưới của cô, y như cô không phải là một « cái đình » của cái hỷ-lễ này. Cũng vì vậy mà các bà, các cô vào phải cồ, đều thi-thào bảo nhau: cô dâu gì mà lại kỳ-quái như thế, cô ấy bất chấp cả lễ-giao và quy-cũ, và nhâng-nhâng, nháo-nháo đến khó coi ! Cô dâu gì mà lại thế bao giờ kia chứ !

Trong khi các tân-khách dự tiệc, thì Mộc-Lan và Tân-A phải đến trước mặt từng người một, để chào. Chú rề thì cười híp cả mắt lại vì vui-sướng, cho nên người ta bảo nhau, « chỉ trông thấy có hàm răng chứ không thấy cặp mắt của chú rề đâu cả ! » Đi quanh diên-tịch một vòng cô dâu phải trở về buồng cưới, sắp-sửa, để đón quan-khách đến « náo tân-phòng ». Khi cô đương thay áo, Quế-Thư sẽ bảo thăm cô rằng, có một tốp các bạn đồng-song của chú rề, đương tụ-tập bàn-soạn với nhau, để vào « náo tân-phòng, nên cụ tổ-mẫu phải cho Quế-Thư vào báo trước cho tân-nương rõ.

Theo một thói-tục có đã từ lâu, cuộc náo tân-phòng thường do các bạn thân của cô dâu, chú rề, đột-nhập vào tân-phòng, làm đủ trò, dùng đủ phương pháp để quấy-nhiều tân-nhân, bắt tân-nhân phải cười, vì cái cười mê-nhân của tân-nương vốn chỉ dành riêng cho tân-lang, nên, cái bọn « bạn quý-sứ » náo tân-phòng, cố tình làm cho cô dâu phải cười cho bọn họ, cười trước mặt họ, vì họ muốn bạch-đoạt cái cười đó của tân-lang. Ngoài ra, tục náo tân-phòng còn có một công-dụng và một ý-nghĩa khác. Ở trong xã-hội cũ của người

Tàu, trai gái cách biệt, không có sự thân-cận, nên người ta đặt ra cái tục vui này, nhân-tiện, để cho anh em bạn hữu, anh em trong họ, nhận rõ mặt cô dâu, để phòng ngừa sự lầm-lẫn sau này. Đây là một dịp để bè-bạn thân-thích nhìn tỏ-mặt cô dâu mới vậy.

Nguyên do, Mộc-Lan đã tòng học ở một học-hiệu tân-thức, cô dâu này là một « tân-nhân-vật », nên cô rất « trơ » và không sợ sự chế-giễu, quấy phá, một tí nào hết.

Quế-Thư, nhìn ra phía cửa phòng, bảo Mộc-Lan : « Em kia ! Mấy anh em của Tổ-Vân đã kéo đến kia kia ! Họ là những người chủ-tâm lại để náo tân-phòng đấy ; đâu, Tổ-Mẫu đã cho gọi Tổ-Vân, dặn phải nói riêng trước với họ, đừng có nên làm quá... Nhất-định, họ không dám không vâng lời Tổ-Mẫu đâu ; mới lại, dầu sao, họ cũng là thân-thích của chính tân - lang, kia mà... Em có sợ không, nào ? »

Mộc-Lan đáp : « Thừa cô, em không sợ đâu !... Nhưng, có một điều, đôi giày của em chật quá, nên em thấy đau cứng cả hai bàn chân ra, nếu họ ám em đến chiều, thì em đau chết mất, cô ạ... À Man-Ni đâu ấy, cô nhỉ ? »

Quế-Thư nói : « Man-Ni ở ngoài kia... Lệ-tục không cho em nó vào buồng tân-hôn đâu đấy nhá, em không nhớ ư ? » Phải, Man-Ni chẳng là một quả-phụ mà lại, nên không được phép vào buồng tân-hôn, người ta kiêng.

Quế-Thư lại nói tiếp : « Cả Khổng-thái-thái với cô con gái của bà cũng đã ở đây rồi đấy ».

Mộc-Lan hỏi : « Thừa cô, thế cậu Lập-Phu có lại chưa ạ ? » Ngừng lại một hai

giây, cô lại hỏi Quế-Thư : « Thừa cô, em muốn nhờ cô nói điều này với cậu Lập-Phu, có được không ạ ? »

Quế-Thư đáp : « Sao lại không được, nhưng cô thú thực với em, cô không nhớ rõ mặt nhà cậu ấy đâu... »

Mộc-Lan nói : « Thế thì, em nhờ cô bảo Tân-A vào đây giúp em để tiếp khách, như vậy hơn, cô hạ, chính em, em không sợ náo tân-phòng đâu, nhưng em rất sợ sự chột-nhả, cô ạ ».

Cả đám khách náo tân-phòng đã kéo nhau ùa vào tân-phòng, trong số đó có một người bạn-học của Tân-A, người đó họ Tưởng và là một anh chàng béo mập, có một bộ mặt « bánh-đúc » trông thấy đã phải tức cười rồi, huống hồ anh chàng ta lại có cái tài trợn mắt, méo mồm, sếch mũi, và pha trò hề rất khéo. Lúc đầu, anh rất thắng lợi vì mỗi trò của anh, đều làm cho cô-dâu cười. Thế rồi, anh phưỡn cái bụng ra, bắt-chước Tân-A và nhại tất cả những bộ-điệu thường ngày ở trường của Tân-A. Cả người phù-dâu lẫn Cẩm-Nhi, lúc ấy đứng ở phía sau tân-nương, cũng cười ngặt, cười nghẹo. Tất cả bọn thanh-niên lấy thế làm thú-vị nên nhao-nhao, mỗi người một lời, nói mãi, cười hoài, không ngớt. Sau cùng, anh hề họ Tưởng đó kể một câu chuyện khôi-hài :

Anh ta nói : « Ngày xưa, có một anh lâu-cá, vừa đến ngày hết năm thì túi nhẵn trơn ! Vợ anh ta hỏi tiền, anh ta đáp gọn thon-lớn rằng : « Đừng có lo ». Vừa lúc đó, có một anh thợ cạo đi qua cửa nhà hắn, hắn liền gọi vào để cạo mặt. Bác thợ hi-hoay cạo cái trán xong, đến chỗ lông-mày, anh ta ung-dung bảo bác thợ cạo tuột lông-mày đi, cho anh

ta. Bác thợ ngốc, nghe theo, và vừa cạo được một bên, anh ta nắm lấy tay bác thợ, hất mạnh ra, rồi đứng phắt lên, la-lối om-sòm : « Ối trời đất, ông bà, ông vải, cha mẹ ơi ! Làm sao, anh lại cạo mất cả lông-mày của tôi đi như vậy, thì có chết tôi không ! Tét ra, tôi còn dám vác mặt đi đâu nữa, kia chứ ? » Bác thợ cạo cãi lại, thế nọ, thế kia, nhưng khốn một nỗi, khẩu-thuyết vô bằng... Anh chàng ta liền bảo thắng tay bác thợ : « Thôi, thôi, tôi không nói lời-thôi chi cả, anh đi lên quan với tôi, ngay lập tức, bây giờ ! » Bác thợ cạo sợ quá, chỉ còn một cách là lay van anh ta, xin đền tiền anh ta... Trong túi có bao nhiêu phải róc ra hết, mà đền cho anh ta. Khi bác thợ cạo đã sách cái rương đồ đi khỏi, vợ anh ta liền bảo anh ta : « Nay, này, tiền tiêu năm mới đã có rồi, thì hãy đem cái lông-mày bên kia mà cạo nốt đi, chứ để vậy coi nó kỳ quá ! » Anh ta đáp : « Ấy chết ! Cạo đi là thế nào, ta phải để dành nó đây, để, ra giêng, đến hôm rằm còn phải làm mẻ nữa chứ ! » Anh chàng họ Tưởng, trong khi kể đã lấy một mảnh giấy nhỏ, xấp một tí nước bọt dán lên lông-mày để bịt đi một bên. Mộc-Lan đã cười, mà làm cho cả nhà không ngờ tới. Không những thế, cô còn bảo anh ta :

« Xin anh kể cho một câu chuyện khác nữa ! »

Anh ta đáp : « Không, không, không, thừa không thể được, đâu ạ !.. Câu chuyện của bỉ-nhân đã làm cho tân-nương cười rồi, nếu tân-nương lại bắt bỉ-nhân cứ làm trò hề mãi, thế thì có khác gì, anh giữ « gòn » của ban tức cầu lại tự mình đã cho quả bóng vào gòn của mình để giúp cho bên địch, không?... Nếu tôi chiều theo ý của tân-nương, thì

chẳng hóa ra, tôi đã bị thất bại rồi, còn gì ! »

Nhưng tất cả tân-khách đều cố nài anh ta làm đẹp ý tân-nương. Anh ta liền lại kể : « Xưa, có một người đăng-tri đến cực-diểm. Một hôm, anh ta ra một quãng đồng không, mông-quanh và ngồi ở dưới một gốc cây để làm cái việc « sường thứ ba » của câu ca-dao ; nhưng, trước khi ngồi xuống, anh ta đã giắt cái quạt anh ta đang cầm ở tay, lên một cái chạc cành cây... Khi anh ta đứng lên một lát sau, chợt nhìn thấy cái quạt, anh ta vui-sướng, nhắc lấy nó, và tự mình bảo mình : « Ô, khoái quá ! Minh đương nóng-bức, may sao lại vớ ngay được cái quạt này, chắc hẳn của một anh chàng đăng-tri nào đã bỏ quên ! » Tay phe-phẩy cái quạt, chân bước tới, thế nào anh ta giẫm ngay phải cái đồng « bã-cơm » của chính mình vừa mới « tứ-khoái » vừa xong. Anh ta coi vẻ tức-giận lắm, mà quát lên rằng : « Đồ khốn nào, lại đến đây mà phóng-uế ra như thế này, để cho ông đập phải ! »

Mộc-Lan lại phá lên, cười. Tân-A mới bảo anh chàng họ Tưởng rằng :

« Đây, anh Tưởng, anh còn một cái tài-nghệ tuyệt-kỹ, xưa nay anh em trong trường vẫn thần-phục, cái trò bắt-chước tiếng kêu của súc-vật ! Xin anh làm « lợn » đi cho chúng tôi nghe với, làm « Trư-Bát-Giới » ấy mà ? »

Như vậy anh chàng họ Tưởng liền đóng vai Trư-Bát-Giới ; anh ta nhẩy-nhót múa-may, quay-cuồng, anh ta kêu « eng-éc » rống lên, như con lợn hóa điên, nhưng, tân-nương cứ thản-nhiên, chẳng cười, mà cũng chẳng nói, chẳng rằng gì cả. Lập-Phu thấy vậy, mới tìm cách để cứu-vãn tình-thế, cậu quay bảo với anh

chàng họ Tưởng rằng : « Hồng to rồi anh ơi ! Tân-nương của chúng ta không động-dụng, nhích mép thì làm thế nào, không lẽ ông lại chịu thất-bại hay sao ?.. Hay thế này, anh ạ, anh còn có cái tài làm « lừa » cũng rất khéo, hay anh làm lừa đi xem... »

Khổ thân anh chàng họ Tưởng, anh lại phải đòi trò, xoay ra làm lừa vậy. Anh xòe hai bàn tay ra, để lên hai bên mang-tai, vẫy đi, vẫy lại, rồi hí vang lên đến đỉnh tai, nhưc óc, nhưng, tân-nương cũng vẫn không cười. Lập-phu phải sẽ đi vào tai cô :

« Lần này xin tân-nương phải cười đi cho chứ, cái con lừa này nó hí khéo đến thế, kia mà ! »

Mộc-Lan nể lời của Lập-Phu, vừa nhích miệng cười, vừa nói với anh chàng họ Tưởng rằng :

« Xin đa-tạ Tưởng tin-sinh, tiên-sinh đã nhọc-công làm trò để mua vui cho tất cả tân-khách, tân-khách quả thiết-tình đã rất đổi cao hứng, vậy, một lần nữa, tôi xin đa tạ tiên-sinh... »

Cả bầu không khí bỗng trở nên im-lặng ; tất cả tân khách đều kinh-ngạc vì tân-nương không những, không bị bọn nào tán-phòng quấy-nhiều đến cung cười dỡ, khóc dỡ, như thường-lệ, mà trái lại, lại lên giọng kể-cả cảm ơn bọn nào tán-phòng, thì thiệt là thế-gian có một. Anh chàng họ Tưởng và cả mấy chú họ Ngưu đều tiu-nghỉu, kéo nhau ra. Họ định bụng đến nào tán-phòng, mà phản lại, họ bị tân-nương « nào » lại, họ cụt-hứng và có vẻ rất bẽ-bàng.

Trong khi Ngưu-Đồng-Du và cả tụi đủ nhau đi xem hát bội ở sân sau, cậu Đồng-Du thì-thăm bảo các người kia :

« Thật là từ thừa cha sinh, mẹ đẻ, tôi chưa từng thấy một anh chàng đi náo tân-phòng, bị cô dâu náo lại bao giờ ! Cái cô dâu này, thiệt « mới » hơn cả « phải mới », chứ chẳng không ! »

— Tất cả tân-khách đã ra khỏi tân-phòng, nhưng cô dâu và chú rể vẫn còn phải đợi ở đấy, xem có ai đến nữa không. Khi người bạn học cuối cùng của Tân-A đã bước ra, Tân-A liền hướng về phía Lập-Phu để tạ-ân cậu. Mộc-Lan cũng nói :

« Em cũng xin đa-tạ tấm thịnh-tinh của Lập-Phu-Kha... » Thế rồi, cả ba người đều cả cười, ngăm ý với nhau rằng, cái hợn náo tân-phòng đã bị bại-bắc.

Rồi, cậu Lập-Phu cũng cáo-từ tân-nhân vì cậu e thân-mẫu cậu và cô em cậu, đương chờ cậu để cùng ra về. Một lát sau, khách-khứa đã tan tiệc và ra về cả. Tuy nhiên tiếng thiều-nhạc vẫn chập-chỏi chưa dứt. Ngoài vườn, ánh đèn vẫn sáng trưng như ban ngày. Mãi đến nửa đêm, tiếng âm-nhạc mới đình-chỉ, đèn-đóm mới tắt lần-lần. Cẩm-Nhi và người phù-dầu mới giúp tân-nương thay lễ-phục ; xong đầu đấy, họ tươi cười chúc tân-phòng và tân-lang, rồi bước ra khỏi tân-phòng và thuận tay, khép chặt hai cánh cửa ra, vào, lại.

Lúc ban chiều, làm lễ « hợp - cấn » Mộc-Lan và Tân-A đã chuyện-trò với nhau một cách rất tự-nhiên, chứ không bẽn-lẽn, ngượng-ngùng như những cô dâu, chú rể khác, vì những người ấy thường không quen biết nhau bao giờ, hoặc chưa từng nhìn thấy rõ mặt nhau. Cái việc mà Mộc-Lan đã làm trước hết, là tháo cái đôi giày quá chật ra, rồi cô ngồi nghiêng mình, để xoa, bóp, mấy đầu ngón chân bị đi. Tân-A thấy vậy, liền mỉm-mỉm cười.

Mộc-Lan hỏi : « Anh nhìn cái gì mà cười đấy ? »

Cậu đáp : « Anh nhìn em và cười em đấy, muội-muội ạ. »

Cậu đi lại bên cô và có ý muốn xoa chân cho cô, nhưng cô vội-vàng bỏ thông chân xuống và nói :

« Không việc gì đến anh đâu, đấy nhá, tại đôi giày của em nó chật quá, nên em bị tè đại cả đầu ngón chân đi... »

— Cậu khần-khoăn nói : « Muội-muội, em để anh xoa chân cho nào ! »

Cô dơ ngón tay trở quệt, quệt, lên má mình để « lều-lều » cậu, mà bảo cậu rằng : « Rõ bêu-bêu ! Ai lại thế !... »

Nhưng, cậu cứ quỳ xuống để nhất-định xoa chân cho cô. Cô khoa hai chân, khanh-khách cười, tỏ vẻ không chịu. Cậu bèn nắm chặt lấy hai bàn chân cô và giữ nguyên ở trong lòng bàn tay cậu, và cười, nói :

« Thế là anh tóm được rồi ! Em có chạy đi đằng nào, cho thoát được ! »

Tim cô nhẩy lên, nhẩy xuống, đánh thình-thình ở trong lồng ngực cơ-hồ như muốn nhẩy vọt ra ngoài. Cô hỏi :

« Anh ạ, anh có còn nhớ, lần đầu tiên, ở trên vận-hà, hai chúng mình gặp mặt nhau không, hả anh ? »

— Cậu cười, đáp : « Có, có chứ !... Thế em, em có còn nhớ, ở Sơn-đông, khi nhìn thấy Thái-sơn, chúng mình tranh-luận với nhau không ? Em nhất định rằng Tây-Sơn của em cao, lớn hơn Thái-Sơn của anh, em có còn nhớ không, muội-muội ? »

— Cậu đứng lên và nhường cho cô leo lên giường trước. Thế rồi, hai người ôn lại với nhau, hết chuyện này, tới chuyện khác, mà, trời đã hửng sáng lúc nào không biết. Đêm vui cùng ngắn chẳng đầy gang !

— HẾT —

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG

BÁCH KHOA LXV

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được: Chì tôi; Đợi chờ; Mộng; Thầy Thịnh; Một tâm-hồn; (Nguyễn-Vũ) Cùng một lửa (Nguyễn-Phan-Quế) Hy-lạp thời cổ (Lâm - Công - Khương) Kim (Kim-Phượng-Vũ) Phụng - hoàng đêm; nhạc khúc mùa xuân; (Cao-Hoàng-Nhân) Duyên xuân (Thanh-Nhung) Ở lại; Tình cũ (Chi-Hoài-Vân) Đại-lộ trong hoàng-hôn; Chiều thu; Hoài hương mùa cũ (Trần-Lê-Mỹ) Nhịp lẻ (Chu-Dương) Trăng thu (Hy-Vũ) Phố lò đúc (Trâm-Anh) Vào thu; Mái tóc; Tình kinh thượng; Viễn-du (Phù-Du) Tài-liệu lịch-sử trong tỉnh Phước-tuy; Đạo nghĩa vợ chồng (Trần-Văn-Đề) Biển cả; Quê tôi (Quốc-Anh). Tâm sự; Về Thanh Cầu-nguyên si-mê (Huy-Phương) Cúi mặt (Võ-Thùy-Lam) Phải chăng « Tự-lực văn-đoàn »... (Lưu-Thủy) Tình yêu (Nam-Chính-Nguyên) Rừng sao; Đêm nâu (Trường - Thy) Những người bạn (Trần-Đại) U-hoài; Thay đổi (Vũ-Đức-Vượng) Sự phân loại sách và hệ-thống các thư-viện trên thế-giới (Nguyễn-Hùng-Cường) Khao khát; Đam-mê (Duy-Năng) Một khúc dây (Hương-Quy) Gia-bảo họ Hoàng (Lê-Trung) Thơ dịch (V.P. Lê-Văn-Phong) Khi gió thu về (Băng-Cơ) Thu tuổi trẻ; Phút mơ xưa; Nét thu (Duân-Linh) Tôi sang thăm em (Lê-Hùng) Thu về hôm nay — Em từ đâu tới đây — Trông tìm (My-Thanh) Hương yêu.

Xin trân-trọng cảm-ơn các bạn.



Những bài không đăng: Tôi ở đâu (T.D.) Mưa đêm — Con bồ-câu trắng (C.L.D) Thoáng qua; Màu áo (Tùy bút của T.D.C.) Khóc; Chờ (V. P. N. V. T.) Màu áo thời - gian (V.A.) Yên lành — Trơ trẽn (H.X.N)

Tôi yêu — Nhớ quê hương — Mơ thanh-bình (N.L.G) Tiễn em (M.P.Đ) Bày tỏ (L.L.N.) Vẩn buồn (P.H.Đ.) Đầu mùa (K.T.K.) Niềm thu (F. V.T) Mơ về núi ngự sông Hương (Đ.H.Đ.) Cảm tức — Cũ — Cô-liêu Nếu có bao giờ (T.A.) Mưa trắng (B.N.) Tâm tình (T.L.M.) Lay lắt ghé (T.H.T.) Hãy yêu đi — 15 tháng tám — Suối chảy một dòng sông (T.Đ.) Ký ức ngày khai trang (T.V.) Hoa nước mắt (C.H.V.) Đôi bàn chân (H.C.).

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Sẽ đăng: Anh sẽ cho (Mặc-Phương-Đình).

Ô. Nguyễn-Hiên-Ngân (Huế): Đã nhận được thư ông. Xin trân trọng trả lời đề ông rõ: chủ-nhiệm tạp-chí Bách-Khoa là ông Huỳnh-Văn-Lang và người trình-bày minh họa là họa-sĩ Phạm-Tăng.

Ô. Lương-Mộc: Sẽ lựa đăng các bài dịch của Ông trong các số tới.

Ô. Phan-Thái-Linh « Chiếc lá xanh » không kém nhưng mong sáng-tác khác già dặn hơn của ông, loại lục bát hoặc thất ngôn.

Bạn Mặc-Phương-Đình.— « Anh sẽ cho » đổi một hai chữ đăng được. Chờ sáng-tác khác của bạn. Thơ bảy chữ của bạn có nhiều đặc điểm, « Tiễn em » chưa được đặc sắc.

Bạn Trần-Hà-Trung « Hận tình » chịu sửa câu 12 — 14 thì hay. Đợi sáng-tác khác của bạn.

Bạn Hương-Quy Đã nhận được « Một khúc dây ». Sẽ có thư riêng.



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

百
科
雜
誌